PHAN TRẦN CHÚC

VUA
HAM-NGHI

CHINH KÝ
63 B, Sinh-Từ — Hanoi
XUẤT BẢN

VUA HÀM NGHI
của Phan-trần-Chúc do
nhà sách Chính-Ký xuất-
bản in lần thứ ba tại nhà
in Vĩnh-Thịnh — Hanoi.

Phan-trần Chúc

Vua Hàm Nghi

Nhà sách Chinh-Ký
63B, Phố Sinh Từ — Hà-Nội
XUẤT BẢN

CÁI OAI TÀN CỦA VUA TỰ-ĐỨC

1882-1883 — Về hai năm cuối đời Tự - Đức, lá cờ của triều Nguyễn ủ-rũ, vì đã trải qua mấy phen thất-bại ở chiến trường.

Lốt chân người Pháp dẫm lên gần khắp cõi Đông-dương. Bức đồ Việt-nam thoạt tiên bị cắt đứt ba tỉnh Biên-hòa, Gia - định, Định - tường (5 tháng Sáu 1862) ngày 25 tháng Sáu 1867, Nam-triều mất nốt ba tỉnh Vĩnh-long, Châu-đốc và Hà-tiên. Thế là trọn xứ Nam-kỳ đã về tay người Pháp mà chỉ còn giữ lại có hai trăm mẫu ở hai xã Linh-chung và Tân-mỹ thuộc tỉnh Biên-hòa, làm của hương hỏa để tế họ Đỗ và họ Phạm là họ Từ-Dụ Thái-hậu, mẹ vua Tự-Đức (1).

Trung và Bắc-kỳ tuy vẫn còn là của nhà Nguyễn, nhưng theo điều thứ ba, hiệp ước ngày 15 tháng Ba 1874 « vua An-nam không được phép ký thương-ước với bất cứ một nước nào mà không hợp với thương-ước Pháp-Nam và mỗi lần giao-thiệp với một ngoại - quốc phải trình trước đại - biểu Chánh - phủ Pháp ».

---

(1) Article 5, convention du 15 Mars 1874.

Nước Nam rồn lại chỉ còn có hai xứ là Trung, Bắc-kỳ. Hai xứ ấy lại cũng không được độc-lập hoàn-toàn. Vì ngoại giao của nó đã phải đi theo đuôi ngoại giao nước Pháp.

Trong một nước tạm yên : Những trận đánh ở Bắc-kỳ thoắt đổi làm cuộc giao-thiệp hòa-bình. Nhưng vua Tự-Đức không chịu nổi cái mầm bảo-hộ của người Âu, nên quay về lối ngoại-giao cổ của nước Nam. Ngày 25 tháng Chạp 1880, Nam-triều đệ các đồ tiến cống sang nhà Thanh và gây mối giao-thiệp cũ với Trung-hoa, có ý mượn sức người Tàu để trừ người Pháp.

Việc làm của vua Tự-đức trái với hiệp-ước Pháp-Nam. Ngày 13 tháng Ba 1882, Le Myre de Vilers là Thống-đốc Nam-kỳ có gửi một bức thư ra trách vua Tự-Đức.

Cuộc xung-đột này chưa giải quyết thì lại xẩy ra việc Le Myre de Vilers cử Thiếu-tá Henri Rivière ra Bắc để án ngữ thành Hà-nội.

Le Myre de Vilers hẹn Thiếu-tá Henri Rivière không được động binh. Quân Pháp đóng ở tô giới, quân Nam giữ trong thành. Bản ý Le Myre de Vilers là cho Thiếu-tá Rivière ra thị uy ở Bắc-kỳ để giúp thanh thế cho Rheinart, ngoại giao ủy-viên Pháp trong lúc điều đình với Nam-triều ở Huế.

Nhưng Henri Rivière vốn chủ chiến nên khi viết thư về Sài-gòn, có câu : « Lớp này chúng ta

phải cố đứng vững ở Bắc-kỳ » (1). Rồi y bắn vào thành Hà-nội, rồi y cướp thành. Được tin, Nam-triều tức giận. Rheinart, vì thế mà hỏng việc, phải rời Huế vô Sài-gòn.

Hai tháng sau, ngày 19 tháng Năm 1883 thì Henri Rivière bị quân cờ đen giết ở ô Cầu-giấy (Hà-nội).

Sợi giây giao thiệp dứt.

Ngọn lửa chiến tranh vừa tắt, nhân cơ hội này lại bùng lên.

Khi tin Henri Rivière bị giết về đến Paris, Nghị-viện lập tức bàn ngay việc phái viện-binh sang đánh An-nam và có gửi bức điện sau này cho chức Thống - đốc Nam - kỳ :

« Toàn-thể nghị-viện bỏ phiếu thuận xuất tiền ra để đánh lấy Bắc-kỳ. Nước Pháp sẽ báo thù cho các thần tử ».

Ngày 10 tháng Bẩy, Challemel Lacour, Tổng-trưởng bộ Ngoại-giao tuyên bố tại Hạ-nghị-viện : « Nếu chịu kiên nhẫn một chút thì quân ta cũng có thể giữ được Hà-nội mà chờ viện binh. Song vì quá can đảm nên quân ta không nhịn được chiến tranh mà chủ-tướng bị hại ».

Kinh thành Huế đón cái chết của Henri Rivière một cách khác hẳn.

(1) L'Empire d'Annam par C. Gosselin.

Dân chúng và quan quân cùng vui mừng về cuộc thắng trận ở Bắc-hà. Quân và dân cùng tưởng tượng như một trận Cầu-giấy đã trừ cái ách cho nước Nam và sau khi đã giết Henri Rivière thì người Pháp không bao giờ dám bén mảng đến bờ cõi nước mình nữa.

Trong Triều, vua Tự-Đức tuy đang ngọa bệnh nhưng cũng cố gượng ngự triều. Giữa sự hoan-hỉ của triều-đình, Binh-bộ thượng-thư Trần Tiễn-Thành tỏ ra ý bất-bình. Thành phản-đối việc mở yến tiệc để khao cuộc thắng trận ở Bắc-kỳ, nói : « Trận tuy thắng nhưng phỏng có ích gì. Giết Henri Rivière mới là trừ được một người thù. Nhưng rồi đây sẽ có trăm ngàn người Pháp khác thay cho Henri Rivière. Trận ô Cầu-giấy không lợi gì hết mà chỉ hại cho việc giao thiệp của hai nước sau này. Mai mốt quân Pháp lại kéo ra đánh lấy Hà-nội, rồi dần dần lấy cả thành Huế này nữa thì quân ta chống sao được »...

Tôn - thất - Thuyết tức giận, chê Trần Tiễn-Thành là hèn nhát. Ý Thuyết muốn đánh, đánh đến kỳ cùng. Nếu nước Pháp mang thêm quân sang đánh lấy Bắc-kỳ mà quân ta xét không chống nổi thì xin quân cứu viện của Tàu.

Hai bên không đồng ý, cãi nhau kịch liệt.

Trần Tiễn-Thành : « Tôi là người Tàu, lẽ tự-nhiên là tôi phải nói hay cho nước Tàu. Song cứ xét ở thực-sự thì quân Pháp tuy ít nhưng tinh nhuệ, lại

có khí giới chỉnh bị. Quân Tàu và ta tuy đông nhưng không có thao luyện. Quân Tàu tôi dám chắc rằng không thể thắng được quân Pháp».

Tôn-thất-Thuyết không bàn nữa, phủi áo đứng dậy, nói : «*Ông là người Tàu mà ông khinh nước Tàu. Không biết nhục !*» (1).

Trần Tiễn-Thành nguyên là giòng giối người Tàu vì không phục nhà Thanh và muốn mưu đồ khôi phục lại nhà Minh, nên trốn sang Việt-nam. Trần Tiễn-Thành là người có thao-lược nên được triều-đình Huế tin dùng. Hiện Trần đã được phong đến chức Văn-minh-điện Đại-học-sĩ, lĩnh Binh-bộ Thượng-thư. Xét quân mình, mỗi lần đánh là một lần bại, Trần cho việc giao-chiến với nước Pháp là không thích thời nên thường khuyên vua Tự-Đức nên giảng hòa. Nhưng, phần vì quân địch vô cớ gây sự, phần vì trong triều số đông chủ chiến, nên vua Tự-Đức trước sau vẫn do dự, không dám quyết là nên chiến hay nên hòa.

Nhà vua lại nhân lúc bệnh nguy nên việc nước đành chịu bỏ cho mấy vị quyền thần. Hai đảng, chiến do Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết chủ trương và hòa, do Trần-tiễn-Thành đứng đầu, nhân sự suy nhược của nhà vua mà kéo vây cánh, chia ra làm hai phái phản đối nhau.

(1) Mémoires de S. E. Huỳnh-Côn par Jean Jacnal

Phái muốn giảng hòa với Pháp, phái định đánh nhau đến kỳ cùng. Hai phái hai chính-kiến. Vậy nếu nói chung cả đoàn thể thì, triều-đình Huế cũng như vua Tự-đức trước khi lâm chung không có chính kiến gì hết. Nước Việt-nam như con thuyền trôi trên giòng nước chẩy mạnh, các thủy thủ vì tranh nhau tay lái nên không biết lái về phương nào.

Giữa lúc bối rối đó, vua Tự-Đức thăng hà : 19 tháng Bẩy 1883.



ĐÀN HẶC NGUYỄN-VĂN-TƯỜNG, PHAN-ĐÌNH PHÙNG BỊ TỐNG NGỤC

KHI lâm chung, vua Tự-Đức cho triệu Trần-tiễn-Thành, Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết đến trước long sàng để ký-thác Thụy-Quốc-Công Ưng-Chân là người theo ý muốn của vua Tự-Đức, sau này được kế vị.

Nguyên vua Tự-Đức không con, có nuôi ba người cháu là Ưng-Chân tức Dục-Đức con trai Kiến-thụy Công Hồng-Y (con thứ tư vua Thiệu-Trị) và Ưng-Ky tức Chánh Mông, Ưng-Đăng tức Dưỡng Thiện là con Kiên-Thái Vương Hồng-Cái (con út vua Thiệu-Trị).

Hồng-Y mất trước khi thành Huế thất thủ, Kiên-thái-Vương thì chết một cách không ngờ vào năm 1875. Một buổi sáng người nhà thấy Vương chết ở trong giường, cổ có một vết thương và nằm cạnh một con dao cạo. Người ta nói Kiên-thái-Vương có máu điên nên mấy hôm trước đi chơi thuyền đã chực nhảy xuống sông. Song những lời đó, nhiều người cho là không đúng và ngờ rằng Vương bị ám sát.

Sợ các quyền thần không tôn Thụy quốc-công theo như di chúc, vua Tự-Đức lại muốn mượn oai-quyền của hai vị Hoàng-thúc Thọ-xuân-Vương Mân-Định và Tuy-lý Quận-vương Mân-Trinh để kiềm-chế Nguyễn-văn-Tường và Tôn thất-Thuyết.

Trong di chiếu, vua Tự-Đức nói : « Thọ-xuân-Vương Mân-Định và Tuy-lý Quận-vương Mân-Trinh là những bậc lão thành có đức hạnh mà xưa nay trẫm vẫn kiến trọng. Sau này hai khanh nên vì trẫm mà ngăn ngừa những việc quá lạm về triều-chánh ».

Lời vua Tự-Đức có làm cho Thọ-xuân-Vương và Tuy-lý Quận-vương được vị nể. Nhưng binh quyền và chánh quyền đã về cả tay Tôn thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường. Hai vị Hoàng-thân đành thúc thủ mà nhìn những hành-động chuyên-chế của Thuyết và Tường. Không những thế, tính mệnh hai người sau này lại còn gửi ở trong tay Tôn-thất-Thuyết.

Thụy Quốc-công Dực-Đức lên ngôi. Trong di chiếu của vua Tự-Đức đọc ở triều có câu :

« Hoàng trưởng-tử (1) nay đã khôn lớn, nhưng *cộ tính dâm đãng nên chẳng được tốt* (2). Tuy vậy nước có vua lớn là phúc cho xã tắc, nếu bỏ biết lấy ai thay ?

---

(1) Dục-Đức.

(2) Tính phả hiếu dâm, diệc đại bất thiện

Dục - Đức nghe mấy câu ấy, không bằng lòng, nói riêng với ba vị phụ chánh, xin bỏ tám chữ, rồi hãy thông lục ra các tỉnh. Thành không trả lời, Tường và Thuyết thì nhất định không nghe. Dục-Đức tức giận, nói quả quyết rằng thế nào cũng trả thù được mới nghe. Biết vậy, Tường, Thuyết mới xướng lên việc phế, lập. Trần Tiễn-Thành bất-đắc-dĩ phải theo. Rồi cả ba người cùng vào cung, xin Từ-Dụ Thái-hậu bỏ Dục-Đức mà lập Lãng Quốc-công Hồng-Dật là con út vua Thiệu-Trị (em vua Tự-Đức).

Tường, Thuyết khép Dục-Đức vào ba tội :

1. — Đòi bỏ bớt lời di chiếu ;

2. — Đương có tang mà mặc áo sặc sỡ ;

3. — Dâm đãng và thích ăn ngon !

Liền đó, Dục-Đức bị tống ngục !

Trước khi chết, ông đã trải qua một hồi cơ cực.

Theo lệnh Tôn-Thất Thuyết, giám ngục không cho ai được mang thức ăn hoặc uống dâng vua. Nhưng may có vị quan nhỏ thương tình chủ cũ, nhân một khe ngạch, ngày ngày đút một nắm cơm vào cho Dục-Đức dùng. Muốn cho nhà vua khỏi khát, vị quan ấy phải xấp nước một cái áo cũ đút vào khe ngạch Dục-Đức vắt nước ở trong áo ấy ra mà uống. Nhờ ơn vị quan kia, Dục-Đức sống thoi-thóp được ít ngày. Sau mưu cơ bại lộ, Tôn-Thất Thuyết cho lấp khe lại.

Dục-Đức chết đói.

Đình thần phần nhiều bất bình về việc phế Dục-Đức, nhưng không ai dám phản đối, sợ gây thù với bọn quyền thần. Đô-sát-viện có quyền đàn hặc, nhưng trong 16 quan Ngự-sử tại Đô-sát-viện thì vây cánh Tôn-Thất Thuyết có tới 6 người.

Tuy vậy, Đô-sát-viện cũng cử Phan-đình-Phùng trỉ-trích Nguyễn-văn-Tường và Tôn-Thất Thuyết.

Có người báo trước, Tường cho quân mai phục sẵn. Khi họp quần thần, Tường cứ lẳng lặng để cho Phan-đình-Phùng phân trần. Nhưng Phan vừa nói rứt lời thì Tường liền ra hiệu. Quân mai phục bốn phía đổ ra, trói Phan-đình-Phùng mà hạ ngục.

Bảy hôm sau khi vua Hiệp-Hòa lên ngôi, Phan-đình-Phùng mới được tha, nhưng bị lột hết chức tước.

Phan người làng Đông-Thái phủ Đức-thọ tỉnh Hà-tĩnh, đỗ Đình-nguyên đời hoàng-giáp Tự-Đức và làm quan đến chức Ngự-sử.

Sau khi ra khỏi thành Huế, Phan liền lui về lập ấp ở Vũ-quang, giáp giới hai huyện Hương-sơn và Hương-khê (Hà-tĩnh). Ông chiêu mộ hào-kiệt các nơi, phái người xuất dương du-học và khởi quân cần vương chống nhau với quân Pháp dữ dội trong mấy năm 1892 - 1895.

Phan giữ bốn tỉnh phía Bắc, tổ chức quân đội rất có trật tự. Quân phục của quân Phan-đình-

Phùng giống như quân phục của lính khố xanh, dùng súng kiểu 1874 do Phan-đình-Phùng chế lấy, nhưng khác súng của người Pháp có hai chỗ là cò yếu và trong lòng súng không có khe nên đạn bắn không được xa.. Tuy vậy quân Phan cũng đã giết hại rất nhiều quan quân đi đánh dẹp.

Về việc Phan - đình - Phùng, Đại-úy Gosselin viết :

« Những việc cũ lại lần lượt xẩy ra : quan đại-biểu của triều-đình Huế bị bắt và bị giết, thành bị cướp, làng bị phá, cuộc khủng-bố lan ra khắp vùng trong ba năm trời. Cuối năm 1895, cuộc chống-chọi kém và không có vẻ thống nhất ; vì một cái dấu hiệu bề ngoài rất tầm thường, người ta biết đích là Phan-đình-Phùng đã chết về bệnh lỵ và lao-lực nhiều quá vì phải lẩn-lút ở trong rừng để tránh quân Pháp luôn luôn tầm-nã.

Xác ông bị Nguyễn - Thân quật lên đưa về nguyên quán ở Hà-tĩnh, ngay phía dưới đồn Linh-cảm. Tới nơi, quan quân thiết thiêu-đàn rồi rội dầu hỏa vào đốt cho đến khi xương thịt cháy hết mới nhặt tro mà rắc xuống sông. Các đồng-chí của ông, người nào không chạy qua Lào mà trốn-thoát sang Xiêm đều bị bắt giải về Huế xử-tử ».

⁜

TÔN-THẤT THUYẾT, CON HÙM SÁM CỦA TRIỀU-ĐÌNH HUẾ

THUYẾT là người thế nào mà đã gây được cuộc khủng-bố tại triều-đình Huế, đã đóng vai Thủ-tướng độc-tài ở một thời-đại mà người ta còn hết sức tôn-trọng quân-quyền.

Tôn-Thất Thuyết, người trong hoàng-phái, sinh năm 1835 tại Huế. Xuất thân là võ-tướng, trải qua nhiều cuộc chinh chiến, Tôn-Thất Thuyết lần lượt lên đến chức Phụ Chính đại thần. Sau khi Trần Tiễn-Thành bị hành-thích, Thuyết kiêm cả chức Binh-bộ Thượng-thư. Thế là binh-quyền và chánh-quyền của Nam-triều thu cả trong một tay Tôn-Thất Thuyết.

Năm vua Tự-Đức băng-hà, Thuyết đã gần 50 tuổi, nhưng coi còn rất tráng-kiện.

Theo lời thuật thì «Tôn-Thất Thuyết giỏi về võ nghệ, tính hung hăn và ham hoạt-động; người vạm vỡ, bụng hơi bệu, đầu cạo trọc nên đội khăn khó. Người trong thời thường khen Thuyết là không ưa những lối trang sức bề ngoài».

Lời phê-bình ám hợp với những hành động của Thuyết khi ra dẹp giặc ở Bắc-kỳ. Người ta thuật lại, khi ở Bắc-ninh, quân Thuyết đóng ở phương nào thì phương ấy phải lặng như tha ma.

Những tiếng động, không cứ là trống mõ hay dun dế đều làm cho Thuyết tức giận. Cho nên quân Thuyết đi đến đâu thì thôn dân lập tức phải đập chết gà, chó hoặc mang đi gửi nơi khác, chờ cho Thuyết đi khỏi rồi mới mang về, không thế, tất bị trọng tội.

Một hôm Thuyết ra chơi ngoài phố, chợt thấy một đứa bé đang chửi mẹ, Thuyết đứng lại xem và hỏi tuổi đứa bé. Mẹ nó thưa là nó lên 6 tuổi. Ngồi vào mâm cơm ăn, đứa bé vừa trở đầu đũa thì bị Thuyết sai lính mang ra chém, cho rằng đứa bé đã khôn (biết trở đầu đũa) mà còn chửi mẹ là bất hiếu !

Tại Huế, Thuyết giết không biết bao nhiêu mạng người. Người ta nghiệm thấy rằng sáng nào Thuyết vui vẻ ra hầu thì không sảy ra sự gì. Nhưng sáng nào, Thuyết ra ngồi công-đường mà mặt đã cắm cặm, ngồi khom khom có vẻ tức giận thì hôm ấy ít nhất cũng có một người bị Thuyết chém.

Cái tính hiếu sát làm cho khắp đình thần phải sợ oai vũ của Thuyết. Nhất là quyền của Tôn-Thất Thuyết lại tăng lên đến cực điểm, từ sau khi vua Tự-Đức thăng hà.

Một viên hành-tẩu bộ Binh tên là Chuyên tình cờ bị Thuyết bắt được đang đọc một câu phong-rao

nói xấu Thuyết, lập tức bị Thuyết sai đao-phủ-thủ mang ra chém, không ai dám xin mà dù ai xin cũng không được.

Nguyên thời bấy giờ có một câu phong-rao rất thịnh-hành, mà ngày nay người Huế cũng chưa quên, là :

« Nước Nam có bốn gian - hùng, Tường gian, Viêm dối, Khiêm khùng, Thuyết ngu (1) lại thêm hai thằng vũ phu : Đề Đức, Đề Soạn dương mu chịu đòn (2).»

Trong sáu người bị kể ở câu phong-rao này thì Tôn-thất Thuyết là người bị mạt xát hơn cả.

Người bấy giờ thường khinh lối võ đoán của Tôn-Thất Thuyết, cho Thuyết xuất thân ở nơi quân ngũ, không đủ trí thức làm những việc có ý nghĩa như các quan văn.

Lời xét đoán đó theo ở sự ham chuộng khọa cử trong hồi bấy giờ.

Nhưng nếu phán đoán cao lên một bậc nữa, thì cái bệnh ham giết người của Thuyết tuy đáng trách, nhưng chánh sách độc đoán của Thuyết cũng không nên vin vào sự thất bại mà chê.

---

(1) Nguyễn - văn - Tường, Hoàng-kế-Viêm, Ông Ích-Khiêm, Tôn-thất-Thuyết.

(2) Đề-đốc Nguyễn-Đức và Trần-Soạn.

Mấy năm sau cùng, vua Tự - Đức đã mất hết nghị lực phấn đấu. Triều thần thì kẻ chủ chiến, người chủ hòa, nhưng dù chiến hay hòa, hai phái cũng chỉ vật nhau bằng lưỡi, chứ không ai chịu hành động gì cả. Mấy ông vua kế vị vua Tự-Đức thì, đối với triều đình chưa có oai quyền, với thần dân không đủ tín nhiệm. Vậy trong triều tất phải có một người có định kiến. Người ấy là Tôn-Thất Thuyết. Mà muốn cho cái định kiến kia có thể thực hành được thì thế tất phải trừ những người không đồng ý với Thuyết.

Triều thần, người nào chủ hòa đều bị coi là thù chung của nước Nam và thù riêng của Tôn-Thất Thuyết.

Không những Thuyết không để cho phái phản đối mang cái tư tưởng hòa bình ra thực hành mà lại còn lấy uy vũ bưng miệng mọi người, cấm không ai được phát biểu tư tưởng ấy.

Thuật việc về thời bấy giờ, một bạn đồng liêu với Tôn-Thất Thuyết là Huỳnh-Côn nói :

— « Chúng tôi sợ lối xử trí ấy không biết nhường nào nên trăm miệng đều kín như bưng. Các quan liêu nếu có bàn tán điều gì thì phải đóng kín cổng và giữ cực kỳ bí-mật. »

Tuy vậy, trong giới nào cũng có tai mắt của Tôn-Thất Thuyết, vì vây cánh của Thuyết cực đông Cho nên một vị Án-sát là Tôn-thất Bá ở Bắc-kỳ vô

Kinh chỉ nói có một câu : « Sức người Pháp mười phần, ta chỉ có hai phần » cũng đến tai Thuyết ngay. Cách mấy giờ sau Tôn-Thất Bá bị bắt, trói và giam tại ngục Phù-thừa mãi đến khi người Pháp hạ thành Huế (1885) mở cửa ngục Tôn-Thất Bá mới được ra khỏi.

Không chịu nổi cái không khí chuyên chế của Tôn-Thất Thuyết, Trần-Tiễn Thành xin cáo về, triều-đình không thuận, Trần phải từ chức Binh - bộ Thượng-thư, lui về Quốc-sử-quán.

Tôn-Thất Thuyết là một tử thù của nước Pháp. Nhưng người Pháp đối với Thuyết chỉ có oán với trọng, mà không có khinh.

Các sĩ quan Pháp dự việc hạ thành Huế hầu hết khen ngợi lối tổ chức quân đội của Thuyết và nhận rằng quân An-nam thua là vì khí-giới kém chứ không phải xếp đặt vụng.

Về việc làm của Tôn-Thất Thuyết, lại cũng những sĩ quan ấy nói : « Những việc bạo-động mà Tôn-Thất Thuyết làm nhiều khi thúc dục bởi tấm lòng chân thành yêu nước ».

Khi Tôn-Thất Thuyết chết ở Long-châu (1913), người Tàu viếng ông đôi câu đối sau này :

Thù Nhung bất cộng đái thiên, vạn cổ phương danh lưu Tượng-quận ;

Hộ giá biệt tầm tĩnh địa, thiên niên tàn cốt ký Long-châu.

Thù ngoài không đội trời chung, muôn thuở tiếng thơm ghi Tượng-quận, (1)

Giúp chúa riêng tìm cõi thác, ngàn năm xương bạc gửi Long-châu. (2)

---

(1) Tên nước Nam về đời nhà Tấn.

(2) Một thị trấn ở vườn Nam tỉnh Quảng-Tây nước Tầu, cách Lạng-sơn 50 cây số.



NGUYỄN VĂN-TƯỜNG

TRONG Việt-sử, cái tên thường đi liền với Tôn-Thất Thuyết là Nguyễn Văn-Tường.

Tuy vậy, hai người chỉ liên lạc với nhau đến hết ngày mồng 5 tháng bảy năm 1885. Sau khi người Pháp hạ thành Huế thì Thuyết đưa vua Hàm-Nghi đi trốn, lo khôi phục lại cơ-đồ mà Tường thì chạy sang phía địch để cầu lấy cái phú-quý mà thực ra Tường không được hưởng.

Nguyễn Văn-Tường, người xã An-xá-trung, tỉnh Quảng-trị, sinh năm 1820.

Sinh ở một nhà bình dân, Tường ham học, có nghị-lực, năm 1852 đỗ cử nhân.

Được bổ làm Hành-tẩu bộ Hình (1854), rồi ra tri huyện Quỳnh-lưu.

Năm 1857, Tường giữ chức tri-phủ Lương-giang. Hai năm sau, trở về bộ Công rồi ra Án-sát Thanh-hóa.

Năm 1862, Tường lại quay về Huế làm biện lý bộ Công.

1863, cha chết, Đường về quê chịu tang. Tiếp lại mẹ chết, nên mãi đến năm 1865, Tường mới lại quay vào làm Phủ-doãn Thừa-thiên. Nhưng được một năm thì Tường có lỗi, bị giáng chức.

Năm 1866, Tường bị cử ra làm chức Khâm-phái ở Quảng-trị ; 1873, Tường đột nhiên được thăng Hữu-tham-tri bộ Lễ, cử vô Saigon, tiếp lại ra Bắc điều-đình với Ngoại-giao ủy-viên Pháp Philastre để lấy lại mấy tỉnh Bắc-kỳ mà đại-úy Francis Garnier đã chiếm được.

Năm 1874, Tường được vua Tự-Đức cho toàn-quyền ký hòa ước với nước Pháp. Nhân đấy, Tường được người Pháp tặng Đệ-nhị-đẳng Bắc-Đẩu bội-tinh và vua Tự-Đức phong cho tước Kỳ-vĩ bá và quyền chức Thượng-thư bộ Hộ, xung Cơ-mật viện Đại-thần, kiêm cả việc giao-thiệp với nước Pháp cho đến năm 1881.

Khi vua Tự-Đức băng hà, Tường được đứng đầu hàng phụ-chánh.

Lần lượt leo đến bậc sau rốt trên bước thang sĩ-hoạn, Tường tỏ ra là người có mưu-trí, nhẫn nhục và thức thời.

Khi thất thế, bị đuổi về Quảng-trị (1866), Tường làm công việc của kẻ bị đày ải cũng kiên nhẫn như khi ngồi ghế Phủ-doãn Thừa-thiên. Cho nên vua Tự-Đức thương mà phục chức cho ở triều đình Huế.

Mười hai tháng phát lưu ở Quảng-trị giúp cho Tường xem xét rành mạch nơi này. Khi vua Tự-Đức gia cho Tường xây thành Tân-sở làm hậu thuẫn cho triều đình Huế phòng gặp sự biến ngụy Tường vẽ kiểu, rồi Tường lại đứng đốc công, không nề gì khó nhọc.

Chỗ đáng trách hơn hết là Tường đã nhị tâm. Sau khi vua Tự-Đức mất, người ta ngờ rằng Tường muốn nhờ sức ủng hộ của quân Pháp mà lập con mình lên làm vua. Nhưng trong triều còn có các vị hoàng thân có quyền thần và nhất là có Tôn - Thất Thuyết nên Tường về cánh với Thuyết, cũng chủ chiến như Thuyết, chủ đích là mượn tay Thuyết để trừ những người có thể làm trở ngại cho việc mình.

Nguyễn Văn-Tường lại giỏ về nghề làm thuốc, đi lại trong cung, được Từ Dụ Thái-hậu tin dùng. Quyền của Từ Dụ Thái-hậu ở Huế không kém gì quyền Từ-Hi Thái-hậu, nhà Mãn-thanh. Trong được lòng Thái-hậu, ngoài dựa vào thế lực Tôn-Thất Thuyết, Tường tự ý lập và bỏ vua. Tống ngục Dục-Đức, giết vua Hiệp-Hòa, đày Tuy lý Vương, giết Trần Tiễn-Thành. Mấy việc đều do Tôn- Thất Thuyết làm, nhưng chủ mưu ở Nguyễn văn-Tường. Trong câu phong-rao « Tường gian. Thuyết ngu » người đương thời muốn chỉ rằng Thuyết bị lợi dụng mà không biết.

Cái thái độ mờ ám của Nguyễn văn-Tường đến khi thành Huế thất thủ thì rõ rệt ra ngay. Tôn-Thất Thuyết bị thất bại, đưa vua Hàm-Nghi đi trốn, Tường lẻn ra hàng. Nhưng cũng chẳng giúp nổi được việc gì cho chủ mới, Tường bị Thống soái De Courcy đày ra Côn-đảo với Phạm Thận-Duật và Tôn-Thất Đính là cha Tôn-Thất Thuyết.

Sau Tường bị chuyển sang đày ở Tahiti, hằng năm Chánh phủ trợ cấp 60.000 quan. Nhưng vừa tới Papeiti là một hải cảng của Tahiti thì Tường chết.

Hài cốt được đưa về táng ở Quảng-trị.



ĐÔ ĐỐC COURBET BẮN VÀO CỬA THUẬN

DỤC-ĐỨC bị phế, Tường và Thuyết tôn Lãng Quốc-công là con út vua Thiệu-Trị lên làm vua lấy hiệu là Hiệp-Hòa. Triều thần không ai dám phản kháng gì hết. Phan đình-Phùng bị tống ngục và làm thất-đảm tất cả mọi người. Quần thần đành phải ngậm miệng đứng nghe Nguyễn trọng-Hiệp, Lại-bộ thượng thư đọc tờ chiếu của Từ-Dụ thái-hậu lập vua mới.

Vua Hiệp-Hòa, một thi sĩ ưa cái thú ngâm hoa vịnh nguyệt hơn là miếng đỉnh chung. Các triều thần phải đến tận phủ riêng ông ở Kim-long nài ép ông mới chịu về cung, để gánh lấy một cái trách nhiệm mà tự ông cũng biết là nguy ngập.

Việc Lưu Vĩnh - Phúc (Cờ-đen) giết thiếu tá Henri Rivière ở Sơn-tây gây một mối thù giữa hai nước Pháp, Nam. Cuộc chiến tranh mà Tôn-Thất

Thuyết cùng phái ông mong mỏi từ trước đến giờ, tất phải có.

Chánh phủ Pháp quả quyết chinh-phục nước Nam.

Trong bài diễn văn đọc tại Hạ nghị-viện Pháp ngày 10 tháng Bẩy 1883 Challemel Lacour, Ngoại giao tổng trưởng : « Trước kia cũng tưởng cử đặc biệt ủy viên sang để nhắc cho vua Tự-Đức thi hành hiệp-ước 1874. Nhưng nay quân Cờ-đen đã rõ rệt là quân vua Tự-Đức ; vua Tự-Đức là thù của nước Pháp. Ủy viên ấy đã phải gọi về và nay phải giải quyết việc Viễn-đông bằng chiến tranh. Sẽ có một người am hiểu xứ Bắc-kỳ đứng chỉ huy : Người ấy được cử làm Chánh-phủ ủy-viên và đã tiếp các mệnh lệnh của Chánh phủ ! »

Người mà Lacour nói là Harmand. Ông này trước là y-sĩ ngạch Hải-quân tới Bắc-kỳ lần đầu năm 1845 và đã đứng chỉ huy đội quân hạ thành Nam-định.

Harmand được Chánh-phủ Pháp ủy cho toàn quyền đối phó với nước Nam. Các võ quan đánh phá nơi nào phải bàn trước với ông và phải do nơi ông mới giao thiệp được với Chánh-phủ Pháp.

Ngày 16 tháng tám 1883, hải quân Pháp do thủy-sư Đô-đốc Courbet chỉ huy tới Đà-nẵng (Toura-

ne). Hải đội gồm có hai thiết giáp hạm : Bayard và Atalante một vận tải : Annamite ; hai tuần dương hạm : Drace, Chateau Renaud ; hai pháo thuyền : Vipère và Lynx.

Harmand và De Champeaux đóng trên thiết giáp hạm Bayard.

Khi hải-đội Pháp tới cửa Thuận, Courbet liền phái một sĩ quan đáp thuyền nhỏ đưa tối-hậu-thư vào cho Chánh-phủ Nam-triều, hẹn đến chiều 18 tháng tám nếu Triều-đình Huế không chịu nộp cho quân Pháp các pháo đài (đồn) ở cửa Thuận-an thì Đô-đốc khai chiến.

Lá thư cấp bách làm cho Triều-đình hoảng-sợ. Phái chủ hòa muốn nộp phắt ngay cửa Thuận cho quân Pháp để giữ thế bình yên. Vua Hiệp-Hòa thì do dự. Nhưng Tôn-Thất Thuyết nhận thư một cách thản-nhiên !

Ngay hôm đó, ông cùng với con trai là Tôn-Thất Đảm thân đốc thúc đại quân chở thêm súng khóa-sơn ra các đồn hiện còn chưa chỉnh bị.

Tôn-Thất Thuyết vốn dự bị cuộc tranh đấu ở cửa Thuận-an đã lâu. Vì cửa biển này là cái ngõ của kinh thành Huế. Nếu cửa Thuận mất thì địch quân có thể theo giòng sông Thuận-an mà áp và đến tận kinh thành.

Biết thế hiểm, trong mười năm liền Tôn-Thất Thuyết đã cho xây pháo đài ở cửa bể và hai bên vệ

sông. Những pháo đài ấy có súng ống, có kho đạn và có một hàng đại bác ràn mặt.

Pháo đài xây trên bãi cát, đứng ngoài biển nom vào, lồ lộ như những trái núi con.

Trong khi quân Pháp dự bị hạ thành Thuận-an thì Tôn-Thất Thuyết cũng đã chờ sẵn để tiếp chiến.

Ngày 18 tháng Tám, hai bên cùng nóng lòng chờ cho chóng tối và cùng tự tín rằng thắng sẽ về mình và cuộc chiến tranh này sẽ giải quyết được vấn đề Việt-nam.

5 giờ rưỡi chiều, hạn phúc thư của triều đình Huế hết.

Một trái đạn đại bác đi theo với tiếng nổ từ ngoài biển gieo mạnh vào đồn Hải đài. Tiếp đến trái thứ hai, thứ ba. Năm phút sau, tiếng đại bác liên thanh. Đạn như mưa rội xuống Hải-đài, một cái thành kiên cố của Nam-triều ở phía Bắc cửa Thuận-An bị bọc trong màn khói.

Đáp lại món quà của hải quân Pháp,quân Việt-nam từ trên đồn dùng súng Khoa-sơn bắn đạn lớn về phía hai chiếc thiết giáp hạm Bayard và Atalante. Mặt nước yên lặng của cửa Thuận-an phút chốc đã thành cái mồ chung cho mấy ngàn chiến sĩ.

Cửa Thuận-an như một cái ngõ hẻm phía Bắc có đồn Hải-đài, phía nam có Hà-nhuận.

Phía trong đồn Hải-đài có một Ngự lâu. Chốn này bị cuộc chiến tranh đổi thành pháo đài. Trước

lầu Nam quân đặt một giẫy 4 khẩu thần-công. Đội quân nhỏ ấy làm cho hải-quân Pháp phải kinh ngạc, nó không chịu kém quân Pháp một viên đạn nào! Không những hai lần nó bắn trúng pháo thuyền Vipère đỗ ở phía trong, mà lại còn bắn tràn ra thiết giáp hạm Bayard đỗ ở ngoài khơi xa lắc.

Tiếp với Hải-đài, đồn Hà-nhuận của Nam quân cũng bắn liên thanh. Chỗ yếu của quân Nam là súng của mình toàn một hạng súng đồng bắn bằng đạn dặc và láp do đằng miệng, sức đi yếu quá, phần nhiều rơi xuống bể.

Súng của hải-quân Pháp đúc theo kiểu mới (sau hồi Pháp-Phổ chiến tranh) bắn có hiệu lực hơn, làm cho Nam-quân chết hại cực nhiều. Nhưng khuyết-điểm chẳng làm giảm nhuệ-khí của Nam-quân. Một người lính này chết lập tức có một người lính khác ra thay, xác nọ chồng lên xác kia, các chiến sĩ như đã thề cùng nhau ở cửa Thuận.

Đêm 18, Nam-quân lại có thêm viện binh từ Huế kéo ra.

Xuốt hai ngày 19 và 20, cuộc tranh đấu kịch-liệt một cách không ngờ!

Nhưng đang đêm, quân Pháp xuất-kỳ bất ý đánh chẹn ngang đồn Hải-đài. Sau một loạt súng từ mặt bể đưa vào, Nam-quân chết gục cả xuống ngay miệng súng.

Sáng 21 tháng tám, hai pháo-thuyền Vipère và Lynx của Pháp xông vào hải-khẩu đồn Hải-đài đã im tiếng súng. Nhưng về phía nam, đồn Hà-nhuận vẫn bắn. Rồi các đồn Hạp-châu, Cồn-sơn, Hi-dụ, Lộ-châu, Phổ-lợi cũng tiếp với đồn Hà-nhuận mà bắn vào pháo thuyền của địch-quân.

Thế đã kém. Kho đạn trên đồn Hạp-châu lại bị nổ. Nam-quân núng.

Thừa thắng, Thủy-sư Đô-đốc Courbet ra lệnh bắn chặn vào hai bên hải-khẩu, rồi kéo lên bộ. Những chông mà Nam-triều cắm chìm trên bãi cát, trước tưởng có lợi, nhưng dưới đế giầy của lính Pháp nó chẳng có hiệu lực gì.

Quân Pháp cướp luôn mấy đồn trên cửa Thuận-an.

Công xếp đặt của Nam-triều trong mười năm rút lại bị Hải-quân Pháp phá vỡ trong ba buổi.

Trong bảy pháo-đài lớn giữ cửa Thuận-an có một đồn, khi quân Pháp đến vẫn chưa xây xong.

Đồn ấy là Cồn-cỏ do một vị quan là Trần-tiếp-Thành đứng đốc công phía tây đồn vẫn bỏ ngỏ để chịu đạn của quân Pháp.

Việc phòng thủ cửa Thuận là một công cuộc lớn của Nam-triều. Tổ chức việc che chở cho bờ cõi phía Đông, Nam-triều đã chẳng ngại tốn của, tốn công. Nam-quân có vì khí giới kém mà bị thất bại, nhưng

cái khí hào-hùng còn phảng phất ở cửa Thuận-an, trên bãi cát trắng đã chôn mấy ngàn tử-sĩ. (1)

(1) Trận này Nam-quân thiệt mất bốn viên đại tướng là Lê-Sĩ, Lê-Chuẩn, Lâm-Hoành và Nguyễn-Trung.



MỘT HÒA ƯỚC KÝ TRÊN VŨNG MÁU

HẢI quân Pháp đã chiếm được đồn Hải-đài, ở phía bắc cửa Thuận. Những thành-trì kiên cố của đồn này và Ngự-lâu, thốt thành ra những bức tường mạnh-mẽ để che-chở cho địch quân. Chiếc cầu lớn của Chiêu-thương cục (1) là một công ty buôn của người Tầu ở cửa Thuận bị người Pháp dùng làm cầu đổ bộ cho pháo binh. Binh-sĩ Pháp chỉ chịu khó dầy mấy ngàn xác chết của Nam-quân ở đồn và trụ-sở Chiêu-thương-cục ra là đủ có một đồn Hải-quân rộng rãi.

Phía nam, các đồn Hà-nhuận, Hạp-châu, Lộ-châu, Cồn-sơn, Cồn-cỏ, Hi-dụ và Phổ-lợi vẫn cố chống. Nhưng những tiếng súng lẻ tẻ bắn vào chỗ hư không như báo cho bên địch biết rằng Nam quân đã vì sự nghèo khí - giới, nghèo đạn dược mà nghèo luôn cả sự hăng hái hy-sinh cho bờ cõi.

---

(1) — Chiêu-thương-cục chuyên cung cấp hàng hóa cho Nam-triều. Hội buôn này trụ sở Bắc-kinh người đứng đầu là Lý-Hồng-Chương, Thủ tướng Mãn-thanh.

Mấy giờ liền, các đồn ở cửa Thuận đồng thời dâng biểu về triều xin viện binh. Nhưng kho tàng đã cạn, cũng như cái chí phấn đấu của một nửa triều đình đã chết ngay từ khi chưa có cuộc chiến tranh. Vua Hiệp-hòa thiết triều, các đình thần đều chủ hòa. Ngay tối 21 tháng tám, Nam triều cử Lại-bộ thượng-thư Nguyễn-trọng-Hợp ra cửa Thuận xin đình chiến.

Muốn cho điều đình được dễ dàng triều đình cử thêm cố Gaspard (cố Kim Long) cùng đi với quan Lại-bộ thượng-thư.

Nguyễn-trọng-Hợp ra đến cửa Thuận thì trời đã tối xẩm. Ông hạ lệnh cho các đồn Nam đình bắn. Nhưng ngoài biển, từ các chiến hạm của quân Pháp đạn vẫn vun vút bay vào.

Nguyễn-trọng-Hợp và cố Kim-Long khi xuống thuyền phải đốt đuốc và viết mấy chữ « miễn chiến » vào vải trắng căng lên mạn thuyền.

Tới Hải-dài là đồn quân Pháp đã chiếm được, Nguyễn-trọng-Hợp và cố Kim-Long xin giảng hòa với đại biểu Pháp Harmand. Harmand ưng đình chiến trong 48 giờ, nhưng bắt triều đình Huế phải thi hành ngay mấy điều :

1°) Nam-quân phải rút ngay ra khỏi 7 đồn chính và 5 đồn phụ ở giọc sông, từ kinh thành ra cửa Thuận và hủy bỏ thuốc súng ở 12 đồn ấy;

2°) Triệt bỏ những chông cắm ở hai cửa sông Thuận-an.

3°) Trả lại quân Pháp hai chiếc tầu do nước Pháp giao cho vua Tự-Đức theo như hiệp-ước 1874 và trả lại luôn cả chiếc « Scorpion » là pháo thuyền mà quân Nam đã chiếm được của Francis Garnier.

Nguyễn-trọng-Hợp thuận theo. Sáng 22 tháng tám đình chiến.

Nguyễn-trọng-Hợp cùng với đại biểu Pháp bắt đầu thảo hiệp-ước mới.

Dưới lưỡi gươm của vệ binh, bốn đại biểu của hai nước giải phẫu cái xác không có hoạt động của bức địa đồ nước Nam. Kẻ thắng trận mang ý muốn truyền bảo cho kẻ thua. Một lời nói, một chữ viết mà Nam-triều không thuận tất sẽ có một trận mưa đạn rội vào cửa Thuận.

Kết cục hiệp-ước thảo xong.

Điều thứ nhất. — Nước Nam thừa nhận quyền Bảo-hộ của nước Pháp. Việc ngoại-giao của nước Nam với bất cứ một cường quốc nào đều do nơi Pháp chủ-chương.

Điều thứ hai. — Tỉnh Bình-thuận sẽ sát-nhập vào xứ Nam-kỳ, thành thuộc-địa của nước Pháp.

Điều thứ ba. — Quân Pháp sẽ giữ giải núi Đèo-ngang cho ra đến Vũng-chùa cùng các đồn ải ở Thuận-An và cửa sông Huế. Tại mấy nơi này, nước Pháp được tự-ý xây thêm đồn lũy.

Điều thứ tư. — Chánh phủ Nam-triều phải tức-tốc thu quân ở Bắc-kỳ về và quân đội sẽ hạn-chế theo như điều-ước.

Điều thứ năm. — Chánh phủ Nam-triều hạ lệnh cho các quan-lại Bắc-kỳ phải về nhậm chức, cử quan-lại mới cho những nơi hiện thiếu và thừa nhận những quan-lại do các nhà dương-chức Pháp tuyển-bổ.

Điều thứ sáu. — Các quan tỉnh từ phía bắc Bình-thuận trở ra và từ Đèo-ngang trở vào được cai-trị như cũ, chỉ bị người Pháp kiểm-xát về thương-chánh và công-chánh là những món cần điều-khiển một cách thống-nhất và có chuyên môn.

Theo hiệp - ước, tại Huế có Khâm - sứ người Pháp. Tại Bắc-kỳ thì khắp các tỉnh có Công-sứ, có quan Pháp mà quan An-nam thì phải phụ-thuộc vào các vị Đại-thần Pháp ấy.

Ngoại giao, tài chánh, quân-bị bao nhiêu vấn đề ấy Nam-triều trao cả cho nước Pháp. Trái lại nước Nam được miễn khỏi phải trả nợ về chiến-phí cho nước Pháp theo như hiệp-ước năm 1874.

Sự thất-bại ở cửa Thuận thay đổi hẳn số mệnh của nước Nam.

Ngày 25 tháng Tám, đại-biểu của hai nước ký hiệp - ước. Chiều 25, Harmand cùng với De Champeaux lên tòa Lãnh-sự Huế (đổi làm tòa khâm sứ) ở hữu-ngạn Hương-giang.

Sau đó, hai đại - biểu Pháp vào bệ kiến vua Hiệp-Hòa.

Harmand đặt De Champeaux làm Khâm - sứ Trung-bộ. Viên này nguyên trước là Hải-quân Trung-úy và giữ chức Thanh-tra các việc bản-xứ ở Nam-kỳ.

Tiếp, Harmand ra Bắc, cử Thống-soái Bichot thay Thống-soái Bouet, rồi mang quân đánh hai thành Sơn - tây và Bắc - ninh, sau khi đã hạ được thành Hà-nội.



VUA HIỆP-HÒA CHỌN MỘT TRONG BA CÁCH CHẾT

Sự thất bại ở cửa Thuận là một cái hận vô cùng của nước Nam. Nhưng, trái lại, phái địch của Tôn-thất-Thuyết tại Nam-triều muốn nhân đó làm một cơ hội tốt để lật bàn tay sắt của viên phụ chính độc-tài. Vì ai cũng tin rằng viên đạn của Đô-đốc Courbet và hiệp-ước Harmand sẽ làm cho thanh thế Tôn-thất-Thuyết mười phần bớt đi đến bẩy tám.

Giữa triều, Hồng-Sâm là con trai Tuy-lý quận-vương, giữ chức Sung-biện Nội-các, đương nhiên công-kích Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường. Hồng-Sâm gọi hai người là gian-thần và buộc cho hai người cái tội đã làm mất nước.

Sâm dám làm việc phi-thường ấy là vì cậy ở lòng tin yêu của vua Hiệp-Hòa.

Nhà vua cũng tưởng nhân dịp này có thể trừ được hai vị quyền-thần nên việc làm tỏ ra cương quyết và dần dần như muốn leo lên chức chủ-nhân-ông thật của triều đình Huế.

Tuy-lý quận-vương Mân-Trinh, một người thù của Tôn-thất-Thuyết được vua Hiệp-Hòa thăng Tuy-lý Vương và kiêm-quản việc giao-thiệp với thượng sứ Pháp. Trong triều có người tâu rằng Vương không quen việc đó, sợ làm điều thất thố. Nhưng vua Hiệp-Hòa quả quyết nói : « Tuy-lý Vương là người có tuổi, có đức, có kiến-thức và vốn trung-thành với triều đình. Trẫm đã quyết định giao cho Vương chức Toàn-quyền để giao-thiệp với người Pháp. Các khanh không nên ngăn ».

Đối với những cử-chỉ — thất-sách nhiều hơn là đắc-sách — của vua Hiệp-Hòa, Tường và Thuyết cứ thản nhiên. Vì họ tin rằng vua Hiệp-Hòa dù có tin lầm ở cái hư-vị của mình mà hoạt động đôi chút đi nữa cũng chẳng hại gì : quân quyền là cái mãnh-lực duy nhất của một nước hiện còn trong tay họ.

Vua Hiệp-Hòa không hiểu như thế nên tự ý giao thiệp với người Pháp và định nếu có sẩy ra việc gì thì sẽ mượn tay tướng Pháp trừ Tôn-thất Thuyết và Nguyễn-văn-Tường cũng không muộn.

Chợt có mật sớ của Hồng-Phi, tham-tri bộ Lại, con trai Tùng-thiện Vương và Hồng-Sâm, sung biện Nội-các xin giết hai quyền thần. Vua xem sớ xong

phê : « Giao Trần-Khanh phụng duyệt », rồi giao sớ cho thái-giám mang ra nhà Trần-tiễn-Thành ở chợ Dinh-Ông.

Lúc ấy đã chiều, Trần-Đạt ra đến cửa Nhật-tinh thì gặp Nguyễn văn - Tường vào. Tường hỏi, Đạt đáp là đưa sớ đến nhà Trần tiễn-Thành. Tường giật lấy tráp xem, thấy mấy chữ phê, đâm nghi, liền nói : « Ta cũng là phụ chánh, đưa đây ta xem cũng được ». Miệng nói, tay mở tráp lấy sớ xem. Đọc xong, Tường bỗng biến sắc mặt, không nói năng gì hết, sai lính hầu bắt Trần-Đạt giam một nơi. Còn chính mình thì thân đưa sớ đến cho Thuyết xem.

Thuyết thét lên một tiếng, toan mặc áo vào cung, nhưng Tường ngăn lại, hai người bàn-bạc với nhau một lúc rồi cho triệu các quan đến họp ở bộ-đường bộ Binh, tuyên-bố rằng vua Hiệp-Hòa mưu giết đại thần có chứng cớ hẳn hoi, không thể để vậy được. Rồi Tường cho thảo sớ lấy chữ các quan, xin Thái-hậu bỏ vua Hiệp-hòa, lập người khác.

Ngay lúc ấy, Tường sai Ông Ích - Khiêm vào cung giết vua Hiệp-Hòa.

Khiêm mang 50 tên lính khiêng một cái võng vào điện Càn-thành. Vua ngủ vừa thức giấc giậy, thấy động liền hỏi. Ông Ích-Khiêm lên tiếng đáp : « Vâng chỉ Lưỡng-tôn-cung và triều mạng, mời đức ông đi ra ngoài ». Vua chưa biết nói thế nào thì họ

đã sấn đến lăn vua vào trong võng mà khiêng sang Dục-Đức Đường.

Nơi này có để sẵn trên bàn một thanh gươm, một sợi dây lụa, một bình thuốc độc tức là « Tam-ban triều điển » Khiêm lậy rồi khóc, tâu : « Triều mạng có ba vật đó, xin đức ông chọn lấy một », Vua ngập ngừng, nói : « Ta có tội gì mà các ngươi giết ta? » Ông Ích-Khiêm đáp : « Chúng tôi chỉ biết làm theo triều mạng, ngoài ra không biết gì nữa».

Một lúc lâu, vua không chịu tự xử. Ông Ích Khiêm gọi lính vào, truyền : « Đức ông đã không tự-xử thì bọn mày cứ hạ thủ đi ! » Lập tức bọn lính đè vua xuống, chận tay chân, lấy thuốc độc đổ vào tai được một lúc thì vua chết, lưỡi lè ra khỏi miệng.

Quân lính nhặt xác vua Hiệp-Hòa để lên võng khiêng về phủ riêng tại Kim-long. Tới nơi, lính bỏ xác vào trong phủ, người nhà đổ ra kêu khóc và vội vàng cuốn sác vào trong một cái chiếu rồi khiêng sang bên kia sông chôn vội xuống cái lỗ người ta vừa cải táng.

Mấy hôm sau, mọi việc trong triều đã yên ổn người nhà mới ra đào sác vua Hiệp-Hòa lên mà táng lại theo nghi lễ của những nhà bình dân.

Lên ngôi ngày 20 tháng bẩy bị giết ngày 29 tháng một, vua Hiệp-Hòa nếm miếng đỉnh chung được không đầy năm tháng.

Vì việc này Hồng-Phi bị giết tại bộ Lại. Còn Hồng-Sâm thì bị tống giam.

TRẦN-TIỄN-THÀNH BỊ GIẾT, TUY-LÝ-VƯƠNG BỊ ĐẦY VÔ QUẢNG-NGÃI

ĐƯỢC tin vua Hiệp-Hòa bị giết, Trần-tiễn-Thành biết thân mình cũng chẳng thoát được nào. Trần liền căn dặn người nhà, tắm rửa sạch sẽ đến trước bức ngự-dung vua Tự-Đức lậy bốn lậy rồi lên lầu nằm chờ... chết.

Việc triều-biến lúc đầu giữ bí mật nhưng sau huyên-truyền cả ra ngoài thành. Quân lính tấp nập, đi bắt người này, khám chỗ nọ, thành Huế có cái cảnh-trạng như lại sắp xảy ra một cuộc biến-thiên.

Nhưng sự náo động từ chiều trở về tối thì bớt hẳn.

Trần-tiễn-Thành vẫn yên trí nằm chờ.

Đêm khuya, mọi người trong nhà như đã quên cái thảm-trạng ban ngày mà ngủ yên thì chợt có tiếng đập cửa, tiếp đến tiếng gọi : « Thái-hậu cho gọi ông lớn vào cung có việc cần ».

Tiếng gọi hốt-hoảng và như ở giữa một số đông người. Biết nguy, một người tỳ-thiếp của Trần ra chặn lấy cửa. Bọn người ở ngoài thấy phía trong có người chống, liền phóng một lưỡi gươm qua khe cửa. Then gẫy, cửa mở toang, người thiếu phụ gẫy cánh tay, nằm gục xuống thềm. Cả bọn xông vào. Trần ở trên lầu thấy động, vừa xuống được nửa cầu thang thì bị người đi đầu bọn đâm trúng một lưỡi gươm.

Trần-tiễn-Thành chết.

Bọn lính này là thủ-hạ của Trương-văn-Đề tay chân của Tôn-thất-Thuyết.

* * *

Vua bị giết, con bị giam, Tuy-lý-Vương biết thế mình nếu có đứng cũng không yên. Vương định bỏ rời kinh thành để tỏ rõ rằng mình không dự vào việc giết vua Hiệp-Hòa.

Có người can ngăn, Vương đáp :

« Ngày xưa, Triệu-Đôn với Triệu-Xuyên cùng thờ vua Tấn. Xuyên giết vua và cướp ngôi, Đôn vốn là bề tôi trung, nhưng chính Đôn cũng mục-kích tấn thảm-kịch mà không chịu đi khỏi nước. Đời sau, nhà làm sử buộc Đôn vào tội đồng-mưu với Xuyên mà giết vua. Tôi là người hoàng-phái lại giữ chức trọng trong triều. Không có cách can ngăn để cho bọn Thuyết phạm tội ác tầy đình, tôi tự

biết là nhục lắm. Đã vậy, không lẽ tôi lại cứ ở yên đây để họp mặt với kẻ kia. »

Lời Tuy-lý-Vương nói trên này chỉ là để che sự lo sợ của Vương đối với hai vị quyền thần. Vì Hồng-Sâm là con trai Tuy-lý-Vương bị bắt mà chưa biết sống chết thế nào. Trần-tiễn-Thành đã bị giết thì Tuy-lý-Vương cũng không thể là người mà bọn Tường không để ý.

Tuy vậy Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết vẫn để cho Tuy-lý-Vương được tự-do. Nhưng Vương cáo ốm không vào triều, rồi từ phủ riêng ở Vĩ-dạ trốn thẳng ra cửa Thuận. Cũng như vua Hiệp-Hòa, ý Vương là muốn mượn thế-lực của quân Pháp để gỡ cái nạn chuyên-chế của Thuyết và Tường.

Tuy-lý-Vương vào yết-kiến viên lãnh-sự Pháp De Champeaux rồi lưu ở trại Hải-quân.

Luôn mấy hôm thấy vắng mặt Tuy-lý-Vương, Tôn-thất-Tuyết sinh nghi. Khi dò biết rằng Vương đã noi gương vua Hiệp-Hòa, Thuyết lập tức cho vây phủ Tuy-lý-Vương và bắt tất cả con cái của Vương mà tống ngục.

Đồng thời, Thuyết lại phái người ra cửa Thuận, yêu cầu lãnh-sự Pháp phải giao Tuy-lý-Vương trả Nam-triều. De Champeaux trước còn do-dự, sau nghĩ chẳng nên vì một người gây thù với cả một

triều-đình, nhất là cuộc chiến-tranh mới xảy ra ba tháng trước đã làm cho nước Pháp hao tổn nhiều tướng-sĩ.

Hai hôm sau, lãnh-sự Pháp mang Tuy-lý Vương trả Nam-triều.

Vương cùng các con bị giam tại ngục Phủ-thừa.

Ngày 30 tháng Chạp 1883, Hồng-Sâm bị khép vào tội phản quốc, xử-tử. Hồng-Tu là con cả Tuy-lý-Vương cũng bị chết một cách khả-nghi.

Toàn gia Tuy-lý-Vương bị chia ra đầy ở ba nơi Bình-định, Phú-yên và Quảng-ngãi.

Tuy-lý-Vương sức yếu lại quen sinh trưởng ở nơi quyền-quí, cùng với các con giắt díu nhau rời kinh thành Huế. Từ nơi cực phong-lưu rơi xuống chốn cực phong trần, cuộc phiêu-linh của Tuy-lý-Vương gợi ra một cảnh rất thương-tâm.

Ngày 13 tháng Bẩy 1885, đảng Văn-Thân ở Quảng-ngãi do cử-nhân Lê-trung-Đình và Tú-tài Nguyễn-tú-Hân khởi lên chống với quân Pháp, tôn Tuy-lý-Vương làm Phụ-quốc Vương. Nhưng đảng này bị quân Nguyễn-Thân hợp với quân Pháp đánh tan. Mãi đến đời vua Đồng-Khánh, Tuy-lý-Vương mới lại được gọi về triều phục-chức.



NGUYỄN-VĂN-TƯỜNG ĐỊNH XÉ HÒA-ƯỚC 25 THÁNG TÁM

VUA Hiệp-Hòa, chết Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết tôn Dưỡng-Thiện là con trai Kiên-Thái-Vương và là con nuôi vua Tự-Đức lên làm vua, lấy hiệu là Kiến-Phúc.

Nhiều người nghi rằng Nguyễn-văn-Tường tôn Dưỡng-Thiện mà không lựa người khác có tư-cách hơn là vì con trai Tường lấy chị Dưỡng-Thiện. Tường muốn vin vào vua mới để tăng thế-lực.

Nhưng sự thực không thế.

Việc lập vua Hiệp-Hòa đã giúp cho Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất Thuyết một món kinh-nghiệm. Vua mới, nếu lớn tuổi, tất sẽ tìm cách thoát-ly quyền phụ-chánh mà tự ý giao-thiệp với người ngoài. Lập thiếu-quân, Nguyễn-văn-Tường giữ được cái thế chắc chắn là vua Kiến-Phúc sẽ không chịu ảnh-hưởng nào khác, ngoài cái ý muốn của Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường, ý muốn ấy là bài trừ người Pháp.

Vì hiệp-ước 25 tháng Tám 1883 là một viên thuốc đắng hai người không nhắm mắt mà nuốt được trôi. Nó chỉ là một cớ để hoãn binh.

30 tháng Chín 1883, sau khi Đô-đốc Courbet và Thượng-sứ Harmand ra khỏi cửa Thuận, Tôn-thất-Thuyết lại khởi thế công để khôi phục lại cái thanh-thế đã mất vì sự thất bại ở cửa Thuận ngày 21 tháng Tám.

Buổi chiều, Thuyết ra lệnh cho đảng Văn-thân dự-bị sáng sớm hôm sau đi phá, giết các giáo dân. Theo hiệu súng đại-bác trong thành, các nơi đồng thời phải khởi sự.

Nhưng Nguyễn-văn-Tường cho cuộc tàn-sát này khí sớm quá, vì Tường nghĩ rằng quân Nam-triều từ khi thua trận chưa tổ-chức lại. Giết tín đồ và giáo-sĩ tức là gây thù với người Pháp. Nếu quân Pháp mượn cớ này mà từ cửa Thuận kéo vào kinh thành Huế thì Nam quân chống sao lại.

Thuyết cho lời Tường là phải, nên hoãn việc đánh phá các giáo-đoàn.

Đêm 28, Văn-thân kéo đến vây các giáo-đoàn từ buổi tối chờ mãi cho đến tang tảng sáng, không thấy có hiệu lệnh, kéo nhau ra về.

Hầu Chuyên đứng đầu phá các giáo-đoàn ở phía Nam thành Huế. Tin rằng ở xa không nghe tiếng súng, nên đúng giờ cứ hạ-thủ. Chỉ trong mấy giờ các nhà thờ và cơ-nghiệp của mấy trăm giáo-dân ở

Truồi, Cầu-hai, Nước-ngọt, Châu Mới và Buông-tàm bị một tay Hầu Chuyên làm cho tan thành tro bụi.

Lãnh-sự Pháp ở Huế đứng vào tình thế rất nguy. De Champeaux phải yêu cầu viên tổng-binh Pháp ở cửa Thuận giúp cho 50 tên lính (lữ đoàn hải-quân số 27) để phòng chống giữ tòa lãnh-sự.

Viên tổng-binh Lejard ở cửa Thuận còn lại 550 tên quân.

De Champeaux không chịu thừa nhận vua Kiến-Phúc, nhất định đóng cửa nằm trong lãnh-sự quán. Cố Kim-Long (Gaspar) và ba giáo-sĩ nữa phải vào ẩn tại tòa lãnh sự để nhờ Champeaux che chở.

Triều-đình Huế cũng biết là mình ở vào trường-hợp khó-khăn nên đã phái hai chiếc tàu nhỏ đi Bắc-hải mượn quân cứu-viện của Tàu. Nhưng hai chiếc tàu này, khi ra vừa đến cửa Thuận thì bị chiến-hạm Atalante của hải quân Pháp đón bắt.

Tiếp, lại nhận được tin quân Hoàng-kế-Viêm bị thất-bại ở Sơn-tây, Nguyễn-văn-Tường biết rằng nếu chống với người Pháp vào lúc này tất nguy, nên chịu gây cuộc hòa-hảo với lãnh-sự Pháp. Theo lời yêu cầu của De Champeaux, triều-đình Huế mang Hầu Chuyên ra kết án xử-tử, vì Chuyên tình nguyện như thế để cứu cho thế nước.

Nam-triều phải đền cho các nhà bị nạn ngót 10.000$.

Nhưng đến 13 tháng Chạp 1883 lại có lệnh bí mật của đảng Văn-thân, khuyên dân đúc khí giới và trừ bọn « thù chung ». Đảng này định cử sự vào giữa khoảng mồng 2 và mồng 8 tháng Giêng 1884.

Triều đình sợ rằng việc này có hại đến cuộc điều đình của hai nước nên ra lệnh hoãn. Song, vì ở xa xôi quá, miền bắc tỉnh Thanh-hóa không nhận được lệnh. Đảng Văn-thân ở miền này giết mất 7 giáo-sĩ ngoại-quốc, một giáo-sĩ bản xứ, 63 thầy giòng và linh hai trăm giáo dân. Số nhà thờ bị đốt là 242 nóc.

Các quan-lại có dự vào việc này bề ngoài cũng có bị trừng phạt. Cách đó không bao lâu thì lại có một tờ dụ cổ-động dân chúng bài Pháp. Và triều-đình đốc-thúc các quan địa phương khai phá các đường núi, sửa sang các nơi như Vạn-xuân, Cam-lộ và Tân-sở để dự bị chiến tranh.

Tuy vậy, cái nhuệ khí của Nam-triều cũng đã nhụt. Triều-đình Huế xưa nay vẫn tin cậy vào sức giúp đỡ của Tàu. Không ngờ Trung-hoa cũng bị kiệt-quệ chẳng kém gì dân tộc mình. Ngày 11 tháng Năm 1884, Lý hồng-Chương ký hiệp-ước Thiên-tân nhượng chủ quyền nước Việt-nam cho người Pháp.

Patenôtre đại-biểu Pháp ở Tàu về nước có rẽ qua vào Huế thăm Nguyễn-văn-Tường. Patenôtre nhân dịp này ép Nam-triều phải thừa nhận hiệp-ước Harmand.

Yếu thế, Tường đành phải cử hai đại-biểu họp bàn với Patenôtre tại tòa Lãnh-sự.

Nam-triều trước còn từ chối, sau phải nhận để cho quân Pháp đóng tại Mang-cá ở phía sau thành. Điều khoản này là một sợi giây thắt cổ cho Nam-triều.

Vì cái địa thế ở Mang-cá sẽ giúp cho quân Pháp nhìn rõ những cử chỉ của Nam-quân và gây một trở lực lớn cho Nam-triều khi muốn hoạt động.

Một điều khó giải quyết nữa là con ấn của vua Tàu phong cho vua Việt-nam. Ấn bằng bạc mạ vàng, trên nấm trạm một con lạc-đà nằm phủ phục. Mặt dưới có khắc mấy chữ Hán: « Việt-nam quốc-vương chi ấn ».

Ý Patenôtre muốn thu ấn ấy mang về Pháp lấy cớ rằng Tàu đã nhường Việt-nam cho Pháp thì ấn còn dùng được việc gì.

Nhưng Tường cho sự người ta lấy mất ấn tín là nhục cho quốc-thể, nói gắt:

« Thế ông định làm cho đảng Văn-thân họ giết tôi hay sao ! ».

Patenôtre không nài nữa. Sau hai bên đồng ý mang ấn hủy đi, trước khi ký hiệp ước: ngày 6 tháng Sáu 1884. Cũng ngày hôm ấy, Rheinart được cử làm Khâm-sứ Trung-kỳ.



VUA HÀM - NGHI :
QUÃNG ĐẦU CỦA MỘT CUỘC ĐỜI
LUÂN - LẠC

Ý Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất Thuyết trước sau vẫn không thay đổi là « không thừa nhận hiệp-ước », dù là Harmand hay Patenôtre cũng vậy.

Vì thừa nhận hiệp-ước tức là trao chủ-quyền của nước Nam cho người khác, là mang hết trách nhiệm với lịch-sử sau này.

Nhưng bị lãnh-sự Pháp luôn luôn thúc bách Nguyễn - văn - Tường biết rằng kế hoãn-binh chỉ là phương thuốc tạm bợ, chứ không có hiệu-lực lâu dài. Vậy muốn cho người Pháp không thằng thúc nữa, Tường nghĩ chỉ còn có cách là làm cho người có trách-nhiệm phải thừa nhận hiệp-ước chết, để tuyên-bố rằng hiệp-ước không còn hiệu-lực.

Ngày 31 tháng Bảy 1884, Nam-triều báo cho Rheinart biết rằng vua Kiến-Phúc bị trọng bệnh đã băng-hà. Thực ra thì ông vua nhỏ tuổi này không có

bệnh tật gì hết. Ông vô tội mà bị chết ở dưới lưỡi gươm của hai vị quyền-thần.

Vua Kiến-Phúc là một trong những người bị chết oan vì chánh sách sai lầm của triều-đình Huế.

Mồng 1 tháng Tám 1884, Nam-triều lập Ưng-Lịch lấy hiệu là Hàm-Nghi.

Ưng-Lịch là con trai Kiên-thái-Vương và là em ruột vua Kiến-Phúc.

Không được hạnh-phúc nuôi và dạy ở trong cung như hai anh là Chánh-Mông và Dưỡng-Thiện, cha chết sớm sống trong cảnh hàn vi với mẹ ở ngoài thành.

Năm 1884, Ưng-Lịch mới 14 tuổi, là tuổi ham đánh khăng với trẻ hàng sóm hơn là lo truyện triều-đình. Một buổi sáng, sứ-giả đến đón vô cung, bất gặp Ưng-Lịch ăn mặc rách rưới đang nô với trẻ ở ngoài đường. Sứ-giả đưa áo, mũ ra bảo thay, cậu bé run lẩy bẩy mà không dám mặc, cũng không dám cầm lấy những của ác-nghiệt ấy, sau này nó đã đẩy cậu vào một cuộc điêu-linh và giết cả hạnh-phúc của cậu.

Làm vua thời loạn là một việc chẳng ai muốn cho nên 5 năm sau, khi triều-đình đến đón Bửu-Lân là con vua Dục-Đức lên làm vua (Thành-Thái) cả nhà òa lên khóc và thế chẳng giữ được mới chịu để cho vua Thành-Thái bước lên ghế chí-tôn.

Đứng vào địa-vị vua Hàm-Nghi lại càng đáng sợ hơn nữa. Thấm thoắt không đầy một năm, ba vua bị giết (1). Trong bốn tháng, triều-đình Huế đổi chủ ba lần (2). Đối với ngoài thì hiệp ước đã ký, nhưng cái mệnh-hệ của nước Nam chưa rõ còn mất ra thế nào. Vì khi lập vua Hàm-Nghi, Nam-triều không chịu hỏi ý-kiến lãnh-sự Pháp, nên Rheinart không thừa nhận vua mới và điện về Pháp, xin Chánh-phủ đối phó với nước Nam bằng một chánh-sách cương-quyết hơn.

Thời bấy giờ, một vị quan (người ta nói là Ông Ích-Khiêm) khi bị bắt giam có viết vào tường ngục hai câu thơ :

Nhất giang lưỡng quốc nan phân-thuyết ;
Tứ nguyệt tam vương triệu bất tường.

Một sông, đôi nước (3) khôn đường nói (Thuyết).
Bốn tháng, ba vua triệu chẳng lành (Tường).

Tác-giả cố gò cho chữ Tường đối với chữ Thuyết là có ý mai mỉa và oán hận hai người. Nhưng cái nguyên-nhân thất bại của Nam-quân, người ta nhìn thấy từ đời vua Tự-Đức kia rồi. Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết dù có cố rẫy-rụa trong

(1) Dục-Đức, Hiệp-Hòa, Kiến-Phúc.

(2) Hiệp-Hòa, Kiến-Phúc, Hàm-Nghi.

(3) — Sông Hương ở giữa một bên là Nam-triều, một bên là tòa Lãnh-sự Pháp.

sự thất bại, chẳng qua cũng là muốn làm nghĩa-vụ đến phút sau cùng.

Cuộc thất bại ở cửa Thuận cũng như bao việc sau này là kết quả của thời thế nhiều hơn là vì hai người vụng xử.

Giữa cái tình hình ngay ngập đó, cậu bé Ưng-Lịch tức là vua Hàm-Nghi — nói cho đúng là bị người ta bắt ép phải lên ngôi. Vì sứ giả phải xấn đến tận người cậu mà lột những quần áo rách-rưới cậu đang mặc ra mà phủ cho cậu một bộ quần áo mới. Cậu bé không dám chống-cự, phải theo sứ-giả đi giữa hai hàng thị-vệ, tiến vào điện để cho triều-thần làm lễ đăng quang là những triều-nghi phiền phức mà mắt cậu chưa bao giờ thấy.

Mới ra đời, vua Hàm-Nghi đã phải đóng vai thụ-động. Vai ấy, rồi đây nhà vua sẽ phải đóng bốn năm trường và đến tận bây giờ, đã 50 năm có lẻ.

Tiếp được điện của Rheinart, Nội-các Jules Ferry hạ lệnh cho Thống-soái Millot phái một lữ-đoàn vào chiếm lấy thành Huế và phong cho vua mới. Đại-tá Guerrier là Tổng-tham-mưu của Thống-soái được cử vào việc này. Cùng với 600 quân và hai đoàn đại-bác, Đại tá đáp tầu « Le tarn » vô Huế. Lúc quân Pháp tới thì cửa thành vẫn đóng, nhưng không có dự-bị giao chiến gì hết.

Khi quân Pháp yêu cầu mở cửa thành, Nguyễn-văn-Tường cho người ra đáp rằng Nam-triều sẵn

lòng hội kiến với đại-biểu Pháp để thảo hiệp-ước mới. Đại-tá Guerrier quả quyết nói hiệp-ước Patenôtre là chính thức rồi ; trong 12 giờ nếu không mở cửa thành, Đại-tá sẽ bắn.

3 giờ chiều 16 tháng Tám 1884 khi sắp hết hạn — Tường sang tòa Khâm nói cho Đại-tá Guerrier và Rheinart biết rằng Nam-triều thi-hành hiệp-ước và hẹn sáng hôm sau sẽ để cho đại-biểu Pháp vào bệ-kiến vua Hàm-Nghi và cắm lá cờ ba sắc lên Mang-cá.

9 giờ sáng 17 tháng Tám 1884, Đại-tá Guerrier và Rheinart cùng với 25 sĩ-quan thủy, bộ và 160 tên lính do cửa chính (Ngọ-môn) vào điện Thái-hòa. Nhưng vua Hàm-Nghi không có mặt tại điện. Rheinart phải để cái đai Thượng-hạng Bắc-đẩu bội - tinh lên chiếc ngai không. Khi trở ra thì cửa chính đã đóng. Cả bọn phải đi theo cửa cạnh.

Các quan đứng trong điện tủm tỉm cười.

* * *

Sau khi sảy ra việc này, Rheinart hết sức kiếm cách để mang quân Pháp vào đóng tại Mang-cá. Nhưng Tường lấy cớ rằng hiệp-ước chưa thông quá, cực lực phản đối.

Không bao lâu, Rheinart bị gọi về Pháp, Lemaire là Tổng-lãnh-sự Pháp ở Thượng-hải được cử sang thay.

Khi tới Huế, Lemaire yêu cầu Nam-triều mang xử vụ Văn-thân giết các giáo-sĩ ở Thanh-hóa. Nam-triều thuận. Một Hội-đồng có đại-biểu của cả hai bên thành-lập. Nhưng thật ra thì Hội-đồng này cũng chẳng hoạt-động gì.

Tiếp, lại xảy ra việc Gia-hưng-Vương bị giết. Gia-hưng-Vương là em vua Tự-Đức, Gia-Hưng hồi đó chừng 50 tuổi, vốn thân-thiện với người Pháp nên có hồi Rheinart đã tính đến việc lập Gia-Hưng lên làm vua. Việc không thành, Gia-Hưng tự dưng gây thù với bọn Tôn-thất-Thuyết.

Hồi tháng Năm 1885, Gia-Hưng bị bắt: người nhà sang nhờ đại-biểu Pháp can-thiệp, Gia-Hưng được tha. Nhưng Nguyễn-văn-Tường nói cho Lemaire biết rằng việc Gia-Hưng là việc riêng của Triều-đình Huế, người Pháp không có quyền can-thiệp. Mấy hôm sau Gia-hưng-Vương lại bị bắt. Lần thứ hai, Vương bị lột hết chức-tước và buộc vào tội « Tiết-lậu quân quốc trọng sự », kết án phát lưu ra Mai-lĩnh. Được ít lâu Vương chết.

Các quan-lại dự vào việc Gia-Hưng đều bị kết án vào tội âm-mưu phản-quốc và xử-tử.

Nguyễn-hữu-Độ vì không tuân theo triều-đình, ý muốn nhậm chức Tổng-đốc Hà-nội bị triều-đình khép vào tội chết và ra lệnh cho phải dùng thuốc độc mà tự-tận.

Tình-hình càng ngày càng nghiêm-trọng. Tôn-thất Thuyết trước còn đặt súng chung quanh đại-nội, sau dàn súng lên cả mặt thành.

Lãnh-sự Pháp cho cử-chỉ đó là một biểu-hiệu chiến-tranh, yêu-cầu Nam-triều phải triệt binh. Thuyết bề ngoài cho cất bớt súng để y được vừa lòng, nhưng phía trong, vẫn dự-bị ngấm ngầm, phòng một cuộc chiến-tranh mới.

HAI MƯƠI BA THÁNG NĂM
KINH THÀNH THẤT THỦ

CUỐI năm 1884. Tại Bắc-kỳ, quân Pháp thất-bại, Trung-tá Herbinger thua trận ở Lạng-sơn. Đại-tướng Négrier bị thương.

Một bức điện kể rõ những việc này của Đại-tướng Brière de l'Isle gửi về Pháp-đình làm cho dư-luận nôn-nao, Nghị-viện họp Đại-hội-đồng. Thủ-tướng Jules Ferry, người chủ-trương việc đánh lấy Bắc-kỳ, ngồi ghế Chánh-phủ tại Nghị-viện không khác một tội-nhân ngồi tại trường-hình. Bị công-kích luôn mấy giờ, Jules Ferry cố cãi để bênh-vực cái chính-sách thực-dân của mình.

Kết-quả, Nghị-viện bỏ phiếu không tín-nhiệm.

Nội-các Jules Ferry đổ.

Brisson lên lập Nội-các mới. Việc đầu tiên mà ông làm là cử Thống-soái De Courcy mang đại quân sang chiếm cứ Bắc-kỳ. De Courcy được quyền kiêm-quản cả quân-bị lẫn ngoại-giao ở Đông-dương.

Ngày mồng 1 tháng Sáu 1885, Thống-soái tới vịnh Hạ-long. Nhưng cuộc chiến-tranh Trung-Pháp đã gần tàn. 26 tháng Sáu, Thống-soái gửi bức điện sau này về Paris : « Mang một lữ-đoàn lính Ả-rập vô Huế, mồng 1 tháng Bảy tới Thuận-an ; mồng 3 tháng Bảy tôi vào bệ-kiến vua Việt-nam ».

Thống-soái De Courcy tuy mới tới Bắc-kỳ được một tháng, nhưng đã hiểu rõ tình-hình nước Việt-nam. Thống-soái hiểu rằng nếu triều-đình Huế còn đứng vững, nếu Nam-triều còn có hy-vọng thoát ly những điều bắt buộc trong hiệp-ước mồng 6 tháng Sáu 1884, nếu nước Việt-nam còn có chí muốn khôi-phục chủ-quyền ở đất nước mình, là nhờ ở hai người : Tôn-thất Thuyết và Nguyễn-văn Tường.

Nếu Tường và Thuyết còn ở ngoài cương-tỏa, còn đứng làm trụ cho Nam-triều, thì Nam-kỳ dù chinh-phục, Bắc-kỳ dù thất thủ, đối với người Pháp, vấn-đề Việt-nam cũng chưa giải-quyết.

Khi tới vịnh Hạ-long, Thống-soái De Courcy nói : « Đoạn trót việc này là ở Huế ».

Đại-tướng Brière de l'Isle cũng nhắc luôn với các tướng thuộc-hạ câu : « Muốn giải quyết việc Đông-dương, chỉ có một cách là bắt hai viên Phụ-chính ».

Những việc mà Thống-soái De Courcy định làm ở Huế, các tướng thuộc-hạ của Thống-soái đã biết

rõ ngay từ khi Thống-soái rời xứ Bắc-kỳ cho nên tại Paris có tiếp được bức thư sau này của một viên sĩ-quan, đề ngày 1 tháng Bảy 1885 :

« Sáng 27 tháng Sáu, Thống-soái De Courcy cùng với Đại-tá Crétin và các quan hầu đã xuống Hải-phòng đáp tầu Henri Rivière đi Huế. Đi theo tầu này có tầu Brandon chở lữ-đoàn quân Ả-rập số 3 và 500 bộ-binh. Lính Ả-rập sẽ đóng tại Huế. Chuyến này có lẽ Thống-soái sẽ đối phó một cách quyết liệt. Chậm còn hơn không. Rồi đây chẳng biết Thống-soái có bắt Tường và Thuyết không hay chỉ bẻ gẫy sức hoạt-động của hai người ? Người ta đồn rằng những vàng bạc châu báu của nhà Nguyễn chuyển cả sang Lào. Biết đâu nay mai triều-đình chẳng theo sang để giữ lấy cái kho bảo-vật ấy ».

Như trên này chứng rằng người Pháp trước khi mưu hạ thành Huế đã nhìn thấy rõ những việc bí mật của Nam-triều. Duy có một chỗ sai là vàng bạc không phải chuyển sang Lào mà chuyển ra thành Tân-sở, cách Huế hơn trăm cây số, về phía Bắc.

Thành Tân-sở xây từ năm Quí-vị (1883), khi vua Tự-Đức còn sống.

Sau khi Henri Rivière cướp thành Hanoi, Triều-đình Huế biết rằng mình đứng vào thế nguy. Cái vết chinh phục thoạt tiên đổ xuống Nam-kỳ, đã lan

ra đến Bắc-kỳ, biết đâu một ngày kia nó chẳng thấm cả vào Trung-kỳ và kinh-thành Huế.

Trước sự còn mất các quan chủ-chương việc phái người du-học, mua khí-giới ở Hương-cảng để phòng bị nước Nam. Nhưng vua Tự-Đức không thuận, tỏ ý lo sợ, nói : « Nếu các khanh làm những việc ấy tức là khởi hấn với người Pháp. Muôn một, họ mang quân vào hạ thành Huế thì mẹ con trẫm biết ẩn vào đâu ? ».

Câu nói trên này của vua Tự-Đức là hòn đá đầu tiên để xây thành Tân-sở.

Theo lời bàn của quần-thần, ngay đầu năm Quí-vị, vua Tự-Đức phái Nguyễn-văn-Tường đứng đốc-công xây thành. Tân-sở có cái nghĩa rất dản-dị là « nơi mới » hay « kinh-đô mới ». Thành xây trên một cao-nguyên, cao linh trăm thước, ở phía Tây-bắc tỉnh Quảng-trị, cách phủ-lỵ Cam-lộ 15 cây số. Thành rộng mỗi chiều 780 thước, phía Đông-bắc giáp làng Bảng-sơn, Nam và Tây-nam giáp Việt-yên, Đông giáp Mai-dản.

Thành xây gạch, phía ngoài có ba hàng lũy tre. Xây thành, Nguyễn-văn-Tường đã dùng tới linh 10.000 thợ và gây ra cuộc náo-nhiệt ở giữa một nơi mà từ trước đến giờ chỉ là chỗ qua lại của loài mãnh-thú.

Trong thành có đủ cung-điện của nhà vua

(tiền-đường) có dinh trại của quân-sĩ, có chợ, có giếng nước, tóm lại nếu thành có bị vây, thì người trong thành cũng vẫn đủ các nhu-phẩm để sống được một cách đầy đủ.

Bốn góc thành có bốn khẩu súng khoa-sơn. Trong thành có bốn con tượng, có đủ các kiểu súng nhỏ.

Trước cửa tiền-đường đặt hai khẩu súng đồng.

Một khẩu là : Phá-địch tuyệt-dũng đại-tướng-quân.

Khẩu thứ hai: Phá-địch hùng-oai đại-tướng-quân. Tên tuy kêu, nhưng hai khẩu súng này đúc từ đời Lê, sự thực chỉ dùng làm đồ bài-trí.

Ngoài thành, về phía Đông-bắc có nơi gọi là Miễu-đông. Tại nơi này, Tường cho lập nhiều kho nhỏ xây tụt xuống đất, dưới chứa đạn và thuốc súng, trên lát ván.

Xây và xếp đặt thành, Nam-triều tốn kém cực nhiều.

Thành Tân-sở là nơi cứu nguy cho Nam-triều, khi tại Huế có chiến-tranh hay vạn nhất kinh-thành thất-thủ.

Khi nghe tin Thống-soái De Courcy vô Huế và xin vào triều-kiến vua Hàm-Nghi, Tường, Thuyết đã rắp tâm định quyết liệt một phen, nên trong hai hôm mồng 2 và 3 tháng Bảy, phái người mang các bảo vật ra tích cả ở Tân-sở.

Ngày mồng 2 tháng Bảy, Thống-soái De Courcy tới Huế, Nam-triều phái hai vị quan cao cấp cùng đi với lãnh-sự Pháp De Champeaux ra đón Thống-soái tận cửa Thuận. Khi Thống-soái tới tòa lãnh-sự, quân Nam và quân Pháp cùng cử nhạc mừng. Tại tòa lãnh-sự, quân Pháp bắn 21 phát thần-công, trong thành quân Nam bắn 19 phát.

Thống-soái De Courcy cho mời viện Cơ-mật sang tòa Lãnh-sự để bàn về các nghi-lễ trong khi đại-biểu Pháp vào triều-kiến vua Hàm-Nghi.

De Courcy định nhân dịp này bắt sống Tôn-thất Thuyết. Nhưng Thuyết biết mưu, cáo ốm không chịu sang tòa Lãnh-sự. De Courcy cử bác-sĩ Mangin sang chữa cho Thuyết, Thuyết từ chối, nói không quen dùng thuốc của người Pháp.

Bàn về nghi-lễ, hai bên tranh luận giờ lâu, kết-quả viện Cơ-mật thuận để De Courcy do cửa chính vào triều. Đi theo có binh-sĩ mang khí-giới, tiếp đến bộ Tham-mưu và nhân-viên tòa Lãnh-sự. Cả bọn được do các bậc giữa tiến thẳng lên phòng ngự, nhưng tới cột thứ nhì về bên phải, Thống-soái phải dừng lại, trao thư ủy nhiệm cho một vị đại-thần, đệ lên ngự-lãm. Thống-soái De Courcy không thuận điều ấy, nói vua hoặc sứ Tàu có quyền vào thẳng phòng ngự. Nay, nước Pháp đã thay Tàu mà giữ chủ-quyền cho nước Nam thì đại-biểu Pháp có sao lại không được hưởng quyền ấy, nghĩa là De Courcy

muốn cho vua Việt-nam phải xuống ngai ra đón đại-biểu Pháp và tiếp lấy thư ủy nhiệm.

Viện Cơ-mật không thuận, nhưng cũng không dám quyết-liệt hẳn, nói xin hoãn cuộc điều-đình, chờ khi nào Tôn-thất-Thuyết bình-phục hẳn sẽ bàn lại.

Ngay trong khi hai bên còn đang điều đình, vẫn có người đi do-thám về báo với De Champeaux rằng quân Nam đang dự-bị chiến-tranh. Cố Caspar (Kim-long) cũng nói cho Thống-scái De Courcy biết là quân Nam sửa-soạn khai chiến ở chung quanh thành, quân lính ở các ngả dồn vào thành đông như đi chợ mà người ra rất hiếm. Truóc tòa Lãnh-sự ngày thường người ta thấy thuyền xuôi nguợc cực đông, hôm ấy cũng dồn cả về một ngả.

Hôm đó là 22 tháng Năm năm Ất-dậu (mồng 4 tháng Bảy 1885).

Viện Cơ-mật điều đình với đại-biểu Pháp về nghi-lễ cốt ý là đuợc rộng thì-giờ để sửa-soạn trong thành. Còn Tôn-thất Thuyết thì cáo ốm mà thực ra không có bệnh tật gì. Suốt ngày 22, Thuyết đốc thúc quân lính đặt các súng ống chĩa về phía tòa Lãnh-sự và Mang-cá là trại của quân địch.

Mặt trời gần lặn, Đề-đốc hộ-thành Trần-Soạn cưỡi ngựa đi đầu một đội quân, lần lượt đóng hết các cửa thành và cửa nào cũng đặt thêm mấy khẩu thần-công. Nam-quân chia ra các đội, chấn các cửa thành, cộng tất 12 ngàn người. Mãi nhá-nhem tối,

quân mới được lệnh nắm cơm sẵn để phòng có việc cần-cấp.

Cơ-mật-viện họp bàn từ buổi sáng, trước định khai chiến vào 10 giờ đêm, lúc các sĩ-quan còn họp tại tòa Lãnh-sự, nghĩa là quân ở Mang-cá không có chủ-tướng. Nhưng đêm đó trăng mọc khuya, sợ khởi-sự vào lúc trời tối quá, quân khó điều-khiển nên sau quyết định vào cuối giờ Tý sang đầu giờ Sửu (1 giờ sáng).

Thuyết lại cắt một toán quân mai-phục ở cầu Thanh-long, phòng Đại-tá Pernot là người chỉ-huy đội quân Mang-cá và các sĩ quan thuộc-hạ ở tòa Lãnh-sự về qua cầu này thì úp ra mà đánh.

Mọi việc cắt đặt xong, Thuyết cùng Tôn-thất Đảm lên vọng-lâu chờ đến giờ Tý thì nổi hiệu.

* * *

Về phía tòa Lãnh-sự, Thống-soái De Courcy nghiễm-nhiên chờ hai viên Phụ-chánh trả lời về nghi-lễ cuộc triều-kiến. Tối mồng 4 tháng Bảy, Thống-soái thiết đại tiệc ở vườn hoa tòa Lãnh-sự, ngay trên bờ sông Hương. Cây cối và dinh-thự đều trăng đèn, muôn nghìn tia sáng phản chiếu trên mặt nước. Thống soái De Courcy vốn khinh thị người Việt-nam, yên trí rằng Nam-triều không làm nổi được việc gì cho ra hồn và tin rằng một lữ-đoàn lính Á-rập và một đội bộ binh của Thống-soái cũng đủ làm cho triều-

đình Huế và dân Việt-nam khiếp sợ. Vì thế, Thống-soái không chịu để ý đến những lời khuyên của De Champeaux và cố Caspar là những người đã hiểu rõ xứ này.

Đã thế, De Courcy lại tự tín quá, cho rằng mình có thể giải quyết trong một lúc những vấn-đề nó đã giằng giai hằng mấy năm trời ở giữa nước Nam và nước Pháp. Khi các sĩ-quan cất chén mừng, Thống-soái tự phụ nói : « Trong cái sự nghiệp võ bị, xưa nay tôi vẫn được rạng rỡ luôn. Dù đi đến đâu ngôi sao của tôi cũng không mờ. Hôm nay nó lại càng rạng thêm nữa... »

Đến nửa đêm, tại tòa Lãnh-sự cũng như Mang-cá vẫn yên. Quân lính đi ngủ hết, trừ ra có quân đi tuần thì vẫn đi lại như thường.

Một giờ sáng, một tiếng súng nổ, một hòn đạn từ trên rơi xuống, bắn thủng mái và gác tòa Lãnh-sự. Tiếp đến tiếng hò reo và súng bắn liên-thanh, nhà cửa cháy tứ tung, ngọn lửa bốc lên nghi ngút. Đội quân đi tuần tại tòa Lãnh-sự bắn trả và lui được Nam-quân xông vào cướp Lãnh-sự quán, Trung-úy Boucher tự ý ra chống, cứu được tòa Lãnh-sự và bộ Tham-mưu. Thống-soái De Courcy lúc ấy đang ngồi thảo các giấy má gửi về bộ, nghe thấy quân mình bắn, ra lệnh bảo thôi, nói đấy là « quân Nam thấy Thống-soái thiết tiệc, bắn súng mừng. »

Thống-soái cho Trung-úy Boucher là mắc chứng điên, định bắt giam. Nhưng chỉ mấy phút sau, Thống-soái cũng nhận ra rằng những loạt súng mà quân Nam bắn chẳng phải để mừng Thống-soái. Ngọn lửa cứ ngùn ngụt bốc lên mãi, các nhà cửa, trại lính, chuồng ngựa đều cháy ở dưới trận mưa đạn.

Lính Pháp đang ngủ, thình lình thức dậy, kẻ bị bắn chết, kẻ chết cháy, kẻ bị thương cực nhiều. Những người sống sót chạy ra vơ lấy khí-giới, mình trần như nhộng. Nhiều người mặc áo không kịp, theo lệnh-chủ-tướng ra tụ họp ở một nơi xa những tên đạn của Nam-quân.

Tòa Lãnh-sự và Mang-cá xa nhau 2.500 thuóc và cách một con sông nên không giúp đỡ được nhau. Trong quân Pháp chỉ có hai người biết rõ địa-thế thành Huế là De Champeaux và Thiếu-úy Julien, nhưng cả hai cùng ở tòa Lãnh-sự, nên quân Pháp đành thúc-thủ, ngồi chờ sáng.

Trong thời gian đó, Tôn-thất Thuyết phái lính hỏa-hổ đi các nơi báo tin thắng trận và cũng chờ sáng xem quân địch thiệt hại nhường nào. Nguyễn-văn-Tường thì có ý hoài-nghi. Nhưng Thuyết nói quyết là quân Pháp đã bị giết hết, không có hy vọng gì chống lại. Thực ra, đêm ấy Tôn-thất Thuyết tổ chức cũng đã khéo. Nhưng súng đại bác bắn mãi vào một nơi, thành ra quân Pháp không hại bao

nhiêu. Chỗ sơ-xuất ấy là tự quân Nam không chiếu súng được vì trời tối.

4 giờ sáng, quân Pháp ở Mang-cá chia làm ba đạo, liều chết xông vào thành. Quân Nam không ngờ có cuộc công-kích đột-ngột ấy, chống lại một cách yếu-ớt, nhưng cũng bắn thủng bụng viên Thiếu-úy Pellicot. Hai đạo tiến rất chậm vì càng vào, đường càng bề bộn những súng đại-bác và những khiên bọc da trâu mà quân Nam dùng để chống lại địch quân. Các vọng lâu đổi làm pháo-đài, trên thành quân Nam bắn xuống tua tủa. Khi đánh một pháo đài trong có chứa nhiều thuốc súng, thuốc cháy, một toán quân Ả-rập cùng với viên đội bị nổ tung lên. Những người lính này bị chết cháy ngay tại trận. Hai đoàn quân tiến vào đến trước Đại-nội thì đã 6 giờ sáng.

Về phía tòa Lãnh-sự, đoàn quân Cheroutre cũng định tiến sang, nhưng bị súng đại-bác của Nam-quân chẹn lấy cầu. Xông vào đánh, Trung-úy Lacroix bị tử thương; Thiếu-úy Heitschell khi sắp qua cầu thì gặp một hòm thuốc súng nổ, bị chết cháy.

Sau rốt, đoàn Cheroutre chiếm được cầu, quân Nam bỏ chạy ra các phố. Đoàn quân này tiến thẳng vào Hoàng-cung nhưng cũng gặp những súng ống, hầm hố như hai quân trên.

Nhìn về đằng trước, đạo Cheroutre thấy có một đội Nam-quân rất đông. Cheroutre nghe có hiệu quân

mình ở trong thành, liền xông đến đánh: Nam-quân bỏ chạy. Đạo Cheroutre vào thành. Dân trong thành lớn bé già trẻ đổ chạy dẫm lên nhau mà chết.

Ngay lúc ấy, các đoàn Bornes và Sajot cũng vào tới thành.

8 giờ rưỡi sáng, Đại-tá Metzinger cho hạ cờ An-Nam xuống, lấy thắt lưng xanh của lính Ả-rập chắp những miếng vải trắng và đỏ làm thành một lá cờ tam-tài treo lên cột cờ, để báo tin thắng trận và ra hiệu cho thống-soái De Courcy ở bên kia sông biết.

Khi tiến vào cung, quân Pháp thu những thoi vàng và bạc nén còn bỏ lại được tới trên một triệu quan.

Quân Pháp chết mất 4 sĩ-quan và 60 tên lính.

Về phía người Nam, thì vừa dân, vừa lính chết chừng 1.500 người. Số người chết nhiều như thế là vì đêm trước Tôn-thất-Thuyết cho đóng tất cả các cửa thành, nên khi gặp thế nguy, dân không có đường chạy.

Xác chết không sao chôn suể, một phần bị đẩy xuống sông, phần khác thì bị đốt ra tro. Gặp nắng, thịt người rữa ra, hơi hôi hám bốc lên hàng mấy ngày mới tan.

23 tháng Năm năm Ất-dậu (5 Juillet 1885).

Trong đống xương tàn, cháy ra tro hay trôn vào bụng cá, nhà nào cũng có cha mẹ, anh em hoặc thân-

thích nhà mình. Ở Huế, tới 23 tháng Năm, nhà nào cũng có giỗ, cho nên người ta gọi ngày ấy là « Quầy cơm chung ».

Trong sự truy-niệm tổ-tiên, ngày 23 tháng Năm, người Huế đã vô-tình mà kỷ niệm cả : *Kinh-thành thất-thủ.*



CHẠY RA QUẢNG-TRỊ

BỐN giờ sáng, Nam quân vẫn còn tin là mình toàn thắng. Chợt quân Pháp liều mạng xông vào các cửa. Trần-Soạn, Tôn-thất-Đảm và các tướng chia nhau ra giữ. Nhưng thế đã núng. Đến tang tảng sáng thì các mặt trận đều bị thua. Tôn-thất-Thuyết hạ lệnh thu tàn quân họp làm đại đội, chực sẵn ở cửa Chương-đức, trước Đại-nội. Thuyết cầm gươm vào cung mời Thái-hậu và vua Hàm-Nghi đi trốn. Trong cung, đêm tuy có nghe tiếng súng và quân hò reo, đoán biết là có chiến tranh. Nhưng tại sao hai bên xung đột, trong nội cũng không ai biết. Thuyết mang việc thất bại ra tâu Thái-hậu. Từ-dụ Thái-hậu bất bình nói :

« Nước yếu phải thua nước mạnh, đó là lẽ tất nhiên. Đời đức Tiên-hoàng còn phải noi theo hòa-ước, huống chi sự thế mỗi ngày một khác, vậy phải tùy thời. »

Nhưng hối cũng đã muộn. Thái-hậu đành cùng với hai bà Trang-Ỷ và Học-Phi lên kiệu.

Khi Tôn-thất-Thuyết vào rục vua Hàm-Nghi đi trốn thì vua chẳng hiểu đầu đuôi gì hết, không chịu đi, nói : « Ta có đánh nhau với ai đâu mà phải chạy. »

Trong lúc vội vàng, Thuyết không đáp, rút gươm ra khiến quân sĩ vực vua lên kiệu, rồi do cửa Hữu ra khỏi Hoàng-thành.

Đạo ngự tất cả chừng hơn ngàn người, mà phần đông là quan Đại-thần và các ông Hoàng, bà Chúa. Cuộc điều linh của triều đình Huế, sau khi bị thất bại, hiện ra một cảnh trạng rất thương tâm. Các vị Thái-hậu, các bà Chúa và những ông Hoàng nhỏ tuổi trai gái, già trẻ, người đi kiệu, kẻ đi chân, chen chúc nhau mà trốn chạy, ai nấy đều lo lắng ra cho mau khỏi Hoàng thành, tưởng tượng như cái chết, khi mình đi khỏi, sẽ xập xuống cái đài phú quí ấy. Có người yếu quá không đi được phải ôm chân mà khóc hoặc nằm vật ra vệ đường. Hoàng-tử Chánh-Mông cưỡi ngựa, đi hộ vệ hoàng tộc, chạy nhanh quá, trong áo giắt một ít tiền vàng, rơi tua tủa cả ra đường; một bà chúa, chị vua, ngồi trên mình ngựa, tay bồng một em nhỏ. Một bà thứ-phi đã có tuổi, vợ cả Kiến-thái-Vương, mù, do một thị-tỳ giắt chạy, lạc vào trong đám bình dân.

Khi chạy, bà vơ vội ở trong hòm được một cái túi vải trong có mấy cái mề-đay vàng. Tay bà xách túi, thình-lình có kẻ rựt mất.

Các ông Hoàng, bà Chúa xưa nay quen sinh-hoạt ở nơi đài-các, mỗi bước đi ra là kiệu, là võng, nhất đán gặp lúc loạn-ly phải trốn chạy, coi thê-thảm không biết nhường nào !

Thuyết cũng hiểu biết như vậy, nhưng sự thế nguy-bách làm thế nào.

Trần-Soạn đi trước mở đường, Nguyễn-văn-Tường triệt-lộ.

Tới đò Kẻ-vạn, vua Hàm-Nghi phải xuống kiệu. Lúc ấy trên sông không có thuyền, nhà vua trụt giầy và vén quần lên tận đầu gối lội qua sông. Nhưng vừa lội được vài bước, thấy sông xâu quá, khóc mà quay rở lại. Thuyết đành phải theo con đường áp mặt Hoàng-thành, và do cầu Bạch-hổ mà sang sông. Đạo-ngự đi về phía nhà thờ Kim-long, lên thẳng chùa Thiên-mụ.

Vua Hàm-Nghi ngồi trên kiệu, do hai người lính khiêng. Phía trong thành, súng của quân Pháp vẫn nổ liên thanh. Cả đoàn sợ địch-quân đuổi đánh nên chạy rất nhanh. Đường gồ-ghề, mỗi bước lên xuống làm cho đầu vua đập mạnh vào thành kiệu. Tôn-thất Thuyết phải bỏ kiệu và mời vua lên võng.

Lúc đầu, Thuyết định đưa vua và Thái-hậu ra ẩn tại lăng Tự-Đức. Nhưng sợ nơi này gần thành quá, sớm chầy quân Pháp sẽ nghe biết, đến bắt về

nên từ Kim-long cứ phải thẳng đường mà tiến lên Trường-thi thuộc làng La-chữ, rồi lưu ở đó một đêm.

Trong Hoàng-phái vì các đình-thần nhiều người, hoặc vì lo sợ, hoặc mỏi mệt quá, theo không được, giữa đường phải bỏ, ẩn vào các làng ở hai bên đường.

Triều-đình không khác một buổi chợ đông, khi phồn-thịnh thì mọi người cùng muốn chen chân vào, gặp cơn nguy-biến, ai lo mạng người nấy, tản mác đi mỗi người một ngả.

Sáng hôm sau, đạo-ngự đi về phía bắc, nhưng mãi đến trưa mới đi khỏi kinh-thành được mấy chục dặm. Sự chậm trễ đó, phần lớn vì trong đoàn có nhiều bà chúa già hoặc nhỏ tuổi đi không được, vì xưa nay không quen xông-pha vào chốn phong trần. Có bà vì lo sợ mà ngất hẳn đi. Nhiều bà khác, không tài nào đi được nữa, đành phải ngồi lên mình ngựa cho quân giắt.

Trời nắng gắt, khí nóng từ trên chiếu xuống và ở bãi cát trắng hai bên đường bốc lên. Hơn ngàn người như bị nung trong một cái lò ; từ người quyền-quý cho đến kẻ quân-nhân đều giống nhau ở chỗ thân hình tiều-tụy.

Đúng ngọ, đạo-ngự dừng lại. Quân-sĩ lấy cơm nắm từ hôm trước ra ăn, cơm đã thiu ướt, nhưng

đói quá, nhiều người cũng cố nuốt để lấy sức đi cho đến tối. Vua Hàm-Nghi phần lo buồn, phần mệt mỏi, ăn không được, đành ngồi nghỉ một lúc rồi lại bước lên võng.

Ngự-đạo đi mãi đến khuya mới đóng lại một nhà phú-hộ ở bên đường mà nghỉ. Hôm sau tới Quảng - trị. Được tin báo Tuần - vũ Quảng - trị là Trương quang Đản và Án-sát Trương Đính mang quân ra ngoài thành nghênh tiếp. Vua Hàm-Nghi vào ngự tại Hành-cung.

Đình-thần và Hoàng-phái thì chia ra ở tạm các dinh-thự trong thành.

Lăn lộn trong khói đạn từ một giờ sáng mồng 5 tháng Bẩy, cả đoàn chống chọi với đường trường, với khí nóng và sự đói khát hai ngày liền, trong sự mệt mỏi và thất-vọng, vua quan với quân lính cùng thấy mình có một cái tủi như nhau : *thua trận.*



TRONG KHI VĨNH BIỆT

MỒNG 7 và mồng 8 tháng bẩy, đạo - ngự ở Quảng-trị. Mong mỏi cái mệnh-lệnh quả-quyết của Tôn-thất Thuyết, ai nấy cùng ra vẻ lo buồn. Mới ba hôm trước, là ông Hoàng, là bà Chúa, là Thượng-thư, là Tham-tri, bao nhiêu người đang ngồi cao chót-vót trên đài phú-quý, thốt thành ra kẻ vong-mệnh, phiêu-bạt ở nơi xa lạ, không biết mai đây, rồi tính mệnh sẽ còn mất thế nào.

Lấy thành Quảng-trị làm kinh-đô tạm ? Không ai dám nghĩ như thế.

Vì thành này, cách kinh-thành Huế chỉ một ngày đường, sớm muộn quân Pháp sẽ rồi mà đuổi theo.

Dùng thành Quảng-trị để chống với người Pháp lại càng không nên. Thành nhỏ, quân ít, sớm chầy tất thành bị phá mà tính mệnh của Nam-triều cũng không thể còn được.

Trong khi ấy thì Tôn-thất Thuyết cho quân-sĩ đi sửa sang đường từ Quảng-trị qua Cam-lộ lên Tân-sở. Thuyết lấy thêm lương-thực tích ở trong thành và hạ lệnh cho các tỉnh phía Bắc mộ thêm quân để phòng quyết chiến với quân Pháp một phen nữa.

Chiều mồng 8 tháng Bẩy, theo lệnh Từ-dụ Thái-hậu, các quan văn, võ họp cả ở Hành-cung.

Thái-hậu ngỏ ý muốn trở về Huế và thừa nhận hiệp-ước mồng 6 tháng Sáu năm 1884. Các đình-thần và nhất là Hoàng-phái đều tán-thành ý Thái-hậu. Nhưng Thuyết không thuận, nói : « Về Huế là bước chân vào nhà ngục mà người cầm thìa-khóa là quân Pháp ; thừa nhận hiệp-ước là bán đứt quyền độc-lập của nước Việt-nam. Là người, dành rằng ai cũng muốn an hưởng thái-bình, nhưng nếu không lo khôi phục chuyến này thì không những Thuyết sẽ mang tiếng là đã bỏ mất giang-san của Tiên triều gây dựng mà lại còn đắc tội với hậu thế ». Thuyết nói quả quyết rằng còn một hơi thở là còn đánh. Các quan có một số tán thành ý Thuyết, nói thành Tân-sở vẫn dự bị làm nơi chống giữ, nhất đán thất-thủ Kinh-thành. Nay tuy Huế đã mất nhưng miền Nam cũng như miền Bắc hiện còn là đất đai của Nam-triều. Nếu đánh thì còn hy-vọng lấy quân của các tỉnh mà chống với quân Pháp. Triều-đình

mà chịu hàng thì cái hy-vọng khôi-phục sẽ không còn được nữa.

Thái-hậu khóc, nói :

« Kinh-đô là chỗ tôn-xã. Triều-đình ở đó ; về Huế dù chết đi nữa, cũng còn được thấy Liệt-thánh ở chốn Hoàng-tuyền ».

Từ-dụ Thái-hậu là người có oai quyền lớn tại triều đình Huế. Bà là con quan Lễ-bộ Thượng-thư triều Minh-Mệnh, Nguyễn-đăng-Hưng, người huyện Tân-hòa, tỉnh Gia-định.

Năm 14 tuổi, bà được tuyển vào cung làm vợ vua Thiệu-Trị. Bà sinh ra vua Tự-Đức. Chính bà trông nom dạy dỗ ông vua này, Tự-Đức thường nói : « Mẫu nhi sư yên » (mẹ mà là thày nữa).

Không muốn trái lời Thái-hậu mà cũng không muốn vì ý một người đàn bà mà thay đổi việc có quan-hệ đến vận-mệnh quốc-gia, Thuyết nghĩ được một cách là chia đạo-ngự ra làm hai phái : một phái là Thái-hậu, những người trong Hoàng-phái và các quan lại già yếu, hoặc không có chí phấn đấu thì quay về Huế, phái bên kia, Thuyết cố giữ lấy vua Hàm-Nghi các võ-tướng và văn-quan, xưa nay vốn là người có khí-phách, thì cùng lên Tân-sở.

Thuyết làm như thế được hai điều lợi :

1°) Không phải bắt ép Thái-hậu làm một việc mà Thái-hậu không muốn ;

2) Loại được những người yếu ớt hoặc già cả làm trở ngại cho cuộc phấn đấu sau này.

Thái-hậu biết rằng nói nhiều cũng không chuyển được lòng Thuyết đành phải thuận.

Sáng 9 tháng Bẩy, thiết triều sớm, các vị vương công, trong số có Chánh-Mông là anh và Ưng-Quyền là em ruột vua Hàm-Nghi đứng về phái về, đã sửa soạn từ đêm hôm trước. Kẻ ngựa người võng dự bị sẵn cả ở cửa Hành-cung. Cha mẹ anh em sắp rời bỏ nhau, mà ai nấy cùng tự phó mặc cho sự rủi may. Cuộc ly biệt này đau đớn không biết chừng nào, vì đối với vua Hàm-Nghi, nó là ngày vĩnh biệt.

Phục xuống đất, vua Hàm-Nghi lạy Từ-dụ Thái-hậu và các bà Trang-Ỷ, Học-phi. Nhà vua nức nở khóc, không nói nên tiếng.

Thái-hậu cũng chứa-chan giọt lệ, nhưng chỉ cắn răng cố nuốt những sự đau lòng.

Tiếp, đến các Hoàng thân lạy từ vua. Trong mấy năm liền, thời thế đã làm cho Nam-triều đổ không biết bao máu với nước mắt, người trong cuộc chịu những nỗi đau-đớn không biết bao nhiêu lần, nhưng sự ly-biệt ở giữa những cái sống vô hi-vọng vẫn làm cho người ta khổ tâm hơn hết.

Tôn-thất Thuyết, con người xưa nay đã làm cho kẻ khác rội nước mắt một cách rất thản-nhiên, lần này cũng phải động lòng. Các con trai Thuyết, trừ Tôn-thất-Đảm đã trưởng thành, Thuyết cũng

muốn cho trở về Kinh. Nhưng Tôn-thất-Thiệp, lúc ấy mới 15 tuổi, quả quyết theo cha, thề cùng với vua và cha cùng sống, chết.

Mặt trời đã lên cao, Thái-hậu gạt nước mắt, vội-vã lên kiệu, các đình-thần và vương-tôn cũng lần lượt theo sau. Đi dọng-dã trong hai ngày mới tới Huế. Thái-hậu liền về thẳng Khiêm-lăng là lăng vua Tự-Đức.

Vua Hàm-Nghi và Tôn-thất-Thuyết, hôm sau cũng rời Quảng-trị, do đường Cam-lộ lên Tân-sở. Quân sĩ lúc ấy chỉ còn 500 người, vào đóng trong thành. Còn vua Hàm-Nghi thì ngự tạm tại một nhà giầu là Xã-Điềm ở Bảng-sơn (ngoài thành). Trong mấy hôm ở Tân-sở, vua đi võng vào thành có một lần để hội-kiến với các triều-thần.

Nhà vua thường buồn rầu, một lần có yêu-cầu Thuyết đưa về Huế. Thuyết nghiêm sắc mặt, nói : « Nếu nhà-vua muốn về Huế thì xin để đầu lại đây đã ».

Từ đấy vua Hàm-Nghi không bao giờ dám nhắc-nhỏm đến việc về nữa và đành gửi tính-mạng mình cho Tôn-thất Thuyết.



ĐƯỜNG ĐI CÔN-ĐẢO

SÁNG 23 tháng Năm, khi đội quân của vua Hàm-Nghi rời bỏ Hoàng-thành đến làng La-chữ thì người ta thấy mất một người.

Một người mà mới vài hôm trước ba chữ tên làm rung-động thành Huế, một người đã ngồi tới địa-vị cao nhất của triều-đình; người, trong mấy năm sau cùng này đã giữ cả vận-mệnh của nước Việt-Nam. Người ấy là Văn-minh điện Đại-học-sĩ kiêm Phụ-chánh đại-thần Nguyễn-văn-Tường.

Khi đạo-ngự đến Kim-long (cách thành hơn một cây số) Tường nhân lúc mọi người ồ-ạt chốn chạy, thừa cơ lẫn vào sau một bụi cây rồi đi thẳng đến nhà riêng của giáo-sĩ Caspar, người mà Tường quen biết đã lâu, nhờ ở sự giao-thiệp với người Pháp.

Lúc Tường mới vào, cố Caspar không nhận ra ai hết. Vì khăn áo xốc-xếch, mặt mũi răn-reo. Một đêm trường trải bao cuộc gian nguy, rồi lại ngót nửa ngày lo lắng làm cho Tường mất hẳn vẻ bệ-vệ của một vị đại-thần.

Tường mỏi mệt quá, sau khi chào giáo-sĩ, ngồi phịch ngay xuống ghế và yêu-cầu giáo-sĩ cho ăn.

Lúc ấy đã mười giờ sáng.

Tại sao Tường không theo vua lên La-chữ ?

Có người ngờ rằng nhân khi vua Hàm-Nghi và Tôn-thất Thuyết đã ra khỏi kinh-thành, Tường quay về định điều đình với người Pháp để gây thế-lực cho riêng mình, hoặc chiếm lấy địa-vị nguyên-thủ của triều-đình Huế.

Nhiều người khác cho là Tường mình già sức yếu, biết mình không chống nổi với sự gian-lao nên quay lại nhờ giáo-sĩ Caspar che chở để cầu sống yên-ổn.

Không ai hiểu trong chí Tường nghĩ thế nào, nhưng xưa nay ai cũng biết rằng Tường là người quỉ-quyệt, tính khí rất thâm-trầm, trái hẳn với Tôn-thất Thuyết vừa nóng, vừa thẳng.

Trong khi ăn cơm, cố Caspar hỏi, Tường đáp rằng vua vừa đi khỏi Kim-long. Cố Caspar bảo Tường nên khuyên vua và Tôn-thất Thuyết trở về Hoàng-thành. Tường lẳng-lặng nghe lời cố Caspar, không đáp gì hết, bề ngoài rất bình-tĩnh.

Ăn xong, Tường cáo-từ, một mình lủi-thủi đi về phía trường thi.

Ngự-đạo cũng vừa tới nơi này. Tường đón kiệu Từ-Dụ Thái-hậu, tâu Ngự-giá trở về Hoàng-thành. Nhưng Tường vừa nói rứt lời thì Hộ-giá đại-thần là

Hữu-quân Hồ-Hiền đứng bên kiệu đã rút gươm ra chỉ vào mặt Tường nói:

« Ông là Phụ-chánh; nước nhà đến nông nỗi này, ông phải theo đi hộ-giá mới phải. Cớ sao ông lại khuyên Ngự-đạo quay về mà làm tôi mọi người. Nếu ông nói nữa, tôi chém ».

Tường phải lánh ra bên đường, rồi lại lủi thủi quay về Kim-long.

Muốn phô tả tâm-sự mình trong lúc khó khăn này, Tường có làm một thiên Đường-luật nay vẫn còn 4 câu truyền-tụng:

Sơn sắc thiên trùng thượng thúy-liễn,
Thần tâm nhất dạng luyến đan đình.
Thị phi nhiêu-phó thiên thu hậu,
Xã-tắc, quân-vương thục trọng khinh?

Xe-giá ngàn trùng lẫn dặm xanh,
Lòng tôi riêng luyến chốn đan-đình.
Phải, chăng phó mặc ngàn sau luận,
Vua, nước đôi đường, hỏi trọng khinh?

Trong mấy câu thơ này, Tường có ý nói rằng mình sở-dĩ không đi theo xa-giá là vì còn muốn ở lại để duy-trì xã-tắc. Đi với ở, đằng nào phải, là tùy theo sự phán-đoán của đời sau. Vì, vua với nước, chưa hẳn đã đằng nào đáng khinh, đằng nào đáng trọng.

Về tới Kim-long, Tường lại vào thăm giáo-sĩ Caspar và nhờ đưa sang yết-kiến Thống-soái De

Courcy. Trước Thống-soái, Tường nói mình không có dự cuộc dạ-chiến mồng 5 tháng Bảy. Thống-soái De Courcy trong bụng tuy không tin, nhưng bề ngoài vẫn làm ra như cho lời Tường nói là thực. Vì thực ra, De Courcy lúc này cũng đứng vào chỗ khó xử. Mang nước Nam mà lập thành thuộc-địa xứ Nam-kỳ chăng ? Tất nhiên lại phải gây chiến-tranh với nước Tàu. Vì Tàu sẽ cho là Pháp làm trái với hiệp-ước Thiên-tân mà khai chiến.

Lập vua mới chăng ?

Nhưng vua cũ còn kia. Thuyết sẽ mượn tên vua Hàm-Nghi mà lập một đảng quốc-gia để chống nhau với Pháp, việc đánh dẹp chắc chẳng dễ nào. Chi bằng dụ vua Hàm-Nghi và Tôn-thất Thuyết về, quân Pháp sẽ tránh được một cơn binh lửa.

Nghĩ như thế nên Thống-soái định lợi dụng cái thế-lực của Tường để chiêu dụ vua Hàm-Nghi và chủ-trương các việc thường trong Triều-chánh. Theo lời đề-cử của Hoàng-tộc, De Courcy mời Thọ-xuân-Vương Mân-Định ra mà giao cho chức Nhiếp-lý quốc-chánh. Thọ-xuân-Vương hồi đó 80 tuổi, thực ra thì chỉ ngồi cái ghế quốc-trưởng để làm vì. Mọi việc ở cả tay Nguyễn-văn-Tường mà đằng sau Tường thì có Thống-soái De Courcy cầm giây giựt.

Thoạt tiên, Tường cho người ra Quảng-trị dụ

vua Hàm-Nghi về. Việc không có kết quả, De Courcy bảo Tường thông sức đi các nơi, hẹn trong 12 ngày bắt đầu từ mồng 9 tháng Bảy, nếu các phái đảng của Thuyết chịu về hàng thì không những vô tội mà còn được phục nguyên chức cũ. Việc ấy lại càng vô hiệu nữa.

De Courcy tưởng Tường có uy thế lớn nên hẹn cho Tường trong 2 tháng phải trị bình cả xứ Trung-kỳ. Hằng ngày De Courcy bắt Tường lưu ở lầu Thương-bạc, có một viên sĩ quan là Đại-úy Schmitz và một đội lính Ả-rập canh giữ.

Thân Tường lúc ấy chẳng khác thân tù, dù Tường có thành thực muốn hòa-bình nữa cũng chẳng có kết quả gì. Vì sống ở giữa quân Pháp, Tường nói ai nghe, ai cũng tin rằng những lời ấy xuất ở ý muốn của người Pháp.

Sau hai tháng, Tường chẳng làm nên công cán gì nên bị De Courcy đày sang Côn-đảo, tiếp, rồi đi Tahiti thì bị bệnh, nằm tại nhà thương Papeiti mà chết.

Thi thể Tường được mang về táng tại Quảng-trị. Gia sản Tường bị tịch biên và xung công.

Sau, vua Thành-Thái nghĩ đến tội cũ của Nguyễn-văn-Tường cho lính khai quật di hài lên và dùng gậy sắt mà đánh vào quan tài để trị tội trước.



NGUYỄN HỮU ĐỘ

CUỘC bại vong của Nguyễn-văn-Tường đã làm cho một người được hoàn toàn đắc ý. Người ấy là Nguyễn-hữu-Độ.

Độ là giòng dõi Nguyễn-hữu-Dật, người huyện Tống-sơn, tỉnh Thanh-hóa, sinh năm 1832. Mãi đến năm 35 tuổi, Độ mới đỗ cử nhân, được bổ làm giáo thụ Kinh-môn, rồi thăng tri huyện Nghiêm-phong. Vì có công giẹp giặc bể, nên Độ được các quan trên để ý đến. Năm Tự-Đức 26, Hà-thành thất thủ, Khâm-sai Nguyễn-văn-Tường và đại biểu Pháp là Philastre giảng hòa. Nguyễn-hữu-Độ được lên Hải-dương quyền chức bố chánh, sung tiễu-phủ-sứ, chuyên giẹp giặc bể.

Năm Tự-Đức 35 (1882), Hà-thành thất thủ lần thứ hai, Độ đương giữ chức tuần phủ được cử làm phó Khâm-sai để điều đình với đại biểu Pháp, Và, nhân đó được bổ làm Hà-ninh tổng đốc.

Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết xét biết rằng Nguyễn-hữu-Độ đã ngầm giao thiệp với người Pháp để gây thế lực riêng cho mình nên muốn triệu về để giữ mối họa về sau. Nhưng Độ là người rất giảo quyệt néo riết lấy người Pháp. Và không những không theo mệnh lệnh của triều đình, Độ lại còn dụng tâm mượn thế lực của Pháp để trừ cho kỳ được Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết.

Ngoài việc thúc dục quân Pháp vào đánh Huế ra, Độ còn nhân danh kẻ khác gửi cho thống soái De Courcy bức thư :

« Chúng tôi, thân hào sĩ xứ Bắc-hà kính bẩm :

« Đại nguyên soái thống xuất Bắc-kỳ quân vụ toàn quyền đại thần các hạ :

« Trộm xét nghịch thần Nguyễn-văn-Tường, Tôn-thất-Thuyết mượn tiếng Y-Doãn, Chu-Công, làm việc Vương-Mãng, Đổng-Trác. Từ ngày 14 tháng 6 năm Tự-Đức thứ 35 (1883), Đức Dực-Tôn thăng hà, lúc ấy Tường và Thuyết vâng di chiếu, giúp tự quân, tự chuyên uy phục, thiện thành việc phế lập, Thụy-quốc-công (Dục-Đức) chưa lên ngôi đã bị phế, lại theo mà giết đi. Hoàng-đế Lãng-quốc-công (Hiệp-Hòa) vào nối ngôi trải bốn tháng trời, chưa nghe, có điều sai lỗi gì, cũng bị ép uống thuốc độc mà chết, thần dân rất lấy làm đau lòng.

« Vua Kiến-Phúc lên ngôi, tính người trong sạch

thiên tư khôn sáng, bọn nghịch thần ấy e rằng không lợi cho mình, cùng nhau thông mưu với Nội-đình, ngấm chu cuốc phế lập. Thêm nữa, những tiếng (buông khe) không tốt, truyền bá ra ngoài, cho đến vua Kiến-Phúc cũng tức giận mà chết. Than ôi! thảm thay!

« Ngoài ra Hoàng-thân như các ngài Hải-Ninh, Triệu-Phong, Tùy-lý Kỳ-Anh, tối kỳ cựu như Trần-tiễn-Thành, huân tịch như Hồng-Hữu, Hồng-Nhì, Hồng-Sâm v.v... (mấy người trên này kẻ không thuận sự phế lập, người có mật sớ xin trừ quyền thần), hoặc bị giam vào ngục, hoặc bị ép uống thuốc độc, hoặc bỏ tù rồi giết chết, hoặc đầy đi phương xa, hầu khiến cơ nghiệp hoàng gia gây dựng vun trồng trên ba trăm năm, một mai tan tác đi mất, mà bọn nghịch thần ấy thì tự phong nào Vệ-quốc tướng quân! nào Vy-quốc huân thần, sự biến đến thế, thực không nỡ nói nữa!

« Kia, thẻ tre của Thái-sử nước Tề, ngòi bút của Đông-hồ nước Tấn, ấy là người nào, và thời thế nào? Mà sao các tôi văn võ ở Triều, không nghe có một tờ hịch hỏi tội, không nghe có đạo quân đánh giặc, chỉ biết thừa thuận cầu vinh, a dua kiếm lợi, khiến kẻ trung thần nghĩa sĩ trong nước, khoanh tay thở dài, ngấn cổ khó kêu. Thế đạo nhân tâm, nói đến xiết bao thương xót!

« Than ôi ! Bọn ấy xem vua như cỏ rác, lăng ngược dân chúng, thế tất đến không tự lập mình lên làm vua là không thôi. Từ năm ngoái đến nay, sở dĩ trì hồi do dự, chưa dám làm thẳng tay, là vì kiêng có nước lớn bảo hộ đấy thôi !

« Bọn sĩ dân chúng tôi đã từng đến cửa quan Đại nguyên-soái đưa đơn bầy tỏ sự tình, đã được chuẩn chấp. Tưởng cái đầu của hai nghịch thần kia, không bao lâu sẽ đưa đến dưới cờ, mà nước Nam không còn nằm trong cõi bùn than nữa !

« Ngặt vì việc binh rắc rối, biến cảnh chưa yên, thành ra cái uy sấm sét còn xếp lại mà cái độc hùm beo càng thêm ra : nào cấm kéo binh vào cửa công môn, nào đặt quân phấn dũng để canh nhà tư. Ngoài các tỉnh thì đặt thêm sơn-phòng mà sức dân càng kiệt, mồm dục bọn Nguỵ-Mao, Nguỵ-Chàng khuấy rối mà làm nguy đến giáo - dân. Thậm nữa mượn cái tiếng (lập đồn phòng thủ) để làm việc hiếp - chế dời đô, tức như gần đây tờ công văn Bính, lời lẽ rất ngạo mạn. Suy nguyên ý bọn nghịch thần ấy cốt chống với người Pháp làm việc chuyên thiện đặng thỏa theo ý riêng mình mà tôn miếu cào thành gò bằng, nhân dân sa dưới bùn than, cũng không thèm để ý đến.

« Chúng tôi, phận có tôn ty, tình đồng ưu ái, trộm nghe quí đại thần anh dũng cương quyết, tiếng

vang hoàn cầu, xe sứ tới nơi; sinh kỳ đổi sắc. Thần dân hạ quốc, may được hưởng phúc thái bình ở lúc này chăng?

« Chúng tôi muội bầy tỏ, rất trong thương đến bình dân, dở uy thần võ, trừ bọn nghịch thần cho chung quanh nhà vua được trong sạch, dẹp chánh xấu để chỉnh đốn cương kỷ trong triều dình, Thần dân xiết bao vui mừng.»

Nay kính bẩm.

De Courcy đánh Huế. Cái ý nguyện đầu tiên của Nguyễn-hữu-Độ dã đạt. Nhưng có mấy điều Độ không ngờ là Tôn-thất Thuyết mang cả vua Hàm-Nghi đi trốn, thành ra nước Nam không vua. Thứ là Thuyết đi mà Tường ở lại vẫn ngồi ghế thủ-tướng như cũ, khiến cho cái địa vị mà Độ thèm muốn vẫn bị kẻ thù ngồi mất, Độ không lách được vào đâu mà ngồi.

Nhưng là một tay tính việc rất khôn khéo, Độ không thất vọng. Ông viết thư cho tất cả những người Pháp có thế lực mà ông quen biết để dèm pha Nguyễn-văn-Tường, trong số có bức thư gửi cho De Courcy, người mà ông trông cậy hơn cả, vì hiện là người có thế lực nhất :

Nguyễn-hữu-Độ kính bẩm
Nguyên-soái đại thần cùng
quí liệt soi xét :

« Bản quốc gần mấy năm đây, gặp việc biến luôn, toàn nhờ thượng quốc giúp sức. Gần đây nghe tin trong kinh thành Huế, hai vị phụ chánh đại thần, gây ra mối hấn kịch, rất đỗi kinh hoàng. Nay lại nghe nghịch thần Nguyễn-văn-Tuòng tăng mình ra thú, đem công việc hư hỏng lâu nay đổ cả cho một mình Tôn-thất-Thuyết, để mong tránh họa mình ; hoặc là giả ra đầu thú mà ở trong ngầm làm việc ám muội gì, cũng chưa biết được. Điều ấy quí liệt đại thần tất đã để lòng xem xét.

« Nhưng tôi trộm nghĩ, sai Tiên-Hoàng-Đế (Tự-Đức) băng hà, bọn ấy thiện quyền phế lập, hãm hại các tôn chí (Hoàng-tộc), lang bối nhau làm gian, rối loạn triều chính. Cứ theo việc đã làm, rõ rệt trước tai mắt công chúng. Nay lại trút cả gánh tội ấy cho người đã chạy, ấy là chỗ « đại gian hùng » của Tường, tưởng quí liệt đã biết thừa, tôi không dám bàn. Phỏng như người ấy đã được khởi dụng thì cái tay tráo trở sau này, họa hoạn chưa biết đâu mà lường, không khỏi phiền quan bảo hộ phải châm chước sắp đặt một lần nữa.

« Vậy nhờ chuyển đạt ý tôi về thượng lượng cho kỹ càng. Tôi không phải biện bạch nhiều.

« Vả chăng, có sự ngày nay, may có Đức, Từ-Dụ Thái-hoàng Thái-hậu đã về trong cung. Quí đại thần không nỡ tuyệt hẳn nước người, một lòng kính

đãi, thật là linh thiêng trên cửu-miếu, thần dân trong nước có chỗ ỷ trọng; may ra thế nước có thể kéo lại được, hạ quốc xiết bao cảm bội.

« Duy trong khoảng nguy nghi, cần có người thạch phụ trung thành thu xếp sắp đặt, đại cuộc may sớm định được. Tôi vẫn không dám tự dương, song nghĩ đến nền gốc nước nhà, ngày đêm lo ngại, ăn ngồi không yên; như được về kinh, theo quí liệt đại thần, giúp chút sức hèn, may trong đôi tuần công việc sắp đặt có thứ lớp. Khi ấy sẽ cho tôi trở ra Hà-nội cung chức như trước. Ấy nhờ quí đại thần thẩm trước, tôi rất lấy làm ngóng trông.»

Ngày 29 tháng Năm
vua Hàm-Nghi năm đầu

Nguyễn-văn-Tường bị khu trục.

Nguyễn-hữu-Độ được gọi về Huế đúng như ý muốn của ông. Hơn nữa, vua Đồng-Khánh sau này được lập lên là do lời đề nghị của Độ. Cố nhiên là Độ phải nhiệt thành qui phục người Pháp để củng cố thế lực của mình. Và, tỏ ra một người đắc lực, Độ nhân danh người Pháp, gửi thư đi các nơi ca tụng những công ơn của Pháp và khuyên đảng văn thân ra hàng. Nhưng đảng văn thân không phải là cũng đắc ý như Nguyễn-hữu-Độ, nên đã đáp lời Độ bằng bức thư dưới đây và vẫn tiến hành công việc Cần-vương, trái với chỗ Độ mong mỏi :

« Chúng tôi có tiếp được tờ thư của quí sứ đại ý nói nếu cứ họp đảng làm càn thì sẽ mang quân đến đánh, bằng chịu ra thú thì tha tội cho. Vì Ngài có lòng tốt nên mới có những lời nói như vậy.

« Quí quốc sang kỳ-lý nước Nam chúng tôi, nhờ có quân thì tinh, mưu thì cao, khí giới thì tốt, làm cho người Nam chúng tôi hoặc thành tâm hoặc nhắm mắt mà theo đã đến quá nửa rồi. Một nước hàng trăm ngàn năm lễ nhạc y quan rút cuộc rồi dần dần về Pháp cả. Bọn chúng tôi vì nhớ ơn vua cũ, không biết tự lượng, lấy sức của trăm ngàn kẻ sĩ mang ngàn muôn người ra gặp gỡ với quí quốc ở trường chiến đấu, há chẳng đáng nguy lắm sao? Nhưng việc chúng tôi làm là vì nghĩa vua và đúng với danh giáo. Quí sứ gọi là họp đảng làm càn, há chẳng lầm lắm sao.

« Vả, quí quốc sang nước chúng tôi, vẫn nói là hòa hiếu và bảo hộ, thế mà rút cuộc đến cướp thành trì của chúng tôi, đuổi vua tướng của chúng tôi. Trung gian có lập vua Đồng-Khánh. Nhưng những việc đã làm, phỏng giấu ai được. Quí quốc đã làm việc tối tăm mà lại còn khuyên người Nam bỏ vua phản nước được ư.

« Chính binh quyền lợi hiện quí quốc đã giữ lấy; văn sĩ vũ phu do quí quốc sai khiến. Quí quốc cướp nước người ta một cách rõ rệt. Xưa nay

bảo hộ có thể bao giờ mà còn tệ hơn là họp đảng làm càn nhiều lắm nữa. Nếu một nước khác đến quí quốc mà làm những việc giống như quí quốc đã làm ở nước Nam chúng tôi thì chắc quí quốc cũng tức giận và phấn đấu như chúng tôi.

« Bây giờ, nếu may mắn ra mà quí quốc bình tâm lại, đưa vua Hàm-Nghi về, trả lại thành trì chúng tôi, khiến cho vua tướng và nhân dân chúng tôi lại được hòa mục và quí quốc cứ thông thương như cũ thì bọn chúng tôi sẽ yên phận mà cùng hưởng thái bình. Bằng không như thế thì quí quốc cậy ở chỗ sở trường, chúng tôi cũng chẳng bỏ chỗ sở đoản : May ra mà sống mà thắng thì làm nghĩa sĩ của triều đình ; chẳng may ra mà chết mà thua, thì làm con ma giết giặc. Thà chịu tội với quí quốc, chứ không chịu tội với vua của nước chúng tôi. Thà chịu tội với một thời, quyết không chịu tội với muôn thủa.

« Từ nay chữ « thú » xin đừng nói đến nữa. Tội chúng tôi đã đành có đâu dám cầu miễn... »

Bức thư này để trả lời tướng Pháp, nhưng cũng là một bài luân lý kiêm một bản án gửi cho Nguyễn-hữu-Độ.



BỎ TÂN-SỞ, THUYẾT ĐƯA VUA RA BẮC

RA tới Tân-sở, Tôn-thất-Thuyết liền thất vọng về địa thế của thành này. Thành tuy kiên cố, nhưng mấy năm Nam triều bận rộn về chiến tranh, không có thời giờ dự bị lương thực và chiêu mộ quân sĩ để làm cho uy thế trong thành được vững vàng. Thành lại xây ở một cao nguyên, phía tây là Lào, phía đông là bãi cát khô khan của đất Quảng-trị, sự chiêu mộ quân sĩ cũng như việc vận lương rất khó khăn. Cứ an trí giữ lấy thành trì thì đành rằng cũng tạm yên. Nhưng nếu quân Pháp đón giữ mặt Cam-lộ thì quân Thuyết sẽ phải tuyệt giao với các tỉnh trong nước và không có hi vọng đối phó với địch quân được nữa.

Vì thế, sau khi lưu ở Tân-sở chừng mười ngày, Thuyết lại cùng vua Hàm-Nghi và các quan văn, võ tòng vong, quay về Cam-lộ rồi lần lượt đi ra Bái-sơn,

Trung-yên và Hảo-sơn. Tới Thủy-ba, trời tối, đạo ngự lưu lại một đêm ở miền này (19-20 tháng Bẩy). Sáng hôm sau, Thuyết lại mang quân đi sớm, định tuần tự ra Quảng-bình rồi tiến thẳng về phía bắc. Nhưng khi tới Lai-cách thì có thám tử chạy về báo rằng quân Pháp đã đánh lấy Động-hải (Quảng-bình), nếu đạo ngự đi thẳng tất bị quân Pháp đón đánh mà giữ lại.

Nguyên khi Thống-soái De Courcy được tin Thuyết định đưa vua Hàm-Nghi do đường Quảng-trị và Quảng-bình ra Bắc, liền nghĩ ngay đến việc chặn đường.

Ngày 16 tháng Tám, Thống soái phái chiến-hạm « La Lionne » ra do thám ở cửa Nhật-lệ. Đến 18 tháng Bẩy, Thống - soái phái luôn một thủy đội trong có năm chiến hạm : Lion, Pluvier, Hugon, Chateau-Iquem và Eclaireur chở một lữ đoàn bộ binh do Thiếu-tá Beaumont chỉ huy, ra đánh thành Động-hải (Đồng-hới).

5 giờ 30 sáng 19 tháng Bảy, quân Pháp đổ-bộ, đến 8 giờ 30 sáng thì lập thành đội-ngũ tiến vào thành. Thành bỏ không, 10 giờ sáng quân Pháp lấy được thành mà không phải bắn một phát súng nào hết. Nam-quân đã thu cả kho-tàng và khí-giới rút ra khỏi thành. Tròng thành chỉ còn bỏ lại vài khẩu súng bắn bằng đá và những khẩu thần-công cũ, rỉ.

Ngay chiều 19, đại-đội quay về cửa Thuận, lưu lại Động-hải một đội quân nhỏ để giữ thành.

Trong thời-gian ở Động-hải, đội quân này phái người đi do-thám, tìm được con đường khuất-khúc ở chân núi, song-hành với quan lộ. Đường hiểm-trở và rất kín đáo do Nam-triều khai phá từ năm 1883, lấy lối giao-thông từ Huế ra Bắc. Dọc đường có trạm cho quân đóng, phòng khi Nam-triều thất thế thì do đường này mà chạy ra Bắc-kỳ.

Tại Vạn-xuân, quân Pháp tìm ra được hai kho vàng bạc và châu báu do Tôn-thất-Thuyết cho mang ra tích sẵn, dự-bị có lúc dùng. Những của cải ấy chôn dưới đất và xếp gỗ lên trên. Một nơi được ước một triệu quan, một nơi nữa được 1 triệu 250.000 quan. Những của cải này bị quân Pháp thu lấy và bỏ vào công-khố của Chánh-phủ Bảo-hộ.

Thành Động-hải thất-thủ, đường ra Bắc bị chẹn ngang đường Quảng-bình, Thuyết sợ quân Pháp tụ đóng ở cửa Nhật-lệ nên không dám tiến đánh, đành phải đưa vua Hàm-Nghi theo đường cũ, quay về Tân-sở.

3 hôm sau, đạo-ngự lại rời thành Tân-sở lần thứ hai, đi ngược về phía Mai-lĩnh và lánh sang Lào, bỏ lại trong thành chừng vài chục tên lính.

Trong thời gian ấy, Thống-soái De Courcy tưởng vua và Thuyết còn ở Tân-sở nên phái Đại-úy Bastide man 200 quân ra đánh lấy thành. Tới Quảng trị quân Pháp lạ đường, không dám tiến.

Hai giáo sĩ Mathey và Patinier hiểu rõ địa thế miền này ra tình nguyện dẫn đường.

Bỏ đường chính (quen gọi là đèo Súng) vì hai bên đường có nhiều đại bác của Nam quân, hai giáo sĩ đưa quân Pháp theo đường Cam-lộ — Phán-xá là đường không có phòng bị mà lên thành, Nam quân thình lình bị đánh không chống nổi, bỏ thành chạy. Quân Pháp tiến vào thành, phóng hỏa đốt nhà cửa và doanh-trại. Bị lửa bén, kho thuốc súng nổ, tiếng kêu làm rung động cả đến thành Quảng-trị, cách thành Tân-sở trên 30 cây số.

Mấy làng Mai - lộc, Mai - đàn và Bảng-son bị Đại-úy Bastide kể vào hạng phản-nghịch, cho khám xét và đốt phá.

Kho tàng ở trong thành, khi quân Pháp vào lục xoát thì chẳng còn gì. Hỏi, người vùng này nói khi vua đi thì của cải ở trong thành bị vơ vét sạch. Súng đại-bác của Nam-quân, Đại-úy Bastide cho tháo ra hết và khuân về Cam-lộ chừng 200 khẩu. Những súng này bị bỏ lay-lứt mãi đến 1900-1901, vua Thành-Thái mới cho mang về Huế, đúc lại.

Thành Tân-sở nay chỉ còn là miếng đất khô-khan, trên lởm-chởm ít nhiều ngói gạch. Mặt đất còn lờ-mờ bên hàng móng cổ là nền cũ chiếc cột cờ — biểu-hiệu độc-lập của nước Nam xưa — bọc trong mấy lũy tre xanh, gió đưa vi-vút như gọi hồn cố chủ.



ĐẢNG VĂN THẦN

SAU thần chiến-tranh, dân Huế bị tàn-sát vì một vị hung-thần nữa là thần dịch-tả.

Hơn ngàn người chết trong khói đạn ngày 23 tháng Năm, phần lớn bị đẩy xuống các ngạch sông, trước còn trương mà nổi lên mặt nước lềnh-bềnh, sau gặp sức nóng mùa hè, rữa thối, rồi tan ra với nước. Chất thịt người chết ấy lại dùng để nuôi người sống vì thành Huế chỉ trông vào có một con sông Hương, vừa là nơi để giặt giũ, tắm rửa, vừa lấy nước ăn uống.

Chất độc ở dưới nước với chướng khí ở quanh thành góp lại thành bệnh dịch-tả, thoạt tiên phát hiện tại các nhà nghèo khó ở ngoài thành, sau lan vào trong thành, rồi ra Mang-cá, sang tòa Lãnh-sự.

Ngày mồng 4 tháng Chín 1885, tướng Pháp là Đại-úy Bardani bị chết dịch. Một ngày 9 tháng chín, quân Pháp chết 56 người. Những xác chết đang đêm

phải bắt phu đem chôn dấu để tránh cuộc khủng bố giữa ba quân. Trong không đầy một tháng, quân Pháp bị thần dịch tả lôi đi tới linh bảy trăm người (1), về phía người Nam, số người chết còn quan trọng hơn nhiều. Có nhà chết hết cả nhà, quân lính đành phải đào những hố lớn mà quăng cả xuống.

Mê-tín, người Nam cho cái tai họa đó là kết quả cuộc chiến tranh ngày 23 tháng Năm : oan hồn của các chiến sĩ không có người cúng, reo tai họa để báo thù người sống. Các vạn trên sông Hương, cũng như các phố ở ngoài thành đều lập đàn cúng lễ. Phụ họa với dân, triều đình cũng thiết đàn ở trong thành, cử các quan-lại ra tế trận vong chiến sĩ.

Trong khi thành Huế bị suy liệt về bệnh dịch tả thì tại các tỉnh Trung-kỳ cũng gặp một cái họa rất lớn là lương, giáo xung đột.

Việc tàn sát các tín-đồ đạo Thiên-chúa tuy có nhờ những cuộc giao thiệp hòa bình của Nam-triều và Chánh-phủ Pháp trước khi kinh-thành thất thủ mà tạm đình, nhưng Tôn-thất-Thuyết và đảng Văn-thân không bao giờ quên rằng giáo dân đã dự một phần lớn trong những vũ-công của người Pháp.

(1) Kể cả Trung, Bắc-kỳ, quân Pháp bị chết dịch tới linh bốn ngàn.

Thành Huế mất, cái cảnh ngộ đau đớn của vua Hàm-Nghi và các công thần lại nhắc nhỏm trong trí nhớ của Tôn-thất-Thuyết mối hận xưa.

Ngay khi mới chạy ra Quảng-trị, Thuyết đã thông báo đi các tỉnh, yêu cầu quan lại tổ chức đội quân Cần-vương và bài trừ các giáo-dân.

Những thủ đoạn như đốt nhà thờ, giết giáo sĩ, ở khắp các tỉnh đồng thời lại bồng bột lên.

Tại Âu-lục là một làng nhỏ ở Quảng-trị, trong ngày 11 tháng Chín 1885 có tới hai trăm giáo-dân bị giết. Kể chung xứ Trung-kỳ, tháng Tám năm ấy giáo dân bị hại tới 21 ngàn người.

Đảng Văn-thân ở các tỉnh đồng thời nổi lên. Phan-đình-Phùng, Đinh-nho-Hạnh dấy quân ở Hà-tĩnh ; Lê-Trực giữ mặt sông Gianh ; tại Bình-định thì Lê-trung-Đình, Nguyễn-tự-Tân khởi quân Cần-vương. Các bậc khoa-bảng như người đang mê ngủ, nghe tiếng súng ở Mang-cá sực tỉnh dậy, vội vứt bút mà nhảy lên mình ngựa, cùng hăm hở xông ra chiến-trường.

Ý-tưởng đất nước là của triều-đình thốt đổi ra tinh-thần quốc-gia.

Trong bài hịch của đảng Văn-thân gửi đi các nơi, có những câu :

Nhớ thủa Thái-hòa tại vũ, bề khuông phù, phó mặc khách công danh ;

Đến khi Di-địch loạn ra, đường khôi phục phỉ vầy trong tiết nghĩa.

Nhà hòng ngã, con lành, con chống, chẳng phiền cha gặp kẻ Tôn, Ngộ ;

Giặc đang loàn, sĩ nước đón ngăn, chi để chúa trông tôi Pha, Mục.

Lỗ Trọng-Liên nghĩa bất đế Tần, phận nho giả mà lòng lo vũ-trụ ;

Văn Thừa-Tướng trung phò chúa Tống, bước lưu-ly mà vai vác cương thường...

Những câu trên này chứng rằng những đội-quân do đảng Văn-thân giấy lên để chống nhau với quân Pháp từ 1885 cho đến hết thế-kỷ thứ 19, không phải là quân có thao luyện như quân Tôn-thất-Thuyết khi chống nhau với quân Pháp ở cửa Thuận và Kinh-thành. Các tướng đứng chỉ-huy, trừ một vài người như Đề-đốc Lê-Trực, Tôn-thất-Đảm, còn hầu hết là các nhà khoa-bảng không quen nghề bắn súng, cưỡi ngựa. Đã vậy, khí-giới lại đơn dản, súng một phần mua của Tàu, một phần khác thì tự mình chế lấy, nhưng không khỏi có những khuyết-điểm như súng của Phan-đình-Phùng.

Khí giới hèn kém, quân ô-hợp, tướng không có học chuyên môn, trong mười lăm năm trời, đảng Văn-thân chống nhau với quân Pháp bằng khí-phách nhiều hơn là bằng khí-giới.



BỊ CHẸN ĐƯỜNG ĐỘNG - HẢI VUA HÀM-NGHI LÁNH SANG LÀO

BỊ chẹn ở Quảng-bình, Thuyết đành do đường Ai-lao ra Bắc - kỳ. Từ Mai-lãnh vượt qua Ải-Lào. Ngự-đạo lần theo phía tây giẫy núi trường sơn. Miền này rừng rậm um-tùm, núi non hiểm trở xưa nay không có đường xá bao giờ thỉnh thoảng chỉ có một vài ngách nhỏ gọi là có lối chân người vì, hãn hữu có người Mọi hay người Lào vô kiếm củi trong rừng qua lại.

Hết trèo những núi cao chót vót mà tính mệnh hành khách bấp bênh từng khắc từng giờ, lại lội những thác nước chảy xiết, nổi bọt trắng phau. Có khi gặp suối xâu, không lội được. Ngự đạo phải lưu lại hàng ngày, đóng bè để qua khỏi những nơi nguy hiểm ấy.

Ngày đêm đóng trại trong rừng, nghỉ. Hơi lá khô bốc lên làm cho ai nấy đều ê ẩm cả người.

Nhiều người mắc bệnh tê liệt, bị bỏ lại những nhà tình cờ gặp ở dọc đường. Người chết thì chôn cất qua loa, nấm đất bên đường thành mồ vô chủ. Những con ma chết bên đường ấy, là quân lính, có khi là quan đại-thần, nếu chết sớm chừng một tháng trước thì đã được đưa đón long trọng và lưu-danh ở đình, miếu.

Ngự - đạo do đường Song-khone qua các miền Mương Tchépon, Mương Vang rồi vào Mương Mahasay một tỉnh Lào giáp với tỉnh Quảng-bình.

Từ khi bước chân vào đất Lào, tình cảnh mỗi ngày một thêm khốc liệt. Hồi đó vào tháng Chín Lào, vừa qua khỏi cái ánh nắng chói lọi của mặt trời mùa hạ xứ Trung-kỳ thì lại tiếp đến những trận mưa cả ngày không ngớt của xứ Ai-lao. Đường lội, sông ngập, cả đoàn không mấy người không bị sốt vì đổi khí - hậu một cách đột ngột. Đội quân của vua Hàm-Nghi rút lại chỉ còn một cái kiệu, vua bị sốt ngồi trong ; sáu cái võng, một con ngựa, ba con voi, 50 gánh hành-lý và hai trăm người vừa quan, vừa lính.

Nghe tin vua An-nam tới, viên Châu Mường Mahasay (thuộc quyền nội-thuộc của Xiêm) vội phái năm vị quan thuộc-hạ ra nghênh tiếp và đưa đường. Những vị quan này chịu khó đi thu thập thực phẩm dâng vua và tiếp đãi rất tận tâm. Cảm tấm lòng tốt của vị Châu Mường, Thuyết cho mang mười khẩu

súng và bốn con ngựa đến tặng, nói là vua Hàm-Nghi ban xuống. Vua Xiêm khi được tin liền hạ lệnh khiển-trách viên Châu Mường Mahasay, chiếm lấy súng, ngựa và phạt Châu Mường 1.600 đồng bạc Xiêm (2400 quan) về tội đã đưa đường và giúp đỡ vua An-nam mà không xin phép Chánh-phủ Vọng-các.

Mùa mưa năm ấy cực nguy-hiểm. Trong 15 ngày vua Hàm-Nghi lưu ở Mahasay, trời mưa không lúc nào ngớt, nước ở trên cứ liên tiếp ào ào rội xuống, nên việc đi lại nhiều khi phải đình.

Các làng Ngự-đạo đi qua, phần nhiều là nơi hẻo lánh trên xườn núi, lơ thơ một vài túp nhà sàn. Những nhà này chỉ cung đủ chỗ nằm cho vua và mấy vị đại-thần. Còn quân lính và các quan nhỏ thì tụ cả dưới gầm sàn, chỗ mà người Lào thường dùng để nhốt trâu bò, gà, lợn.

Đến mỗi xóm, quân lính lại đốt lửa lên hong quần áo và thổi cơm gạo hẩm hoặc ngô mua được ở dọc đường mà dùng.

Nhiều khi không gặp làng xóm gì hết, đêm đến, Ngự đạo phải ngừng lại ở giữa rừng, quân lính chặt cành cây, cắt lá gồi lập thành những túp lều nhỏ cho vua, quan ẩn tạm. Những chỗ ở tiêu điều và nhem nhuốc ấy hiện ra một cảnh phản trái với những lầu các nguy nga ở Hoàng-thành. Trừ những văn quan

và võ tướng hy-sinh vì một lý tưởng, quân sĩ nhiều người khổ vì sự gian lao, không dấu được vẻ lo phiền. Trông cảnh tượng ấy, rồi lại nghĩ đến thân mình, vua Hàm-Nghi thường lộ ra vẻ mặt buồn rầu song không phàn nàn chi hết.

Từ Mường Mahasay trở đi, số người mắc bệnh lại càng nhiều. Thuyết cho rằng đi lại một cách khổ-sở mãi như thế thì cả đoàn có ngày đến tiêu diệt hết nên Thuyết bỏ ra rất nhiều tiền định mua lại voi của người Lào.

Nhưng họ không dám bán vì Chánh-phủ Xiêm ra lệnh nghiêm cấm không cho người Lào bán voi ra ngoại quốc, mà không có giấy phép của Vọng-các.

Thất vọng, Thuyết mang vua sang phía đông, định đi về miền Quảng-bình. Nhưng càng đi càng gặp nhiều núi non hiểm trở. Ngự-đạo phải lưu lại đất Ban-tong để chờ cho mưa tạnh.

Ban-tong ở về phía Đông-bắc Mường Mahasay, giáp địa giới tỉnh Quảng-bình. Chỗ này họp ba tổng Ban-tong, Phon Savan và Ban Na Thot. Dân ba tổng nguyên từ đời cổ không chịu phục tòng quan lại Lào nên trước kia có nội thuộc vào nước An-nam. Họ vốn trung thành với triều đình Huế. Giữa năm 1885-1895, dân Ban-tong đã hết sức phù-trợ vua Hàm-Nghi và Phan-đình-Phùng, trong việc chống nhau với người Pháp.

* * *

THỐNG-SOÁI DE COURCY
LẬP VUA ĐỒNG-KHÁNH

ĐÀY Nguyễn - văn - Tường, Thống - soái De Courcy đặt Nguyễn-hữu-Độ lên đứng đầu viện Cơ-mật.

Khi xảy ra cuộc tập công 5 tháng Bảy 1885, Độ giữ chức Kinh-lược Bắc-kỳ. Độ vốn thân thiện với người Pháp và có người nói chính Độ đã xui De Courcy mang quân vào Huế để ép Nam-triều phải thi hành hiệp ước 6 tháng Sáu 1884. Mục đích Nguyễn-hữu-Độ là mượn tay De Courcy trừ hai tay chánh địch Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất Thuyết, hai người đã khép Độ vào tội phản quốc và kết án xử tử vắng mặt.

Nhưng Thủ - tướng của Triều-đình Huế dù là Tường hay là Độ, việc duy-trì sự trị an của Trung, Bắc-kỳ cũng vẫn không tiến được bước nào : vua Hàm-Nghị nhờ sự thất bại được đẩy lên làm cái

đích sùng-bái của dân. Tinh-thần ái-quốc thốt-nhiên phát-triển ở trong óc mọi người, cuộc phiến-loạn theo với tờ hịch của Phan-đình-Phùng mà lan ra như thuốc súng.

Thoạt đầu, Thống-soái De Courcy cố tìm cách triệu vua Hàm-Nghi về Huế. Vì Thống-soái nghĩ rằng cái nguyên-nhân phiến-loạn là ở vua Hàm-Nghi. Nếu vua Hàm-Nghi đã trở về Huế thì đảng Văn-thân tất được hài lòng, mà cuộc phiến-loạn sẽ không còn nữa.

Nhưng, vua Hàm-Nghi sau khi rời Huế, đã tự dấn mình vào cuộc phong trần. Trước người ta còn nghe tin vua ở Quảng-trị, Tân-sở, sau thấy nói sang Lào, rồi càng ngày càng mất tăm, bánh xe vong quốc không còn ai nhìn thấy vết.

Bất-đắc-dĩ, Thống-soái De Courcy phải triệu viện Cơ-mật sang tòa lãnh sự để bàn về việc lập vua mới.

Nguyễn-hữu-Độ yêu cầu Thống-soái tôn Kiến-Giang công Ưng-Ky lên thay cho vua Hàm-Nghi. Ưng-Ky là con nuôi thứ hai vua Tự-Đức, là anh ruột hai vua Kiến-Phúc và Hàm-Nghi, sinh ngày 19 tháng hai 1864. Độ tôn Ưng-Ky, lấy cớ rằng Ưng-Ky đã trưởng-thành, đã có đủ trí khôn để cầm quyền. Nhưng Đông-các-điện Đại-học-sĩ Phan-đình-Bình không đồng ý. Bình yêu cầu lập Bửu-Lân là con trai

Dục-Đức, lấy cớ rằng Dục-Đức chánh-thức được vua Tự-Đức truyền ngôi, không may Dục-Đức bị hãm hại thì cái ngôi báu ấy phải trao trả cho con Dục-Đức. Nhưng Bửu-Lân hồi đó mới lên sáu tuổi. De Courcy sợ lập Bửu-Lân lại phải đặt Phụ-chánh và không khỏi có những cái họa như Tường, Thuyết khi xưa, nên nghe lời Nguyễn-hữu-Độ mà lập Ưng-Kỵ.

Liền đó, De Courcy phái Nguyễn-hữu-Độ và Phan-đình-Bình sang bệ kiến Từ-Dụ Thái-hậu.

Thái-hậu từ khi ở Quảng-trị về, được người Pháp đối đãi có lễ độ.

Nhiều lần, các quan mời thái-hậu trở về cung như trước, nhưng thái-hậu quả quyết chối từ, mà lưu luôn ở Khiêm-lăng. Nước mất, gia đình bị tan nát, những nỗi đau đớn của thái-hậu hoặc giả chỉ thích hợp với cái tử-khí ở khiêm-lăng. Thái-hậu muốn nhìn cái chết để bớt sự sầu não. Trong hàng các cháu, Từ-dụ Thái-hậu thương vua Hàm-Nghi hơn hết. Bị thời thế rồn rập, vua đắm đuối trong cuộc phong trần, sự còn mất chỉ cách nhau có từng ly. Ai nói động đến hai tiếng Ưng-Lịch hay Hàm-Nghi, Thái-hậu lại òa lên khóc.

Nhiều lần Thái-hậu viết thư đi triệu vua Hàm-Nghi về. Nhưng thư ấy thường chẳng đến tay vua. Thái-hậu ngày ngày trông cháu mà chẳng thấy cháu, lâu dần đành phải tự an ủi mà tin vào số mệnh.

Độ và Bình mang lời Thống-soái De Courcy tâu lên Thái-hậu. Thái-hậu khóc và lo rằng nếu Triều-đình cứ bỏ không mãi thì sẽ không có người duy trì tôn miếu nên Ngài thuận theo.

Ngày 7 tháng Chín, Từ-dụ Thái-hậu rời Khiêm-lăng, về ở Thương-bạc, ngay trước cửa Thượng-tứ, ngoài thành. Thái-hậu định khi nào đón vua mới vào thành, rồi Thái-hậu mới chịu hồi cung.

8 giờ rưỡi sáng 14 tháng Chín, Ưng-Kỵ mặc long-bào sắc vàng từ phủ riêng đi thuyền rồng đến Phú-văn-lâu, trước cửa chính Hoàng-thành. Trên lầu, Thống-soái De Courcy và đại-biểu Pháp De Champeaux chực sẵn đón vua mới.

Khi Kiến-Giang Công ở dưới thuyền lên, vua định bước lên chiếc kiệu chực sẵn đó thì Thống-soái De Courcy tiến đến, ngăn lại. Rồi Công đi giữa, bên phải De Courcy, bên trái De Champeaux, theo sau có nhân viên tòa Lãnh-sự, triều thần, cùng đi bộ tiến cả vào trong thành.

Quân Pháp, do Thống-tướng Prud'homme chỉ huy, ràn ở hai bên đường nghênh tiếp, cử bài Marseillaise và bắn 21 phát thần-công. Tới điện Thái-hòa, đại-biểu Pháp tuyên-bố trả lại thành trì và kho tàng cho vua mới. Kiến-Giang Công trân trọng cảm ơn nước-Pháp và tiễn De Champeaux ra tận cửa.

17 tháng Chín, Triều-đình đón Từ-dụ Thái-hậu vô Nội.

19 tháng Chín, làm lễ tấn-tôn, Ưng-Kỵ lên ngôi lấy hiệu là Đồng-Khánh. Ngay hôm đó, Thống-soái De Courcy cáo-biệt ra Bắc. Nhân dịp này, vua Đồng-Khánh phong tước cho người đã đại-thắng Nam-quân ngày mồng 5 tháng Bẩy và thưởng binh-sĩ Pháp mỗi người một đồng tiền vàng (Kim-tiền).

Về việc lập vua Đồng-Khánh, Từ-dụ Thái-hậu có xuống dụ, gửi đi các tỉnh, đại-ý nói « Pháp-Nam xưa vẫn thân-thiện. Sở-dĩ có cuộc chiến tranh là vì nghịch thần Tôn-thất-Thuyết đã gây hấn với người Pháp. Trong hai tháng nay, không rõ Thuyết hộ-giá đi đâu. Thái-hậu đã nhiều lần cho triệu vua Hàm-Nghi về, nhưng không có kết quả. Một nước không vua, thì tôn miếu sẽ suy đồi, tiên triều không có người tế lễ. Vậy, đồng ý với đại biểu Pháp và quần-thần, Thái-hậu lập Kiến-giang Công Ưng-Kỵ (Chánh-Mông) con nuôi thứ nhì Dực-Tôn Anh Hoàng-đế (Tự-Đức) lên thay vua Hàm-Nghi.

Sau này, nếu vua Hàm-Nghi có trở về thì sẽ phải giáng xuống tước Quận-công và trọn đời được phụng thờ cha là Kiến-Thái Vương. »

Vua Đồng-Khánh trị vì trên một nước hầu hết là loạn nên không mấy khi được yên tâm. Bàn về mấy tỉnh miền bắc Trung-kỳ, có lần nhà vua đã phải nói với viên Toàn-quyền Paul Bert :

« Trẫm không bao giờ dám trông cậy vào sự qui thuận của mấy tỉnh Hà-tĩnh và Quảng-bình, vì hai tỉnh này sản xuất ra nhiều văn thân quá. »

Khi vua Hàm-Nghi bị bắt, quân Pháp mới tìm thấy ngọc-tỷ của Nam-triều. Lãnh-sự Pháp là Rheinart thân mang ngọc-tỷ sang trao cho vua Đồng-Khánh, nhà vua mỉm cười nói : « Từ trước đến giờ hình như trẫm chỉ làm vua có một nửa. » Từ đấy trở đi, vua Đồng-Khánh mới được yên lòng. Nhưng không đầy ba tháng sau thì vua Đồng-Khánh băng hà : 28 tháng Giêng 1889.



QUA ĐÈO QUI-HỢP

VUA Hàm-Nghi lưu ở Bàn-tông (Lào) đến hạ tuần tháng bảy. Cái nạn mưa như thác chảy của xứ Ai-lao vẫn chưa ngớt, nhưng Tôn-thất-Thuyết nóng lòng hội kiến với văn-thân bốn tỉnh miền bắc Trung-kỳ, lại rục rã lên đường.

Trời sang thu. Lá vàng không chống nổi với gió đập mạnh, bay tơi tả, phủ lên mặt đường, bỏ lại mấy cành cây khô, tầm tã những giọt nước đọng như giọt lệ, khóc muôn ngàn tử-sĩ.

Trông về đằng trước, những trái núi liên tiếp với giải Trường-sơn, trùng trùng điệp điệp như một bức tranh kiên cố tự nhiên. Mùa thu đã lột hết cái áo hoa cỏ của núi non. Trái núi trần trụi chĩa ra ánh mặt trời những phiến đá bọc rêu xanh biếc.

Từ Ai-lao sang Việt-Nam, Đạo-ngự phải chèo qua đèo Qui-hợp. Trước khi chèo đèo, Đạo - ngự nghỉ một đêm. Sáng hôm sau, cả đoàn cùng khởi hành. Đèo cao mà khuất-khúc. Có chỗ là đá nhọn

lởm-chởm như lưỡi dao rạch lòng bàn chân. Nhiều chỗ khác thì đường trơn, không đi nhanh được.

Đường này, các quan địa-phương, theo lệnh Thuyết, mới khai phá từ đầu năm, phòng khi kinh thành thất thủ, Triều-đình có lối chạy ra Bắc-kỳ. Nhưng đang sửa chữa chưa xong thì xảy ra cuộc chiến-tranh.

Những sự không may đó góp lại đã dự phần lớn trong sự thất bại của Tôn-thất-Thuyết.

Đạo-ngự vừa xuống khỏi đỉnh đèo thì mọi người cùng mệt mỏi, dừng lại bên đường, nghỉ. Trời đang sáng sủa, bỗng mây kéo tối rầm. Chớp nhoang nhoáng như những con dao lửa vạch trời. Tiếp lại đổ mưa, ai nấy đang lo cắm trại nghỉ thì giữa những chỗ khuất thoáng thấy sắc áo xanh đỏ của Nam-quân. Giờ lâu, người ta nom rõ sắc cờ trong có mấy chữ đen «Hà-tĩnh Sơn-phòng Chánh-sứ, Nguyễn».

Đường Qui-hợp là độc-đạo từ Lào sang Hà-tĩnh. Đường theo triều sông Nai là một con sông nhỏ lách khe núi mà rội vào sông Gianh, thuộc tỉnh Quảng-bình. Đường gập ghềnh và khuất khúc và hầu hết là bị nước mưa tràn ngập, cho nên đi lại rất khó.

Khi đội quận nhỏ ở đèo lên đến gần chỗ vua đóng, một viên tướng xuống ngựa và xin đến yết-kiến quan Đại-tướng Tôn-thất Thuyết, viên tướng

này là Cao-Đạt và là bộ-tướng quan Sơn-phòng Chánh-sứ Hà-tĩnh, Nguyễn Chánh.

Nguyên khi còn ở Lào, Thuyết đã phái thám-tử sang Quảng-bình và Hà-tĩnh báo trước hành-trình của vua Hàm-Nghi cho nên khi đoán biết vua sắp tới Qui-hợp thì Nguyễn Chánh, người giữ Sơn-phòng Hà-tĩnh phái Cao-Đạt đi đón.

Qua đèo Qui-hợp, Ngự-đạo do Cao-Đạt hướng dẫn đi xuống một giải đồng bằng rồi lại tiếp đến dẫy núi Hà-tĩnh, lồng-lộng, chĩa lên trời những ngọn cao trót-vót. Đi quanh quất trong mấy ngày mới tới Sơn-phòng.

Nơi này là một thành nhỏ xây trên trái núi tục gọi Ấu-sơn thuộc làng Phú-gia, huyện Hương-khê tỉnh Hà-tĩnh. Thành cũng mới xây từ khi lập đường Hà-trai — Qui-hợp. Sơn-phòng Chánh-sứ Nguyễn Chánh là một vị võ-quan do Triều-đình phái ra trấn-thủ nơi này. Nhưng ở vào giữa chỗ núi non hiểm-trở, dân-cư ít, nên lương-thực không có mấy mà quân tinh-nhuệ cũng chẳng là bao. Khi vua tới Sơn-phòng, Nguyễn Chánh liền thông báo đi các nơi. Lãnh binh Hà-tĩnh là Phan-Mỹ được tin vội mang năm trăm quân lên Sơn-phòng góp với quân Nguyễn Chánh để hộ-giá và phòng đối phó với quân địch.



VUA HÀM-NGHI XUỐNG CHIẾU CẦN-VƯƠNG

VUA Hàm-Nghi dùng Ấu-sơn làm đại-doanh. Ngoài việc thôi-thúc các võ quan thao-luyện quân-sĩ và tu-bổ thành-trì, Tôn-thất-Thuyết sai thảo tờ chiếu cần vương, lấy chữ vua Hàm-Nghi phê chuẩn và gửi đi các tỉnh.

Chiếu đề ngày 11 tháng Tám năm Hàm-Nghi thứ nhất.

Lòng chiếu như sau này :

« Nước Nam ta ký hiệp ước với nước Pháp kể đã có tới mấy chục năm. Thoạt tiên ta nhường cho Pháp ba tỉnh Nam-kỳ. Hai năm sau, còn ba tỉnh nữa họ lại lấy nốt. Nhưng họ vẫn chưa được thỏa-mãn, họ cho miếng đất ấy là nhỏ mọn, không thấm vào đâu. Dùng mưu mẹo, họ lập Lãnh-sự ở Huế và Bắc-kỳ, bắt buộc ta phải ký hiệp-ước mới, rồi thêm, bớt, xóa bỏ không biết bao nhiêu lần. Họ quả quyết xâm-lược xứ Bắc-kỳ để thu lấy những mối lợi mà ông

cha ta để lại. Nhân lúc nước ta có tang đức Dực-Tôn Anh Hoàng-đế (Tự-Đức), quân Pháp kéo vào cướp cửa Thuận-an và đốt cháy ấn-tín của nước Tàu phong cho vua ta. Họ ép uổng ta phải cho họ đóng quân trong Hoàng-thành và nhường chỗ cho họ ràn bày súng ống. Sự hiếp bức đó dù kiên nhẫn đến thế nào ta cũng không thể chịu được.

« Tháng Năm năm nay, quân Pháp ước hơn vạn người bắt ép ta phải nhường lại Hoàng-thành. Họ bắt vua trị dân theo như luật pháp riêng của họ. Vì những cớ ấy, Hội đồng Cơ-mật quyết khởi một trận tập-công ở Huế. Nếu quân ta thắng thì Nguyễn-văn-Tường đón trẫm ra ngự tạm tại Nghệ-an, Hà-tĩnh, để Tôn-thất-Thuyết ở lại Huế, lập thế trận. Trước hết bài trừ bọn giáo dân để thắng quân Pháp sau này, vì chính những dân theo đạo Cơ-đốc đã hiệp nhất với người Pháp mà phản lại Triều-đình. Bằng thua, thì trẫm cùng với triều-thần lánh ra miền Bắc, mưu đồ khôi phục.

« Cuộc tập-công ngày 23 tháng Năm khởi từ nửa đêm, giữ mãi được đến nửa buổi sáng. Quân Pháp chết vô hạn. Bách-tính đông quá không sao cứu kịp cũng chết rất nhiều. Nhưng đấy là mệnh trời, ta tránh sao được.

« Ngay lúc ấy, Nguyễn-văn-Tường đổi bụng, lẻn trốn vào nhà giáo Kim-Long, còn Tôn-thất-Thuyết thì vẫn theo trẫm, chống nhau với quân Pháp.

« Tới Quảng-trị, có tin quân Pháp sai Tường triệu Trẫm về và trả lại Hoàng-thành.

« Nhưng đấy là mưu của họ để lừa ta. Nguyễn-văn-Tường bỏ vua, theo hàng người Pháp để dối dân. Tường lại còn chực bắt trẫm nộp cho người Pháp để giữ toàn phú quí, tội ấy nặng không biết chừng nào. Mới đây, Tường lại sai Tôn-thất Phấn và Võ Khưu đi xui quan-lại các tỉnh bắt trẫm. Trẫm tin rằng quan lại không khi nào hạ mình làm những việc đê hèn ấy... Ngoài ra Tường lại mạo chữ Thái-hậu viết thư dụ trẫm về. Nhưng Thái-hậu đã ở trong tay người Pháp thì Tường bắt viết gì chẳng được. Vả trong di-chiếu của Tiên-đế có nói việc trị nước chẳng nên trao cho đàn-bà. Nếu ai bắt được dụ ấy nên đốt đi và đừng nói đến nữa.

« Núi non cách trở, trẫm đi hai tháng mới tới miền này. Sự chậm trễ đó đã giúp cho quân địch có đủ thời giờ bịa ra những chuyện làm cho lòng dân chán nản.

« Hiện nay Trẫm cùng với Tôn-thất-Thuyết đã tới Ấu-sơn thuộc huyện Hương-khê. Các quan trong, ngoài đều tề tựu cả ở miền này.

« Văn-thân, dân chúng và binh-sĩ cũng lần lượt ra dự việc Cần-vương. Thế nước gặp lúc loạn-ly, ta khoanh tay mà nhìn sao được... »

Tờ chiếu trên này làm cho lòng dân phiến-động. Các bậc khoa-bảng,các nhà phú-hào, kẻ có thế,

người có tiền, đồng thời mộ dân phu đồi nhà mình làm trường diễn võ, mang cơ-nghiệp giúp làm quân lương. Bọn răm chục người, bọn vài trăm người, bỏ cày cuốc ra cầm gươm, đồi bút lông lấy súng, rong ruồi lên miền Hương-khê. Mấy trái núi u-tĩnh ở Ấu-sơn bị thời-cơ đồi làm chiến-trường. Sườn núi là thành, chân núi là trại, lá cờ cần-vương vượt lên núi non phấp-phới.

Tại Bắc-kỳ, quan lại các tỉnh, trừ một số đã ra hàng quân Pháp, cũng hưởng-ứng với đảng văn-thân Nghệ-Tĩnh mà khởi nghĩa ở khắp mọi nơi.

Những việc này đến tai Thống-soái De Courcy (sau khi lập vua Đồng-Khánh, Thống-soái đã ra Bắc-kỳ). Thống-soái vội hội-họp các Thống tướng Négrier, Brière de l'Isle, Warnet, đề bàn cách dẹp quân Cần-vương. Sau cuộc hội-thương này, Thống-soái quyết định cử đại-tá Pernot mang một đạo quân từ Huế tiến ra Quảng-bình. Thống-tướng Négrier thì từ Nam-định, qua Ninh-bình, Thanh-hóa vô Nghệ-an. Hai quân cùng gặp nhau ở Hà-tĩnh. Mục đích De Courcy là chẹt đường vua Hàm-Nghi và Tôn-thất Thuyết.

Sau khi đã quyết định, Thống-soái điện về Pháp, trình bầy chiến lược với Thủ-tướng Brisson. Song, bên Pháp không thuận cho Thống-soái khởi binh. Vì việc bàu-cử vẫn chưa kết-liễu.

Nhưng trước khi Thống-soái De Courcy định

cử đại đội đi đánh quân vua Hàm-Nghi, Đại-tá Chaumont đã từ Huế mang ba chiến-hạm ra đánh lấy Nghệ-an. Thành này không chống giữ gì hết. Khi thấy quân Pháp đổ bộ, mấy vị quan nhỏ liền ra tận bờ sông nghênh tiếp mà mời vào trong thành. Thành Vịnh cũng như Động-hải (Quảng-bình) không làm cho quân Pháp tốn một viên đạn.

Sở dĩ quân Pháp lấy thành được dễ dàng như thế là vì các quan cao cấp ở trong thành biết rằng thế chẳng giữ được nào nên đã rút quân ra khỏi thành để dự bị một cuộc tổng công-kích.



LÊ TRỰC GIẤY QUÂN Ở THANH-THỦY

QUAN-LẠI và văn-thân ở khắp Trung, Bắc-kỳ đồng thời giấy quân đáp lại tờ chiếu cần-vương của Hàm-Nghi.

Tại Quảng-bình, Lê Trực lập đồn lũy ở Thanh-thủy, giữ mặt sông Gianh (Linh-giang). Trực người Thanh-thủy xuất thân là võ-tướng, năm 1883 giữ chức Đề-đốc hộ thành Hanoi. Bị Henri Rivière tiến đánh, Hanoi thất thủ, Lê Trực phải triệt-hồi. Từ đó về an trí ở Quảng-bình.

Thất bại trong hoạn-trường, Lê Trực quay về làm bạn với cảnh nước non hoa gấm quê nhà.

Ngày ngày, Trực cưỡi ngựa sang uống rượu ngâm thơ ở hang Minh-cầm, dưới giẫy núi Lam-lang. Trước mặt là sông Gianh, một giải tràng-giang, cuốn nước của giẫy núi Trường-sơn do cửa Quảng-khê ra bể. Hang Minh-cầm là một trong những thắng

cảnh của xứ Trung-kỳ. Hang rộng rãi và thành đá phẳng lỳ, phía trên cong như một tòa nhà xây cuốn. Giữa hang có phiến đá vuông thạch-nhũ nổi lên như những miếng thủy-tinh sắc vàng óng ánh. Hai khe hang có những tảng đá hiện thành quái tượng, hiến sự kinh ngạc cho người xem.

Trong lúc đang hưởng thú thanh nhàn thì Lê Trực tiếp được chiếu Cần-vương. Tuy tuổi đã già, nhưng Trực cũng hăng hái cầm cờ tướng mà chiêu nạp các kiện-sĩ ở vùng này. Không đầy hai tháng, Trực đã lập đồn trại ở khắp triền sông Gianh.

Cũng như tại các tỉnh Trung-kỳ, cử động thứ nhất của quân Lê Trực là giết giáo-dân và đốt nhà thờ đạo. Các làng Gia-tô ở triền sông Gianh hầu hết trốn chạy, nhà thờ đạo chỉ còn bỏ lại những đống ngói gạch đen sì. Các nhà thờ Hương-phương, Đan-xá và Mỹ-hòa thu nạp giáo-dân chạy trốn ước vạn người. Bọn này cũng đắp thành, chế khí-giới và cầu cứu quân Pháp để chống nhau với quân Lê Trực.

Mồng 6 tháng Sáu 1886, Thiếu-tá Grégoire từ thành Đồng-hới mang quân đáp thuyền đi tuần trên sông Gianh. Khi quân Pháp đổ bộ, đi về phía Hà-tĩnh, quân Lê Trực mai phục trong rừng dồ ra cướp thuyền, và giết thuyền phu, cắt hẳn đường giao thông của quân Pháp.

Nhà thờ Hương-phương, Đan-xá và Mỹ-hòa

thường bị quân Trực vây đánh. Giáo-sĩ trụ-trì nhà thờ này là Tortuyaux hết đạn, phải dùng mảnh chai nạp đại bác mà bắn ra để giữ với quân địch. Muốn chặn đường giao-thông của quân Pháp ở giữa Nghệ-an và Động - hải, Lê Trực cắt quân phục theo dọc quan-lộ.

Tuy quân Pháp cũng có lập nhiều đồn ở ven bể nhưng không sao tránh được những cuộc công kích nhỏ - nhen của quân Lê. Các trạm của người Pháp đều bị cắt đứt. Kẻ mang thư-tín cho quân Pháp, bị bắt và chém ngay dọc đường. Các quan-lại do Triều-đình bổ ra để thay cho các quan cũ đã đi theo vua Hàm-Nghi phần nhiều không dám đến nhậm chức. Nhiều kẻ không thể đừng được, phải nằn-nì với quân Pháp đến đóng ngay ở phủ hoặc huyện lỵ mình. Viên Tri-phủ Quảng-trạch không dám về phủ lỵ, phải lên ẩn ở đồn Quảng-khê mà cũng vẫn lo ngay ngáy rằng sớm muộn quân Lê Trực sẽ đến lấy đầu. Thực ra, chức Tri-phủ Quảng-trạch hồi đó lập ra chỉ để làm vì. Cái oai quyền của viên Tri-phủ không ra khỏi mấy làng ở chung quanh đồn mà quân Pháp đã uy-phục được.

Một lần quân Pháp phái 57 tên quân đi vận tải trên đường Hà-tĩnh, đến sông Ròn bị Nam-quân đón bắt, trói ba người làm một mà quăng xuống bể. Trong số đó, có một người trốn thoát, chạy về báo với thành Động-hải, làm cho ai nấy đều hoảng hồn.

Quân Pháp đóng tại Động-hải về đầu năm 1886 cũng nhiều lần buộc vào thế cực nguy. Thiếu-tá Grégoire thường nơm nớp lo quân Lê Trực cướp mất thành. Có khi Nam-quân đã mang rất nhiều thang, xông vào hạ thành, nhưng trong thành cố chống nên không cướp nổi.

Lo giữ thành Động-hải, Thống-soái Prud'homme ở Huế phải phái một lữ đoàn bộ binh do Thiếu-tá Cardot chỉ huy, ra cứu viện cho Thiếu-tá Grégoire. Đang đêm, Thiếu-tá Cardot dùng thuyền nan đi ngược giòng sông Gianh, lên giải vây cho nhà thờ Hương-phương. Giáo-sĩ Tourtuyaux nhờ đó mới thoát nạn.

Sau khi lui được quân Lê-Trực, Thiếu-tá Cardot liền phóng hỏa đốt các làng ở chung quanh nhà thờ này, rồi quay về lập đồn ở Mỹ-hòa để chống với quân Lê, nếu lại xẩy ra việc đánh thành Động-hải.

Giữ mặt sông Giang, Lê-Trực đã tìm cái thế rất hiểm để chặn đường bắc tiến của quân Pháp. Sông quằn-quại như một con rắn lớn vắt mình trên tỉnh Quảng-bình. Cứ theo triền sông Gianh, quân Lê có thể giao thông bằng cả thủy, bộ với các đồn khác của quân Cần-Vương.

Ven sông là núi. Giải Hoành-sơn như một cái thành lớn mà mỗi hòn gạch là một trái núi cao ngất. Chân núi rừng xanh bát ngát che lấy giải đất bùn

lầy của triền sông Gianh. Dưới những khu rừng rậm ấy, Lê-Trực lập đồn, mộ lính, đúc khí-giới. Bầu trời bí ẩn của tỉnh Quảng-bình giúp cho Lê-Trực tiến khi thắng lợi, thoái khi thất thế. Vì, nếu quân Trực đã lẩn vào rừng mà chĩa súng bắn ra thì quân Pháp dù có mạnh cũng chịu thúc thủ.



ĐỘI QUÂN MƯỜNG CỦA TRƯƠNG QUANG-NGỌC

TRONG những đội quân đi theo vua Hàm-Nghi có một đội quân Mường rất tinh nhuệ. Người đứng đầu là Trương Quang-Ngọc.

Ngọc mới 25 tuổi, người cao mà vạm-vỡ, có sức mạnh lại giỏi võ, một mình có thể địch được hàng trăm người.

Trương Quang-Ngọc là con Trương Quang-Thụ, một tay thù-nghịch của Triều-đình. Nguyên Thụ là tướng giặc, một mình xưng bá ở mấy khu rừng núi thuộc huyện Tuyên-hóa, tỉnh Quảng-bình. Tuy không có lầu cao, gác tía như các vị vương-hầu, song Thụ đã giang-hồ quen thói vẫy-vùng, một lưỡi gươm quy phục được hàng vạn dân Mường. Thụ làm chủ tể trên mấy con sông Nai và Ngàn-phố.

Năm 1874, khi Trần Tấn và Đặng Như-Mai dấy quân ở Nghệ-an chống với vua Tự-Đức, có đến

nhờ sức Thụ để gây thế-lực ở Hà-tĩnh và Quảng-bình. Chẳng bỏ lỡ một cơ-hội tốt có thể giúp cho mình mở-mang thế-lực ở Trung-châu, Thụ liền mang quân xuống cướp tỉnh Hà-tĩnh và định thẳng đường tiến vô Huế.

Thấy thanh-thế của Trương Quang-Thụ càng ngày càng mạnh, vua Tự-Đức sai Lê Bá-Thận và Nguyễn Văn-Tường mang đại quân ra hợp sức quân tỉnh Nghệ-an mà đánh dẹp. Chống nhau với Triều-đình trong mấy tháng liền, Thụ thất-thế, lại lui về Tuyên-hóa, lập đồn trại ở Thanh-thuyền (Ve) và giữ thế-thủ trên sông Nai. Nhưng mấy năm lăn lộn trên bãi sa-trường đã rút hết những tinh-lực của viên tướng lục-lâm, không bao lâu thì Thụ mất.

Kẻ nối nghiệp Trương Quang-Thụ là Trương Quang-Ngọc. Chịu ảnh-hưởng của cha mà quen cái thú đục trời quấy nước, Ngọc giữ vững đất Ve làm sào-huyệt. Ngọc mộ dân Mường ở mấy giải núi giáp giới Ai-lao và luyện thành những đội quân rất thiện chiến, để phòng đối phó với quân Triều-đình.

Quân Ngọc giỏi về môn bắn nỏ. Thứ khí-giới ấy dùng ở nơi rừng rậm, mạnh chẳng kém gì những súng ống hoàn toàn vì mũi tên xoa thuốc độc, dù bắn chẳng trúng chỗ phạm, kẻ bị thương tất cũng bị hại.

Quân Ngọc vốn sinh trưởng ở rừng núi, nên

trèo non, lội suối lanh lẹ không khác người đi trên đồng bằng. Ngọc lại am hiểu địa-thế hai tỉnh Quảng-bình, Hà-tĩnh, nên miền rừng núi bí hiểm giáp giới Ai-lao đối với Ngọc chỉ là một cái vườn lớn mà Ngọc biết rõ từng ngõ hẻm.

Khi được tin vua Hàm-Nghi khởi quân ở Ấu-sơn, Ngọc mang toàn đội ra hàng. Tôn-thất-Thuyết thấy Ngọc là một thiếu niên dũng-tướng, liền cảm tài và có lòng tin, phong ngay cho chức Hiệp-quản và được cùng với Tôn-thất-Thuyết dự vào đoàn quân hộ-giá.

Tháng mười năm Ất - dậu (1885). Trương-quang-Ngọc theo vua rời Ấu-sơn ra Qui-đạt, một thôn ở ven sông Nan (một trong ba ngọn sông hợp lại thành sông Gianh). Cai-tổng và dân miền này dồ ra đi đón. Hành-nghị của nhà vua rất oai-vệ. Vua Hàm-Nghi mặc áo vàng, ngự võng đòn rồng, có bốn thị-vệ theo hầu. Kế đến Đại-tướng Tôn-thất-Thuyết và Tả-quân Trần-Soạn. Quân lính kéo đi sau độ trăm người đều mang gươm và súng. Đi theo lại có 50 bao-đài (hành-lý), ba thớt voi và 5 con ngựa. Trương-quang-Ngọc mang một đội quân Mường đi triệt hậu. Đến Qui-đạt, vua ngự tại nhà Đinh Hiền, Tôn-thất-Thuyết ở nhà Đinh Đối, Trần-Soạn và tòng binh ở nhà Đinh Trọng. Ba hôm sau đạo-ngự kéo lên Đồng-nguyên (Cổ-liêm) rồi lại quay về xóm Lìm thuộc xã Ba-nương. Sợ quân Pháp thừa hư đến

đánh, nên chung quanh chỗ vua ngự đều thả chông gai và Ngọc đốc-thúc quân lính phòng-thủ rất nghiêm ngặt. Được tám ngày, có quân do thám ở Kiên-trinh (Trành) đến báo rằng quân Pháp đã từ Bãi-đức đến Trành, vua Hàm-Nghi phải lánh vào núi Ma-rai thuộc tổng Kim-linh.

Chiều hôm sau, quả nhiên quân Pháp kéo đến Ba-nương rất đông. Đội quân này do Đại-úy Hugo chỉ huy. Ngày mồng 6 tháng Chạp 1885, Đại-úy Hugo cùng với hai Trung-úy Gayge và Bellamy mang một đoàn quân pháo thủ Bắc-kỳ từ Vinh lên dẹp quân vua Hàm-Nghi ở giữa khoảng Vinh — Hà-tĩnh và Bãi-đức. Sau trận đánh ở Kẻ-bài mà quân Nam thất bại, Đại-úy Hugo được tin vua Hàm-Nghi đang ẩn ở Vẻ, Đại-úy liền mang quân lên Ba-nương đón đánh. Nhưng khi quân Pháp tới, dân làng hoảng sợ, chạy cả vào trong rừng, bỏ lại mấy túp lều tranh, đáp lại cái cảnh rộn rịp của quân Pháp bằng sự yên lặng.

Lục lọi hồi lâu ở trong xóm, lính pháo-thủ bắt được một ông già tên là Cố Tư, vì tuổi tác nên chẳng lánh kịp. Bị tra hỏi, ông già thế chẳng đừng được, phải chỉ đường vua đi.

Đại-úy Hugo đuổi theo, đến núi Lập-cập bỗng có tiếng súng nổ vang vào núi đá, rồi đạn với tên nổ xuyên bụi lá mà chiếu vào quân Pháp.

Toán lính Pháp đi theo Đại-úy bị bắn chết quá nửa. Còn chính mình Đại-úy thì bị Trương-quang-Ngọc nấp sau khe đá, bắn một phát nỏ trúng cánh tay.

Hugo bị thương, vừa hạ lệnh cho quân tháo lui thì tiếp lại bị Ngọc bồi thêm cho một mũi tên nữa vào lưng. Đại-úy Hugo vội thu quân chạy về Bãi-đức hợp với đại đội, rồi trở về Vịnh. Mấy hôm sau, Đại-úy Hugo chết.

Ngọc tưởng rằng chủ-tướng của quân Pháp đã chết nên không đuổi nữa, cũng thu quân đi theo đạo ngự, lên lập đồn ở cửa Khe, sai quân lính đắp lũy cao tới hai thước để đóng tạm. Dân Mường ở vùng này ngày ngày đem lương thực đến cung vào quân lương, vua Hàm-Nghi đều trả tiền lại.

Lần đầu thất lợi, quân Pháp phải đình lại hàng tháng không dám tiến lên ngọn sông Nai.

Sang đầu năm 1886, hai Trung-úy Camus và Freystatter lại được lệnh mang quân đi hợp với quân Pháp ở Hà-tĩnh lên sông Nai đánh nhau với quân vua Hàm-Nghi.

Khởi hành từ Vịnh ngày 10 tháng giêng, quân Camus qua Tốc-kỳ, Lang-mai, tới một xóm ở gần Ve thì được tin rằng đêm trước Trương-quang-Ngọc cùng với hai trăm quân Mường có đóng ở vùng này. Tiến rất thận trọng, 17 tháng Giêng, quân Camus tới gần cửa Khe thì bị quân Mường đón

đánh. Hai bên giữ nhau ngót một ngày, Trung-úy Camus trúng 4 tên nỏ, bị thương nặng phải giao quyền chỉ huy cho Trung-úy Freystatter để buộc thuốc. Quân Pháp tiến sang sông Ve (Khe-mới) bị quân Mường ở hữu-ngạn bắn sang như mưa. Trung-úy lội xuống nước định vượt qua sông, bị một viên đạn trúng bụng chết. Quân Pháp đại-bại, Trung-úy Freystatter lại phải chạy về Bãi-đức, rồi về Nghệ.

Bị hai lần thất-bại và tổn mất hai tướng, quân Pháp quả-quyết đánh lấy đồn cửa Khe.

Từ Vinh, Thiếu-tá Plagnol do ngả Bãi-đức đánh vào. Về phía Hà-tĩnh Thiếu-tá Pelletier mang đại-đội qua đèo Qui-hợp, theo khe Ròi tiến xuống cửa Khe. Hai lữ-đoàn đồng thời cùng đánh vào đồn. Quân Mường ở trong thành bắn nỏ ra, quân Pháp bị thiệt hại nhiều, nhưng quân Trương quang Ngọc vì ít quá, phải bỏ đồn mang vua chạy vào trong rừng, còn Tôn-thất-Thuyết và Trần-Soạn thì do đường Quí-đạt sang Hà-tĩnh.

Lục-lọi trong đồn, Thiếu-tá Pelletier thu được nhiều ngựa, gươm, súng và quần áo thường dùng của vua Hàm-Nghi.

Tuy thua trận, nhưng cái uy-danh của Trương quang-Ngọc lừng lẫy từ bấy giờ. Sau này, quân địch mỗi lần nghe tên dũng tướng ấy đều khiếp sợ.



PHAN ĐÌNH-PHÙNG
VÀ ĐINH NHO-HẠNH KHỞI BINH
Ở VỤ QUANG

SAU khi ngồi nhà ngục Phủ-thừa (Huế) 7 ngày và bị lột hết chức tước (vì đàn hặc Nguyễn Văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết), Phan Đình-Phùng về lập ấp tại Vụ-quang, một làng ở biên-giới hai huyện Hương-sơn và Hương-khê, thuộc tỉnh Hà-tĩnh.

Phan là người thức-thời vì đã mục-kích những cuộc biến-thiên của nước Việt-Nam.

Chính mắt Phan được thấy Đặng Đức-Thuận dâng biểu xin vua Tự-Đức dung nạp bọn giáo-dân, để khỏi vì sự chia rẽ về tôn-giáo mà xảy ra sự người đồng-chủng giết lẫn nhau. Giáo-dân sở-dĩ giúp người Pháp mà chống với Triều-đình chỉ là vì có Triều-đình chực giết hại họ nên họ phải theo người Pháp

để tự-vệ. Đặng-đức-Thuận xin cho người nước mình xuất-dương du học để cải cách nước Việt-nam. Đặng yêu cầu vua Tự-Đức bỏ vàng bạc trong kho ra mua súng đạn của người Anh ở Hương-cảng để che chở cho cương-giới.

Mấy điều yêu cầu ấy có quan-hệ mật-thiết đến sự còn mất của nước Việt-nam vì, theo lời Đặng-đức-Thuận : « Nước Pháp sở-dĩ hòa với nước mình năm 1870 là vì ở Âu-châu có Pháp-Phổ chiến tranh. Một ngày kia, nếu họ không bận rộn về việc chống giữ cho đất đai của họ nữa, tất họ lại dòm dỏ đến nước mình. Vậy Nam-triều nên thừa lúc quân địch yếu thế mà lo tự-vệ ». Nhưng vua Tự-Đức là người không biết nhìn xa, lại có tính đa nghi. Nhà vua ngờ rằng Đặng-đức-Thuận (một cố đạo An-nam) xin mấy điều đó, cốt ý là truyền-giáo tự do và sợ rằng cho người đi du-học, nếu họ giỏi lên sẽ chống-cự với Triều-đình và gây họa cho Nhà-nước.

Biểu của Đặng-đức-Thuận bị bác, Phan-đình-Phùng lại được mục-kích cuộc âm mưu đánh đổ vua Tự-Đức để thực-hành chương-trình tăng quân-bị của mấy vị quan có kiến-thức trong triều. Cuộc âm-mưu tiết-lộ, mấy vị quan kia bị xử-tử. Trước khi bị biếm, Phan lại còn được thấy Henri Rivière lấy thành Hà-nội, đúng với lời dự-đoán của Đặng-đức-Thuận từ 10 năm trước.

Tiếp, Thủy-sư Đô-đốc bắn vào cửa Thuận (1883). Triều-đình Huế phải ký hiệp-ước chịu quyền bảo-hộ của nước Pháp. Những việc ấy cứ theo thứ tự mà phát hiện, ăn khớp với những điều dự-đoán của sĩ-phu trong nước từ năm 1870 mà duy chỉ có vua Tự-Đức, người nắm chủ quyền là không nhìn thấy.

Phan-đình-Phùng tin chắc rằng nước Việt-nam sớm chầy rồi cũng có lúc bị khốn, ngọn bút lông chỉ là một thứ khí-giới để tự diệt-vong nên sau khi trở về Vụ-quang, ông nhãng nghề làm văn mà chuyên về võ-bị.

Vụ-quang là một ấp hẻo-lánh, hai phía là núi, ở lùi trong cái cảnh thanh-u của tỉnh Hà-tĩnh. Để tả cái địa-thế của đất Vụ-quang và công việc chiến-đấu của đảng Cần-vương, Phan-trọng-Mưu một đồng chí của Phan-đình-Phùng còn để lại hai bài thơ :

I

Mãn sơn hiểu vụ tỏa hàn khê,
Xích lạp ô thương phục ngạn tê.
Nhất hưởng đồng la giam khởi xứ,
Đại gia tề quyết thượng lưu đê..
(Mù sớm rừng sâu mấy lớp che,
Súng đen nón đỏ núp bờ khe.
Đồng la một tiếng đều vang dậy,
Rầm rập nhường như nước vỡ đê).

II

Yêu hoành cổ kiếm khí như hồng,
Quốc sỉ gia cừu thệ thủy chung.
Thập tải Vụ-quang doanh lũy địa,
Chiêu đồn do quải vạn sơn hồng.
(Đeo lưng kiếm cổ ánh cầu vồng,
Nợ nước thù nhà quyết thủy chung.
Doanh lũy mười năm miền núi Vụ,
Vừng đông còn rọi núi muôn trùng).

Phan chọn nơi này làm chỗ ẩn-tích để công việc làm được xa sự thấy biết của Triều-đình. Phan lại tiện đường này qua Lào mua khí giới của Xiêm. Cùng với Đinh-nho-Hạnh, một vị Phó-bảng đỗ đồng khoa và người cùng hạt, Phan thu nạp thân-sĩ ở Quảng-bình, Hà-tĩnh, Nghệ-an như Phủ-Tác, Phủ-Thạc, Nghè-Ôn, Huyện-Thận, Đề-Đạt, hàng ngày chiêu mộ nông dân, thao luyện binh-sĩ, và tích trữ lương thảo. Phan-đình-Phùng nhờ có cái học uẩn súc và tính cương trực nên có danh vọng lớn. Nghe tin Phan khởi binh, sĩ-phu các nơi xô nhau đến theo, lớp không khí bình tĩnh của đất Vụ-quang thốt đã giấy động vì những tiếng trống, tiếng chiêng với tiếng hô quân của một nhà cầm bút, dùng khối óc để thay cho sức mạnh của bắp thịt.

Đầu năm 1885, trước khi Thống-soái De Courcy hạ thành Huế, Tôn-thất-Thuyết thông báo ra

Nghệ-an và Hà-tĩnh, nhờ sức Phan-đình-Phùng triệt hạ những làng theo đạo Gia-Tô. Phan vừa phân phát quân sĩ đi đốt các nhà thờ thì tiếp lại có lệnh của Tôn-thất-Thuyết bảo đình. Song ngọn lửa chiến tranh, Phan đã biết chắc rằng chỉ ở trong ngày, giờ, Phan lại càng chỉnh đốn quân bị các nơi để giữ thế thủ ở Hà-tĩnh.

Sơn-phòng Hà-tĩnh ở Ấu-sơn chính là thuộc vào phạm vi hoạt động của Phan, cho nên sau khi vua tới Sơn-phòng, Phan là người đầu tiên ra bảo vệ cho vua Hàm-Nghi. Theo lệnh Thuyết, Phan-đình-Phùng và Đinh-nho-Hạnh cử một đội quân đến vây đánh các làng Thọ-minh và Đinh-trương (Đức-thọ) và hãm hai nhà thờ này luôn mấy ngày.

Một giáo-sĩ trốn thoát lên đến báo quân Pháp ở Nghệ-an. Sau khi lui được quân Phan, quân Pháp hợp với giáo dân ở Thọ-minh và Đinh-trương tiến đánh Sơn-phòng Hà-tĩnh. Quân Pháp đi thuyền lên miền này, bị Quản-Dần, một tướng của Nam quân cùng với mười tên lính nấp trên núi bắn xuống. Đánh suốt một ngày, một đêm, không sao hạ được thành. Sáng hôm sau, quân Pháp chèo lên quả núi bên cạnh, bắn sang đồn. Nam quân thua, phải rút về Qui-hợp. Mấy trận đầu, quân Phan tuy bị thất bại, song Phan là người có nhiệt huyết nên chống nhau với quân Pháp không những cho đến thời kỳ vua Hàm-Nghi

bị bắt, mà sau này lại còn mở rộng thêm thế lực, tử chiến với quân Pháp giữa khoảng 1893-1894. Phan có lẽ là người có trí tiến thủ nhất trong phái nhà nho hồi bấy giờ. Phan trọng nước hơn vua. Cho nên sau khi vua Hàm-Nghi bị bắt, các sĩ - phu khác phần nhiều tuẫn-tiết. Riêng mình Phan vẫn vui sống, vẫn đánh.

Đối với Phan, vua là đại-biểu cho tinh-thần quốc-gia... Nhưng vua dù mất, cái tinh-thần quốc gia cũng không có thể vì cá-nhân của ông vua mà tiêu-diệt.



CUỘC SĂN NGƯỜI

SAU khi thua trận ở cửa Khe, Trương Quang-Ngọc và Tôn-thất-Thiệp đưa vua Hàm-Nghi chạy sang núi Ma-rai, cách cửa Khe chừng vài chục dặm. Lúc trốn chạy, nhà vua không kịp dùng cơm. Thiếu-tá Pelletier vào lục soát trong đồn còn bắt được một con ngựa đã đóng sẵn yên cương và mấy nồi cơm nấu chưa chín. Sức mỏi, lòng không, vua Hàm-Nghi theo chân Ngọc và ngót trăm tên quân Mường vượt khe đá, len bụi gai, lần lút trong rừng. Nhà vua bị những sự gian - lao ma-luyện, thành người nhẫn-nại và đón cuộc phong trần bằng thái-độ rất thản nhiên.

Nhà vua không biết rằng tự mình không thể cầm súng chống cự với quân Pháp, không có khí vũ để nhẩy lên mình ngựa mà điều khiển ba quân nhưng mình là trụ của cuộc phấn-đấu. Nếu mình còn ở ngoài vòng cương tỏa thì cái chí khôi-phục của quốc gia còn. Bất hạnh mình bị giết hay bị bắt thì nhuệ khí của tướng-sĩ tất giảm mà cái vận-mệnh của quốc-gia cũng quan-hệ ở đó.

Nhà vua thường nói mình ưa chết trong rừng hơn là trở về làm vua mà ở trong cương tỏa của người. Tôn-thất-Thiệp người bảo-vệ cho vua Hàm-Nghi, sau này cũng công-nhiên nói với mọi người rằng Thiệp ưa để cho vua Hàm - Nghi chết trong lưỡi gươm mình hơn là bỏ vua sa vào tay quân địch.

Tôn-thất-Thuyết kẻ đã giết đến ba vua, đối với tính mệnh vua Hàm-Nghi cũng rất thận trọng (Thuyết cắt con cả là người thân tín nhất ra hầu cận vua) chẳng qua cũng vì Thuyết có cái quan niệm vua là biểu-hiệu của chủ nghĩa quốc gia, là bộ óc phấn đấu.

Người Pháp hiểu như thế. Cho nên Đại-tướng Prud'homme lo dẹp đảng văn-thân ít mà lo bắt vua Hàm-Nghi nhiều. Thống tướng nghĩ nếu vua Hàm-Nghi bị bắt thì đạo quân Cần-vương dù mạnh mấy cũng phải tan, vì vua Hàm-Nghi là linh hồn, mà quân Cần-vương chỉ là thân thể. Nếu linh hồn mất thì thân thể tự-nhiên phải tiêu-tán.

Paul Bert, vị Toàn-quyền kế chân Thống-soái De Courcy (thất-thế, phải gọi về Pháp), cũng đã nghĩ đến việc lập vua Hàm-Nghi làm vua bốn tỉnh miền Bắc Trung-kỳ. Paul Bert tin rằng vua Hàm-Nghi mà chịu hòa thì đảng Cần-vương không sao chủ chiến được nữa.

Vua Hàm-Nghi vô tình thành ra cái bia của tất cả viên đạn Pháp. Quân-sĩ cũng như các nhà Chánh-trị Pháp chỉ nuôi có một hy-vọng là bắt vua Hàm-Nghi.

Thoạt đầu, Thống-soái De Courcy còn dùng dụ của Từ-Dụ Thái-hậu, tiếp đến thư vua Đồng-Khánh để triệu vua Hàm-Nghi về. Khi được tin vua Hàm-Nghi đã ra ẩn ở Hà-tĩnh thì việc triệu bằng lời nói không có hiệu-lực nữa, Thống-tướng Prud'homme liền nghĩ việc bắt bằng võ-lực. Thống-tướng sai giáo-sĩ Hoằng, quán ở Hà-tĩnh, đang làm chức Ngự-tiền thông-sự cho vua Đồng-Khánh, tìm lấy một giác-dân am-hiểu địa-thế tỉnh Hà-tĩnh. Giáo-dân này cùng với giáo-sĩ Hoằng chỉ cho Thống-tướng biết rằng có mười một con đường cùng đổ vào giẫy núi Hà-tĩnh. Thống-tướng định mang quân do tất cả các đường ấy mà vây bắt lấy vua Hàm-Nghi. Muốn cho cơ-mưu khỏi tiết lộ, Thống-soái cho giữ kín giáo-dân kia ở một nơi và dặn giáo-sĩ Hoằng không được mang mưu-lược ấy tâu với vua Đồng-Khánh. Vua Hàm-Nghi xuýt bị khốn ở cửa Khe vì hai đạo quân Pelletier và Plagnol cùng đánh vào một lúc, cũng là bởi mưu-lược của giáo-sĩ Hoằng.

Nhưng Trương-quang-Ngọc là người cùng với Tôn-thất-Thiệp có trách nhiệm phải bảo-vệ cho vua Hàm-Nghi, lại hiểu miền này hơn hết mọi người,

Ngọc đưa vua đi ẩn khi ở Thanh-cước, khi Ma-rai, có khi về hẳn cửa Khe, nhưng chỉ quanh quẩn ở mấy khu rừng tiếp giáp ba tỉnh Quảng-bình, Hà-tĩnh và Cam-môn (Lào). Chỗ này, nguồn nước của giải Trường-sơn đã khơi lên mấy con sông : Nai, khe Giòi, khe Ve, Ngàn-sâu, Ngàn-phố. Con thuyền vong-mệnh nay đây mai đó, lênh-đênh trên mấy giải nước tróng xanh. Có khi Ngọc lập lên vài túp lều ở khe núi làm chỗ vua ẩn tạm. Nhưng vua Hàm-Nghi không ở đâu lâu. Khi quân Pháp kéo đến cửa Khe thì vua đã thiên sang Ta-bào, Quân Pháp vẫn biết vua Hàm-Nghi ẩn ở vùng này, nhưng không sao biết đích được là ở đâu, cho nên có lúc người ta đã phao lên rằng vua Hàm-Nghi bị bệnh thương-hàn, chết.

Đồ nhật-dụng của nhà vua gồm có mấy món : nước mắm, cá khô, lá ngấy-hương thì từ phủ Quảng-trạch gửi sang do một người làng Thanh-lạng quen gọi Bát Danh đệ lên cung, tiến. Cái tung tích bí mật của vua Hàm-Nghi nhờ đấy mà không ai biết, ngoài mấy người hầu cận và đội quân Mường của Trương-quang-Ngọc.

Biểu ở các nơi lúc đầu đều gửi về Thác-dài (thuộc làng Cồ-liêm) và do Tôn-thất-Đạm dâng vua, vì Thuyết sau khi qua Qui-đạt đã sang Tàu, con là Tôn-thất-Đạm được phong làm Khâm-sai và cùng với Nguyễn-phạm-Tuân ở Thác-dài, cách xóm «Coộc»

là chỗ vua ẩn chừng sáu, bẩy mươi dặm.

Tôn-thất-Đạm là môi-giới ở giữa vua và quân Cần-vương các tỉnh. Các tướng biết có vua Hàm-Nghi, yên trí rằng vua Hàm-Nghi đứng đầu công việc mình làm mà không bao giờ được trông thấy vua Hàm-Nghi. Đối với quân sĩ, vua Hàm-Nghi không phải là một người, mà là một vị thần, làm cái đích cho sự sùng bái và lòng hy sinh của dân chúng.

TẠI QUẢNG-BÌNH TƯỚNG PHÁP DỤ LÊ-TRỰC

TRONG lúc Tống-duy-Tân và Đinh-công-Tráng (1) vật lộn với quân Pháp ở miền Bắc Trung-kỳ thì trên mặt sông Gianh, quân Cần-vương cũng không nghỉ mà không hoạt động.

Tôn thất-Đạm từ Thanh-lạng đi sang đóng quân ở Hà tĩnh. Giữ chức Khâm-sai tán-lý quân vụ, Đạm chủ chương việc vũ-bị của quân Cần-vương. Đạm chia người đi dấy động các nơi và thu thập tin tức các tỉnh gửi về, điều khiển cho ai nấy hành động có trật-tự.

---

(1) Đọc « Ba-đình » của Phan-trần-Chúc.

Tại Quảng-bình, Lê-Trực mấy lần mang quân đánh Quảng-khê và Động-hải (Đồng-hới) đều không thành công. Quân Pháp giữ thế thủ trong thành. Quân Lê Trực vì những sự thất bại ấy mà suy nhược mất nhiều.

Toán quân của Lê Trực rút lại còn chừng 2.000 người, 50 khẩu súng tay, 8 khẩu đại-bác và một ít gươm, giáo.

Biết thế quân Nam đã kém, ngày 5 tháng một 1886, đại - úy Mouteaux mang một đội Ả-rập và 250 tên lính mộ trong giáo-dân tiến về phía Thanh-thủy. Vào trong rừng, Đại-úy bắt gặp một đồn của quân Nam. Trong đồn Lê Trực hô quân bắn ra. Đại-úy thúc quân Pháp đánh úp vào. Quân Lê Trực thua, bỏ đồn, vừa chạy vừa bắn trở lại. Cố Tortuyaux trụ-trì nhà thờ Hương - phương, đi dẫn đường cho quân Pháp bị đạn xuyên qua cánh tay phải.

Cuối tháng một, 1886, Đại-úy Mouteaux lại lên đánh Thanh-thủy lần nữa, Nam quân bị thiệt-hại rất nhiều. Trong số những quân bị bắt, có một vị Tú-tài là người thân tín của Lê Trực. Muốn dùng chánh sách hòa-bình dụ Lê-Trực về hàng, Đại-úy tha vị Tú-tài-kia và giao cho một bức thư, dặn mang về Thanh-thủy đưa cho Lê Trực. Trong thư Đại-úy nói những nỗi thống khổ của hai quân vì việc chiến-tranh và cái thế không thể đứng vững của quân

Nam, khuyên Lê Trực nên ra giúp vua Đồng-Khánh.

Mấy hôm sau, Lê Trực phúc thư, đề ngày rằm tháng Chạp, năm Hàm-Nghi thứ hai.

Thư :

« Tôi vừa tiếp được thư của Đại-úy. Trong thư nói Đại-úy muốn mưu cầu hạnh-phúc cho tất cả mọi người. Nhưng tấm lòng trung thành của tôi đối với vua, bắt buộc tôi phải khi ẩn, khi hiện. Song, dù ẩn hay hiện cũng không khi nào tôi chịu ra đầu hàng người Pháp và vua Đồng-Khánh.

« Trước kia, khi ở Hanoi, binh-lực của tôi còn nhiều mà tôi cũng không chủ việc khai-chiến với người Pháp thì ngày nay, hẳn tôi cũng chẳng muốn có cuộc chiến-tranh ấy nào.

Đại-úy yêu-cầu tôi ra hàng. Nhưng Đại-úy không biết rằng chính bọn giáo-sĩ ngoại-quốc và cố đạo An-nam đã gây ra cuộc chiến-tranh. Trước kia vua An-nam tuy có giết hại giáo-sĩ, nhưng dân theo đạo Phật vẫn không có ác-cảm gì với những người theo đạo Gia-tô. Vì thế họ mới có thời giờ đúc khí-giới và lập đồn-lũy.

« Tôi sở-dĩ hô-hào dân-chúng chỉnh-đốn quân-bị, cốt ý là để tự-vệ chứ không định giết hại ai.

« Tôi, hiện ốm yếu, nên bắt buộc phải cử các tướng-sĩ ra giãi bày ý kiến của tôi với Đại-úy. Đại-úy cho rằng tôi bất bình về những đồn lũy của bọn

giáo-sĩ lập nên, điều đó, Đại-úy nói đúng. Vậy xin Đại-úy là đại-biểu của nước Pháp ở đây biết cho rằng ý tôi chỉ muốn lánh vào một nơi tĩnh-mịch không phải làm nô lệ ai và ở trên một khu đất không phải của riêng ai hết, giữa trời và đất. Làm gì ? rồi trở nên thế nào ? Tôi không biết mà tôi cũng không nghĩ tới. Xin chúc Đại-úy được khang thọ... »

Sang tháng Chạp 1886, Triều đình phái Hoàng-kế-Viêm ra Quảng-bình chiêu dụ đảng Văn-Thân và khuyên Lê-Trực ra hàng. Nhưng việc làm của Hoàng-kế-Viêm không có kết quả. Từ Động-hải ra Quảng-khê, rồi lại từ Quảng-khê đi Thọ-ngõa, kẻ mang sứ mệnh của vua Đồng-Khánh chung qui chỉ bị phỉ báng mà không nên công cán gì.

Tôn-thất-Đạm thừa lúc quân Pháp bất động, cho triệu Lê-Trực và Nguyễn-phạm-Tuân lên tổ chức một đội quân ở Thượng-du sông Nam va tiếp nhận các toán quân từ phía Bắc rồn xuống.

Hòa chẳng được, quân Pháp lại xoay sang mặt chiến. Tại Minh-cầm, Đại-úy Mouteaux lập đồn lũy và phái người đi do thám các nơi. Khi đánh một đồn nhỏ trong có chừng 50 tên quân, Đại-úy bắt được tên cựu lý-trưởng xã Lâm-lang. Bị tra tấn, tên này chỉ những chỗ yếu của Nam-quân và nói rõ là Nguyễn-phạm-Tuân có ước một ngàn quân, đóng tại Tuyên-hóa.

Ngày 17 tháng Hai 1887, viên Đại-úy quản đồn Minh-cầm tiếp được tin sau này của Cố Tortuyaux trụ trì nhà thờ Hương-phương :

« Hương-phương, 15 tháng Hai 1887.

« Xin báo để ngài biết rằng tôi vừa được tin nay mai sẽ có 800 quân vừa Tàu vừa Nam ăn mặc giả Tàu đến đánh đồn. Đội quân ấy do con trai cả Tôn-thất-Thuyết chỉ huy. Thủ lĩnh các nơi bất cứ là đã hay chưa ra hàng đều ùa theo đạo quân này và do đường núi xuống Quảng-bình. Hiện họ còn đóng ở Thượng lưu sông Nam, ngang làng Đông-lao và cách làng này chừng một ngày đường. Dân miền hạ lưu sông này đã dự bị giao chiến và chôn tất cả các quí vật xuống đất. Vừa đây tôi lại tiếp được thư của cố trụ trì nhà thờ Tróc, trong cũng nói như thế. Lê Trực hiện không còn ở Thanh-thủy. Mai mốt đồn ngài sẽ bị đánh... »

Được thư, Đại-úy Mouteaux cho phòng-bị sẵn. Mười giờ tối 20 tháng Hai, quả nhiên có súng đại-bác từ ngoài bắn vào đồn. Trong đồn không đáp.

Biết quân Pháp có phục-binh, Nam-quân vội rút ra. Nhờ đó mà trận mồng 10 tháng Hai không hao tổn gì hết.

HAI LÁ THƯ CỦA QUAN NGUYÊN ĐỀ-ĐỐC HÀ-NỘI

ĐẠI-ÚY Mouteaux một mặt dự-bị tiến đánh, một mặt cứ phái người dụ Lê Trực ra hàng.

Trực thấy rõ dụng ý của người Pháp, nhưng giả như không biết, và nhờ lúc rỗi rãi ấy mà chỉnh đốn lại mấy đội tàn quân.

Tiếp được thư của Đại-úy Mouteaux, Lê Trực đáp bằng bức thư sau này :

« Ngày mồng một tháng Ba năm Hàm - Nghi thứ ba.

« Tôi biết rằng đối với tôi, Đại-úy vẫn có tình bằng hữu. Tình ấy, Đại-úy không thay đổi. Cũng

muốn ra tiếp chuyện Đại-úy, nhưng trong người mệt không đi được.

« Năm ngoái khi người Pháp lấy kinh-thành, các nơi đều nổi loạn, giáo-dân thừa thế, giết người, cướp của. Tôi là viên quan võ cao cấp nhất trong tỉnh nên tôi phải họp thân-hào để giúp vua và giữ nước. Đại-úy mới tới miền này nên trong mắt Đại-úy, người nào cũng coi như vậy. Tháng Chạp năm ngoái, khi Đại-úy viết thư yêu cầu tôi đình-chiến và giải-tán quân-sĩ, tôi có gửi đến đồn Quảng-khê tặng một món quà nhỏ để tỏ lòng thành thực. Từ đấy, tôi tĩnh-dưỡng ở rừng Quảng-trạch và đã hô hào cho hai bên Lương, Giáo giảng-hòa. Nhưng mới đây Đại-úy lại lập đồn Minh-cầm để nhìn thấu khu rừng bí-hiểm này. Lập đồn ấy, Đại-úy làm cho dân chúng hãi hùng, không phải vì họ có ghét gì Đại-úy, mà chính Đại-úy làm cho họ hoảng sợ. Làm như thế, Đại-úy mất tiếng là người thận trọng. Tôi muốn rằng Đại-úy bỏ đồn Minh-cầm mà rút về Quảng-khê, thì chúng ta mới có thể đình-chiến được ».

Nhận thư, Đại-úy Mouteaux biết rằng chẳng khi nào Lê Trực chịu ra hàng. Nhưng cũng vẫn giao-thiệp với Lê Trực bằng thư từ như trước. Đại-úy viết cho Lê Trực nói nếu Trực chịu ra thì tính mệnh sẽ được toàn. Bằng bị bắt mà trong tay có khí-giới thì tất bị giết.

Ngay hồi đó lại có lệnh của viên Đại-tá chỉ huy đội quân Huế gửi đi các đồn nói nếu bắt được tướng Nam mà có lệnh phải giải những tướng ấy về Huế thì cứ giả như không nhận được lệnh, và mang những tướng Nam ấy ra mà bắn chết.

Lê Trực đã không phải là người bị cám dỗ vì những lời ngọt ngào của Mouteaux, tất cũng không khi nào sợ sệt những lời hăm-dọa của viên tướng Pháp ấy.

Ngày mồng ba tháng Ba năm Hàm-Nghi thứ ba (1887), Lê Trực lại viết thư cho Mouteaux trong có những câu như :

« Vua Hàm-Nghi là em út vua Kiến-Phúc và là người được tôn lên trị-vì. Việc vua Hàm-Nghi lên ngôi được Thái-hậu ưng chuẩn, Triều-đình thỏa thuận và dân chúng hoan nghênh. Vậy vua Hàm-Nghi mới là người xứng đáng trị-vì và hiện vẫn còn ở ngôi báu ấy...

« Tôi, người chịu ân của tiên-đế, không lẽ tôi lại thuận thay đổi một việc đã thành-tựu. Việc làm vua đã định ở mệnh trời. Nếu tôi trở mặt thay lời thì không những tôi phải thẹn với rừng-rú, núi non, mà sau này, khi xuống Hoàng-tuyền, tôi sẽ đắc tội với Tiên-đế. Vậy, Đại-úy không nên khuyên tôi bỏ vua Hàm-Nghi nữa.

« Nhà tôi bị Đại-úy đốt cháy, nên nay dây mai

đó, phải lẩn quất ở trong rừng... Đại-úy đã biết nhận tôi là người chính-trực, vậy tưởng chẳng nên ngần ngại mà không bỏ đồn Minh-cầm rút về Quảng-khê, cho dân được làm ăn yên ổn. »

Từ đó, hai người không giao thiệp với nhau bằng thư tín nữa. Mouteaux nói cho Lê-Trực biết rằng quân Pháp sẽ vào đánh. Lê-Trực đáp rằng mình sẵn lòng chờ.

Miền Thanh-thủy đã yên lặng một hồi, phút lại vang động. Cuộc giao chiến liên miên từ tháng Hai cho mãi đến tháng Sáu.

Hồi 9 giờ tối 19 tháng Sáu 1887, Đại-úy Mouteaux mang quân đi, quá nửa đêm mới đến một đồn của Lê-Trực ở giẫy núi gần Thanh-thủy. Nhân lúc trời tối và trong đồn không đề phòng. Đại-úy dẫn quân lẻn vào đồn úp, bắt được 12 người, trong số có Lãnh - binh Phạm - Tường là một tướng có uy-vọng của Lê-Trực, Trực chèo qua đồn cùng với mấy tên bộ hạ chạy thoát. Nhưng vợ con chạy không kịp, bị quân Pháp bắt. Cờ, súng, giáo, mác, Đại-úy Mouteaux đều cho thu lấy cả.

Bị giải về Minh-cầm, các quân sĩ bị bắt đều bị quân Pháp bắn chết ngày 20 tháng Sáu.

Phạm-Tường là tướng có giá trị hơn hết và đã lừng lẫy vì những việc như đánh các nhà thờ Hương-phương, Mỹ-hòa, thì bị giữ lại, giải về nguyên-quán và mang ra chém trúng vào ngày phiên chợ.

Trong việc này đoàn quân của Lê-Trực trên sông Gianh rội giọt máu sau cùng. Các bậc chí sĩ ở Quảng-bình hầu hết thành con ma không đầu. Vì không chịu phục tùng một chế độ mà thân hình với tên tuổi họ cũng bị mai một ở trong cây cỏ.

Một mình gánh bao nhiêu phen thất bại Lê-Trực liệu biết rằng mình không hoạt động gì được nữa, vác gươm vào ẩn trong rừng.

Từ đấy quân Pháp không phải lo lắng gì về Lê Trực nữa.



NGUYỄN - PHẠM TUÂN MẮC PHẢN

ĐỒN Minh-cầm là con mắt của người Pháp để ròm-rỏ vào đất Quảng-bình. Nếu đồn ấy còn thì mỗi việc hành-động của Nam-quân không thể giấu được sự thấy biết của người Pháp.

Lê-Trực, tiếp đến Nguyễn-Phạm Tuân đã mấy lần mang quân đánh phá đồn, nhưng đều không thành công, vì Nam-quân đã quá suy yếu, không có sức để chống với quân Pháp.

Tôn-thất-Đạm liền nghĩ đến kế đầu-độc.

Kế ấy Đạm giao cho một tên đầy tớ thân-tín là Nguyễn-trọng-Duật người Thanh-thủy đi hạ thủ.

Một buổi sáng, Duật đến thăm Đại úy Mouteaux, nói mình là quân của Lê Trực vì bị bạc đãi nên xin ra hàng.

Đại-úy Mouteaux có ngờ, nhưng cũng thu dùng, song cho canh giữ rất cẩn-thận.

Thoạt đầu Duật dẫn đường Mouteaux đánh mấy chỗ có tướng Nam ẩn. Nhưng tới nơi nào, Nam-quân cũng đã lánh xa rồi. Vì những việc Mouteaux định làm Nguyễn-trọng-Duật đều báo trước cho Nam-quân biết.

15 hôm sau khi Duật ra hàng, quân Pháp đánh một đồn nhỏ, tình cờ bắt được một tập công-văn, trong có bức thư của Nguyễn - phạm Tuân gửi cho viên lãnh-binh chưởng-quản đồn này, dặn nên dự-bị sẵn sàng để giúp cho Nguyễn-trọng-Duật trong việc đầu-độc quân Pháp.

Ngoài ra lại bắt được một tờ thông sức cũng của Nguyễn-phạm Tuân, trong nói :

« Quan Khâm-sai Hà-tĩnh có gửi cho tôi một lá thư nói ngài đã cho đòi dân Mường tổng Cơ-xá lên dặn-dò mọi việc. Ngài lại cho tiền Nguyễn-trọng-Duật lên đút lót cho viên Bang-tá Nguyễn Phiên hiện đã ra hàng quân Pháp, nhờ Phiên tiến dẫn với viên quản-đồn Minh-cầm. Duật sẽ xin cung cho người Pháp các thức ăn như lợn, chè, để gây lấy tín-nhiệm và đưa người Mường đến đầu-độc.

« Tướng Pháp giao cho tên Duật việc đi mua voi. Giả là mang voi đến nộp, quân Mường sẽ xông vào mà giết người Pháp.

« Dân Mường họ còn hết lòng trung-thành với vua như thế. Không lẽ ta ăn cơm vua, hưởng lộc nước lại tỏ ý lãnh đạm thì chẳng thẹn với họ lắm sao ?... »

Đại-úy Mouteaux đưa cho Duật xem hai bức thư. Duật không thể chối được, phải nhận.

Đại-úy hẹn trong 4 ngày, nếu Duật không dẫn quân Pháp đi bắt được những thủ-lĩnh quan trọng thì Duật sẽ bị chém đầu.

Sợ chết, Duật phải chỉ chỗ Nguyễn-phạm-Tuân ẩn.

Ngày 8 tháng Tư 1887, quân Pháp chia làm hai đội do hai người dẫn đường là Duật và cựu lý-trưởng Lâm-lang. Nửa đêm, hai đội xông vào rừng thẳm. Sau khi trèo non rẽ lá trong 6 giờ liền, sáng rõ, quân đến triền sông Nam. Bắt những dân quê qua đường đứng lại dọa hỏi, bọn này nói Nguyễn-phạm-Tuân hiện ở Yên-lương, cách Cổ-liêm 30 dặm. Sợ có người biết tin đi báo, quân Pháp chạy cực nhanh đến thẳng Yên-lương, bắt thêm 2 người dân quê nữa, dẫn đường đi trước.

Một toán quân rẽ vào một túp nhà ở cạnh đường ăn cơm, tình cờ bắt gặp Nguyễn phạm-Tuân cầm gươm lệnh và ấn-tín chạy ra, liền bắn. Nguyễn-phạm-

Tuân bị đạn trúng xườn. Hai viên lãnh-binh đi theo cũng bị bắn chết.

Quân Pháp đón đường vào rừng, các tướng bộ hạ của Nguyễn-phạm-Tuân ở trong xóm chạy ra đều bị bắn chết hay bắt sống.

Giữa đám người chết và bị thương nằm lăn lóc ở dưới đất, Đại-úy Mouteaux nhận thấy Nguyễn-phạm-Tuân tuy bị thương nặng, nhưng vẻ mặt vẫn điềm nhiên.

Đại-úy Mouteaux trích lấy viên đạn ở cánh xườn Nguyễn-phạm-Tuân và cho băng buộc cẩn thẩn. Nguyễn-phạm-Tuân ra vẻ ngạc nhiên, nhưng chỉ yêu cầu quân Pháp bồi thêm cho một viên đạn nữa để được chóng chết.

Bên cạnh Nguyễn-phạm-Tuân lúc ấy có một cậu nhỏ chừng bảy, tám tuổi. Cậu nhỏ đó là Tôn-thất-Trọng, con thứ ba Tôn-thất-Thuyết mà Thuyết đã phó thác cho Nguyễn-phạm-Tuân, trước khi sang Tàu.

Trong số những người bị bắt có mấy vị quan nhỏ thuộc hạ Nguyễn-phạm-Tuân. Ngoài cờ trống và khí-giới, quân Pháp nhặt được bảy cái mề-đay vàng, mấy đồng bạc và một thoi bạc. Cái di-sản của Nguyễn rút lại chỉ có ngần ấy.

Đại-úy Mouteaux cho khiêng Nguyễn-phạm-Tuân và giải những người bị bắt về đồn Minh-cầm.

Sáng sớm hôm sau Nguyễn-phạm-Tuân biết mình sắp chết cho gọi Đại-úy Mouteaux đến gửi gấm Tôn-thất-Trọng.

Hỏi về vua Hàm-Nghi, Nguyễn-phạm-Tuân nói nhà vua vẫn còn sống, song nhất định không chỉ chỗ vua ẩn. Giữa lúc ấy Trọng-Duật bước vào. Nguyễn-Phạm Tuân ra vẻ khinh bỉ, chỉ vào mặt Duật nói: « Mày phản ta. Ta sắp chết. Nhưng ta nói trước cho mày biết là chỉ trong 5 hôm nữa, mày sẽ bị chém đầu. » Duật lủi thủi bước ra.

Nguyễn-Phạm Tuân bị trúng đạn phía dưới tim, máu chẩy ở trong bụng nhiều quá, tắt nghỉ.

Tôn-thất-Trọng và một vị Tham-tri bị giải vô Huế. Các quan khác đều bị đưa ra chợ Minh-cầm, bắn chết.

Bốn hôm sau khi xảy ra tấn thảm-kịch này, Duật vừa ra khỏi đồn, chợt có một bọn chừng 4, 5 người ở trong bụi nhảy ra nắm lấy Duật mà lôi đi. Trong đồn nghe tiếng kêu, liền phái 15 tên lính ra đuổi theo, nhưng bọn kia đã chạy xa, lính Pháp chỉ bắn theo, cho nên không thiệt hại đến ai hết.

Ngay chiều hôm ấy, dư-đảng của Nguyễn-Phạm Tuân thiết-lập linh-vị ở Yên-lương, chém đầu Nguyễn trọng-Duật mà tế chủ.



CHÀNG THANH - NIÊN TRÊN SÔNG NAI.

NGUYỄN - phạm - Tuân chết, cuộc phiến-loạn ở Quảng-bình cũng chết theo. Trừ tổng Thanh-lạng là nơi dân còn trung thành với vua cũ, các làng trên sông Gianh lần lượt ra hàng.

Viên Tri - huyện Tuyên - hóa từ lúc được bổ, không dám rời Động-hải, cũng về nhậm-chức và lập huyện lỵ ngay cạnh đồn Minh-cầm.

Công cuộc đánh dẹp của người Pháp ở Trung-kỳ, mười phần đã có kết quả được đến quá chín. Họ chỉ mong-mỏi có một điều là bắt vua Hàm-Nghi.

Vua Hàm - Nghi nếu đã vào trong cương - tỏa của người Pháp thì đảng Văn-thân không thể hy-vọng phục hưng được nữa.

Khi đi tuần trên thượng - du sông Nám, quân Pháp bắt được hai tên lính của Nguyễn-phạm-Tuân. Bị tra hỏi hai tên lính nói vua Hàm-Nghi hiện ở gần Thanh - cước là một xóm ở phía trên Thanh - lạng.

Hầu cận vua có Trương-quang-Ngọc. Ngọc là người đứng giữa, truyền lệnh của vua xuống cho quan-lại các nơi, và thu thập biểu, sớ của các quan đệ lên ngự-lãm. Ngọc thường qua lại miền Thanh-cước vì có bố vợ là Cả Hinh ở miền này.

Nghe lời khai, tướng Pháp nghĩ chỉ có cách tìm bắt Trương-quang-Ngọc là dễ thấy vua Hàm-Nghi. Vì nếu Ngọc đã ở trong tay người Pháp rồi thì vua Hàm-Nghi không thể tránh mãi ở ngoài lao-lung được.

Ngày 18 tháng Bảy 1887, Đại-úy Mouteaux mang 32 tên lính Å-rập và 25 tên lính Nam từ Minh-cầm lên Ve. Tới nơi, Đại-úy để lại mấy người đón đường, phòng khi người ở đây có chạy đi báo cho Ngọc biết. Từ Ve, lần theo khe suối, Đại-úy lên Thanh-cước, bổ vây lấy cả xóm. Khám một nhà quân Pháp bắt được một ít vừa dáo, cung, vừa tên độc và một số đạn kiểu 1874, cùng những khí-giới của Thiếu-úy Camus và Đại-úy Hugo bị Trương-quang-Ngọc giết chết năm 1886.

Viên lý-trưởng Thanh-cước báo với tướng Pháp rằng Trương Quang-Ngọc ẩn ở Chà-mạc.

Đại-úy vội chia quân làm hai toán. Toán đầu do Đại-úy chỉ-huy, dùng 6 chiếc thuyền đi ngược dòng sông Nai lên Chà-mạc. Toán thứ nhì giao cho một viên quản xuyên rừng, qua xóm Ve mà đi trở lên.

Sáu giờ sau, toán quân bộ tới Chà-mạc, nhưng quân Pháp vừa ra khỏi rừng, vào làng thì một người đàn bà Mường thoáng nom thấy, tri hô lên. Viên quản vội chạy đến, bắn chết hai người đàn-bà Mường. Nhưng chính Trương Quang-Ngọc và những quân Mường khác thì đã nhảy cả xuống đò buộc ở bờ, mà chèo qua sông Nai. Quân Pháp bắn theo, song Ngọc đã lẻn vào rừng mà chạy.

Đại-úy Mouteaux đi đường thủy, khi tới Chà-mạc thì viên quản đã ở đó và Ngọc vừa đi khỏi rồi.

Khám chỗ Ngọc ở, bắt được hai ngọn dáo, 5 cái nỏ, một ít tên độc và một cái túi trong có nhiều bằng cấp, mề đay và tiền kẽm. Ngoài ra, Đại-úy lại bắt được một ống thuốc phiện và một cái bàn đèn.

Dân trong làng đã trốn thoát cả, chỉ bỏ lại một bà già chạy không thoát. Khi lính Pháp hỏi, bà gia giả điên mà không chịu trả lời. Đại-úy Mouteaux liền cho bà già một ít thức ăn và dỗ-dành, nhờ bà đưa giúp một bức thư cho Trương Quang-Ngọc rồi rút về Minh-cầm.

Lúc ở phía Thanh-cước đi thuyền gần lên đến Chà-mạc, toán quân của Đại-úy Mouteaux bắt gặp một chiếc thuyền độc-mộc ở phía trên đi xuống. Người chở thuyền là một mụ đàn-bà có tuổi. Ngồi trong thuyền có một chàng thanh-niên chừng 15, 16 tuổi, mặc áo vải thô và rách-rưới nhưng sạch sẽ. Chàng

thanh-niên cử-chỉ đường-bệ và dáng mặt khôi ngô. Khi bị quân Pháp giữ thuyền lại khám thì chàng thanh-niên và mụ lái đò đều có vẻ lúng túng. Nhưng Đại-úy Mouteaux thấy người ta nói vua Hàm-Nghi mỗi lần đi đâu đều có mang một cái điếu ống khảm đi theo. Mouteaux, trước còn ngần ngại, sau cho rằng thanh-niên chẳng phải vua Hàm-Nghi, nếu bắt chỉ thêm bận nên cho thuyền kia đi thẳng mà kéo quân lên Chà-mạc. Tới nơi, viên quản nói cho Đại-úy biết là bọn vua Hàm-Nghi và Trương-quang-Ngọc vừa chạy trốn. Mouteaux lúc ấy mới hối hận, tự vấn chàng thanh-niên kia có phải là vua Hàm-Nghi chăng? Hay là một người nào quan trọng trong tả-hữu nhà vua?

Cái hình ảnh của chàng thanh niên gặp trên sông Nai qua lại mãi trong trí của Mouteaux. Hai năm sau các báo bên Pháp đều có in ảnh vua Hàm-Nghi, Đại-úy ngờ ngợ như thấy người mình gặp ở trong ảnh.

Năm 1893, tình cờ Đại-úy được gặp vua Hàm-Nghi tại Vũ-quang Câu-lạc-bộ ở Paris. Đại-úy mang việc trước thuật lại cho nhà vua nghe và hỏi nhà vua có phải là người trẻ tuổi đi thuyền của một mụ già ở áp Ai-lao không thì nhà vua chỉ mỉm cười, trả lời bằng một câu chung mà nhà vua thường vẫn dùng để đáp lại những câu hỏi tò-mò của người Pháp:

« Nhắc làm quái gì những việc ấy. Ta nên nói chuyện khác».

VUA HÀM-NGHI BỊ BẮT

MÙA hè năm 1887, dân Cơ-sá là một tổng Mường đã cung cho vua Hàm-Nghi những tên quân bắn nỏ cực giỏi, ra hàng. Đại-úy Mouteaux giao cho viên chánh-tổng chuyển trả lại Trương-quang-Ngọc ống thuốc phiện và cái bàn đèn bắt được ở nhà Ngọc mấy hôm trước. Ngoài ra, Đại-úy lại gửi dâng vua một tạ gạo trắng và hai bức thư của Thái-hậu và vua Đồng-Khánh khuyên vua Hàm-Nghi ra hàng. Một bức thứ ba nữa của Đại-úy Mouteaux gửi cho Ngọc bảo Ngọc bắt vua Hàm-Nghi mà lập công. Những thư này đều do tay Cả Hinh là bố vợ Trương-quang-Ngọc trao lại cho Ngọc. Mấy hôm sau có thư của Ngọc trả lời. Trong thư Ngọc nói rất cảm động vì Đại-úy đã trả lại thuốc phiện cùng cái bàn đèn và hứa sẽ giúp Đại-úy bắt vua Hàm-Nghi. Nhưng việc không thể thi hành ngay được. Vì khi chạy trốn ở Chà-mạc, Ngọc bị trượt từ trên một tảng

đá xuống, ngã gẫy chân. Tuy vậy, khi nào lành bệnh sẽ không bỏ qua việc này mà không giúp Đại-úy.

Chí mưu phản của Ngọc bắt đầu từ đấy.

Trong thời gian từ tháng Bảy 1887 đến tháng Mười 1888, người Pháp cũng không quá tin vào lời hứa của Ngọc mà không cố theo rõi vua Hàm-Nghi.

Các đồn Pháp thoạt tiên lập ở bãi biển, dần dần lấn vào trung bộ tỉnh Quảng-bình ; sau, lên xát miền thượng-du. Mắt lưới mỗi ngày một xe chặt lại, đất đai của vị nguyên-thủ cũ Triều-đình Huế thu lại chỉ còn một chiếc lều tranh là chỗ sống qua ngày. Nhưng sau những khu rừng rậm um tùm, vua Hàm-Nghi như một con vật thiêng liêng khéo lẩn ra ngoài vòng săn của người Pháp.

Chợt, ngày 12 tháng Mười 1888, có một người Nam xin vào yết kiến viên Đại-úy quản đồn Đông-ca. Người này khai tên là Nguyễn-tinh-Đình, người làng Đức-vũ-xá (gần Huế) và đóng đội trong đội quân hộ giá.

Nguyễn-tinh-Đình nói: «mình theo vua Hàm-Nghi trốn khỏi Huế từ năm 1885. Cho đến tháng Chín 1888, Đình vẫn còn được hầu cận vua. Tôn-thất-Thiệp, con trai Tôn-thất-Thuyết không bao giờ rời vua. Thiệp khuyên vua chạy ra Bắc-kỳ và đã chém một vị quan nhỏ vì vị quan này ngỏ ý muốn ra điều đình với người Pháp. Thiệp không khi nào

chịu hàng. Chính Thiệp đã gây cho vua Hàm-Nghi cái can-đảm và nghị lực phấn đấu.

« Vua hiện ở một khu rừng cách Ngã-hai chừng vài giờ, do khe Giòi là một ngành sông Nai đi ngược lên. Chỗ này không có làng xóm gì cả. Vua ở trong một túp lều tranh do dân Chà-mạc dựng lên.

« Đã sáu tháng nay, Ngọc không hầu cận vua nữa. Ý Ngọc muốn ra hàng, nếu quân Pháp chịu hứa cho Ngọc một vài mối lợi. Vua ở với Thiệp, viên Thống-chế Nguyễn-Thúy, người đã có tuổi và con là một viên Tham-biện Nội-các. Ngoài ra lại có hai tên lính Mường, ngày ngày thổi nấu ăn. Vua với các quan ăn cơm muối, mặc áo vải nâu và thường bị sốt luôn. Mỗi lần có quân Pháp đến miền này, thì một tên lính Mường lại cõng vua chạy ẩn vào rừng.

« Tôn-thất-Đạm vẫn đóng quân ở Vàng-liêu, giữa giẫy núi Hà-tĩnh. Đã 8, 9 tháng nay, nghĩa là từ khi quân Pháp lập đồn ở thượng-du sông Nai thì Đạm không có tin tức đi lại với vua Hàm-Nghi.

« Nhà vua hiện không có của-cải gì hết, ngoài hòm quần áo mang từ Huế ra và hai lưỡi gươm mà một lưỡi là của người Pháp gửi tặng vua Gia-Long từ đầu thế kỷ. »

Đình lại nói rằng mình không dám ở gần vua Hàm-Nghi, vì bị Thiệp ngờ là có ý phản-phúc, định mang ra chém. Ngọc cũng bị ngờ như thế nên đã mấy

tháng không dám đến gần chỗ vua ẩn.

Đại-úy Boulangier trao cho Đình một lá thư, dặn đưa cho Ngọc và bảo Ngọc thân đến đồn Đông-ca.

Mấy hôm sau quả-nhiên Trương Quang-Ngọc lên đến.

Ngày 1 tháng một 1888, Trương Quang-Ngọc và Nguyễn-tình-Đình mang 20 tên Mường thuộc các làng Thanh-lạng và Thanh-cước vác nỏ và gươm, dáo lên phía Chà-mạc. Tướng Pháp dặn Ngọc nên đối-đãi với vua Hàm-Nghi cho có lễ-độ. Còn Thiệp cùng các quan khác thì cứ chém ngay, nếu họ có ý chống lại. Trước khi Ngọc khởi hành, Đại-úy Boulangier lại hứa nếu việc thành-công sẽ trọng-thưởng.

Mười giờ tối, cả đoàn đến chỗ ở của vua Hàm-Nghi. Túp nhà này mới làm được chừng sáu tháng. Nhà làm trên bờ khe Tá-bào, vách nứa, lợp tranh. Trong nhà chỉ có một cái trống tre rải chiếu. Ngoài hòm quần áo mà Nguyễn-tình-Đình nói trên, người ta nhặt được một ít nồi niêu, bát đĩa lối thường dùng của người Mường. Thấy ở ngoài có động, trong nhà hai người vọt nhảy ra. Hai người bị Trương Quang-Ngọc đánh chết và dùng dáo đâm qua bụng. Hai người đó là quan Thống-chế Nguyễn Thúy và con trai Nguyễn Thúy giữ chức Tham-biện Nội-các trạc độ 45 tuổi.

Tôn-thất-Thiệp vác gươm chạy ra, chực xông

vào đánh thì bị một người Mường là Cao Viết-Lượng, người Thanh cước, phóng một ngọn dáo xuyên qua ngực, chết.

Vua Hàm-Nghi đang ngủ sực tỉnh dậy, cũng cầm gươm bước ra. Biết mình bị phản, chĩa gươm bảo Ngọc : « Mày giết ta đi còn hơn là mày mang ta ra mà nộp cho Tây. »

Nhưng vừa mới nói rứt lời thì bị một tên Mường là Thanh-Cối rựt gươm và nhảy vào ôm lấy ngang lưng vua.

Từ đấy, vua Hàm-Nghi không nói năng gì nữa.

Ngọc cho cắt đầu Tôn-thất-Thiệp và cha con Nguyễn Thúy ba người còn sót lại trong hàng vạn quân Cần-vương, đã lấy cái chết mà tạ vua Hàm-Nghi, khi mạt vận.

Sáng hôm sau, dân Mường cáng vua Hàm-Nghi đến Ngã hai rồi đóng bè về đồn Thanh-lạng. Giòng giã hai ngày trời đi bè trên sông Nai, vua Hàm-Nghi không nói năng gì hết, thỉnh-thoảng chỉ hỏi han về những làng xóm vừa qua.

Cảnh nước biếc non xanh ấy hình như nhắc lại trong trí nhớ của nhà vua bốn năm dĩ-vãng, hoàn toàn hy-sinh cho cuộc chiến-tranh.

Cuộc đời bão táp ấy chỉ khi nào nhắm mắt mới là cùng.

Bị bắt, vua Hàm-Nghi tin rằng mình sắp bước

vào cõi chết, cho nên nhà vua đã hết lo buồn và có vẻ rất điềm tĩnh.

Khi bọn Ngọc đọc lá thư của Đại-úy Boulangier gửi cho vua Hàm-Nghi, nhà vua lắc đầu : « Thư ấy gửi cho các ngươi đấy, chứ có phải gửi cho ta đâu ! »

Bọn Ngọc khuyên vua nên về Huế để an hưởng phú-quý, nhà vua nói :

« Các ngươi bắt ta nộp cho Tây. Bây giờ dù các ngươi ăn thịt ta, ta cũng phải chịu chứ ta biết làm thế nào được ».

Thỉnh thoảng nếu nhà vua có thốt ra một câu nói thì trước sau cũng vẫn là câu : « Mệnh trời, ta tránh sao được ».



TÔN THẤT-ĐẠM TUẪN TIẾT

KHI được tin Trương-quang-Ngọc làm phản và vua Hàm-Nghi bị bắt, Tôn-thất-Đạm tỏ ý thất-vọng. Đạm nghĩ mình vào sinh ra tử trong bấy nhiêu lâu là vì theo đuổi cái lý-tưởng bảo-vệ cho một ông vua. Nay nước đã mất, vua bị tù, không lẽ mình chịu lơ-láo làm kẻ hàng-thần, thà chết đi còn được lưu danh thiên-cổ.

Liền đó, Đạm thảo hai lá thư, sai Trần Vinh đưa đến đồn Thuận-bài, trao cho Thiếu-tá Dabat.

Lá thứ nhất đệ lên vua Hàm-Nghi :

« Hàm-Nghi năm thứ tư; tháng Một ngày mồng tám.

« Thần Tôn-thất-Đạm, Khâm-sai Chưởng-lý quân-vụ cúi dâng Ngự-lãm :

« Không được gần gũi Hoàng-thượng để hộ-giá, khi có kẻ phản thần làm việc ám-muội, thần mang tội rất nhiều.

« Song đấy là mệnh trời xui nên nước ta gặp bước gian - nguy và các công - thần không được gần vua để cứu giá.

« Các quan văn võ sẽ mang hận ấy suốt đời, vậy xin Hoàng - thượng tha thứ cho và thề sẽ hết lòng trung cho đến thác ».

Thư thứ hai, Tôn-thất-Đạm gửi cho Thiếu - tá Dabat :

« Hàm-Nghi năm thứ tư, tháng Một ngày mồng tám.

« Khâm-sai đại-thần Tôn-thất-Đạm thư kính sĩ-quan Pháp, quản đồn Thuận-bài :

« Những việc khốn nạn vừa xảy ra ở nước tôi bắt buộc tôi phải viết thư cho ngài.

« Cha tôi, vì việc nước phải xuất dương hiện chưa về ; tôi phải kế cái nghiệp lớn - lao mà vua tôi chẳng quản tôi tuổi trẻ tài hèn, đã phó thác cho tôi.

« Tôi không hiểu sao trời lại xui khiến cho vua phó thác cho tôi cái trách nhiệm quan trọng ấy, và tôi rất tiếc rằng không được ở cạnh vua để cứu giá và giết chết bọn phản thần, hoặc cùng chết với em tôi khi quân phản-nghịch bắt vua mà nộp cho quân địch.

« Nếu bọn giáo-dân không xen vào giữa người Pháp và người Nam thì không bao giờ có chiến-tranh. Về phía chúng tôi thì tự-nhiên chúng tôi không bao

giờ khiêu-chiến với người Pháp. Nếu chúng tôi có chống với người Pháp chẳng qua chỉ là vì phận-sự phải che chở cho bờ-cõi, và hết lòng trung theo vua, khi ngài rời bỏ kinh-thành.

« Nay chúng tôi bị thua. Cái then của chiến-bại đã đến bước cùng. Vậy xin ngài cho các tướng-sĩ được về quê hương an-trí làm ăn và không phải ra thờ Triều-đình mới.»

Thiếu-tá Dabat vội vàng viết thư đáp lại, trong có câu : « Thay mặt các binh sĩ Pháp, tôi xin nói để ngài biết rằng các tướng Pháp rất kính phục ngài. Xin mời ngài ra đồn Thuận-bài. Tôi xin đoan rằng người Pháp sẽ đãi ngài một cách trân-trọng, xứng đáng với tài đức và địa-vị của ngài trong hoạn-giới.»

Nhưng hôm ấy, Đạm cho đòi các quan văn, võ ra hầu, truyền cho ra hàng người Pháp, và hẹn ai nấy phải cáo về quê hương an nghiệp làm ăn, khuyên không được nhận chức tước và thờ vua mới. Đạm nói : « Còn ta, nếu người Pháp có hỏi, các ngài cứ bảo họ vào trong rừng này tự khắc tìm thấy ta.»

Nói rứt lời, Đạm trật chiếc khăn đang đội trên đầu thắt cổ tự-tử.

Tôn-thất-Đạm mới 22 tuổi.

Các quan xúm lại, ôm lấy thây Đạm mà khóc. Tiếp, kẻ đào lỗ, người gói gấm. Tính-mệnh của người anh hùng phút chốc đã biến thành một nấm đất

vàng tưới bằng giọt nước mắt của hơn trăm tướng-sĩ. Khi các quan ra hàng, thấy thiếu mặt Tôn-thất-Đạm, Thiếu-tá Dabat vội cho quân vào tìm trong rừng thì quả nhiên thấy mộ của quan Khâm-sai, bên cạnh có lưỡi gươm mà sinh thời Đạm thường cầm.

Sống, Đạm vùng vẫy ở đất Hà-tĩnh ; chết, chôn ở ngàn Hà-tĩnh, cạnh chùa Vàng-liêu nơi mà mấy năm trước, hễ gặp khánh-tiết thì Đạm cùng với bách quan ra bái vọng và truy-niệm tổ-tiên ở chỗ đó.

Mấy hôm sau, Lê Trực cũng ra yết-kiến Thiếu-tá Dabat. Thủy-chung Trực vẫn giữ lời hứa là không đánh nhau với quân Pháp nữa, nhưng quyết về an dưỡng ở quê xưa, không chịu ra làm quan với triều đình Huế.

Các quan văn võ trước kia theo vua Hàm-Nghi, cũng người bị bắt, kẻ lục tục ra hàng. Cái chí phục quốc nó bồng bột lên trong mấy năm 1885, 1886 và 1887, sau rốt thành ra đống tro tàn, mấy vạn chiến sĩ và trung thần chỉ còn lưu lại một vết máu mà thời gian không thể xóa nhòa được ở trong lịch sử.

Hai người có công trong việc bắt vua Hàm-Nghi là Nguyễn-tinh-Đình và Trương quang-Ngọc đều được trọng thưởng.

Đình được bổ vào làm hiệp quản ở Bình-thuận, nhưng tự nhiên mất tích rồi cũng không ai biết là mai một ở đâu.

Còn Ngọc thì thăng chức lãnh binh. Song Ngọc đến nhậm nơi nào cũng bị các quan liêu khinh bỉ, không thèm giao thiệp với, chê là một tên phản quốc.

Không thể chịu mãi được sự nhục nhã, Ngọc phải xin bổ về đóng ở đồn Thanh-lạng, ngay quê nhà.

Tối 24 tháng Chạp 1893. Ngọc đang hút thuốc phiện thì chợt ngoài đồn có tiếng hò reo, tiếp một toán quân có đủ khí giới phá các cửa cùng sấn vào. Ngọc vội dựt lấy cái nỏ, món khí giới mà Ngọc sở trường, vừa chạy ra toan chống cự thì trúng một viên đạn xuyên bả vai. Ngọc vừa ngã thì họ kéo chạy đến cắt lấy đầu và reo : « Ngọc chết rồi ». Mất chủ tướng, quân trong đồn không chống nổi, đều bị giết.

Người chỉ huy quân đội giết Ngọc hôm đó là Lãnh-Thạc, bộ tướng của Phan-đình-Phùng.

Thạc phóng hỏa đốt đồn Thanh-lạng, bỏ thi thể Ngọc đó và sách đầu Ngọc đến treo ở túp nhà tại khe Tá-bào là chỗ vua Hàm-Nghi ở trước.

Cái thi hài thối nát và không đầu của Ngọc mấy hôm sau người nhà mới dám đến lượm và chôn ở cách đồn Thanh-lạng là chỗ Ngọc bị giết chừng vài trăm thước.



TRƯỚC KHI LÌA NƯỚC

HAI giờ chiều 14 tháng Một 1888, vua Hàm-Nghi bị Trương-quang-Ngọc áp giải tới đồn Thuận-bài, Thiếu-tá Dabat và Trung-úy Bonnefoy (chỉ huy một đội xen-đầm từ Huế cử ra đón vua Hàm-Nghi) giàn quân ra hai bên đường từ bờ sông vào đến đồn.

Thuyền vừa áp bến, dân Mường dùng võng cáng vua vào một ngôi chùa ở phía trong đồn do Thiếu-tá Dabat đã sửa sang từ trước để làm chỗ cho vua Hàm-Nghi trú tạm.

Khi nhà vua ở dưới thuyền bước lên quân Pháp cử nhạc và bồng súng làm lễ. Nhà vua như có ý xua đuổi những cái nghi-vệ ấy, kéo khăn che lấy mặt.

Có lẽ vua Hàm-Nghi cho việc ông vua bị bắt là một cái nhục, cho nên từ khi tới đồn Thuận-bài, nhà vua không chịu nhận mình là Hàm-Nghi.

Nghe Thiếu-tá Dabat đọc chúc từ, nhà vua nói: « Những lời Thiếu-tá vừa nói đó không phải để mừng tôi. Vì tôi chỉ là bề tôi vua Hàm-Nghi. Vua tôi hiện ở trong rừng. Nếu không bị bệnh, tôi đã theo vua mà trốn ».

Trong bài chúc từ có dùng đến chữ « Lang-sa ». Nhà vua giả như không hiểu, nói: « Lang-sa là gì? Nào tôi có nghe tiếng ấy bao giờ đâu! ». Rồi ngồi phịch xuống chiếu.

Vua Hàm-Nghi sinh tháng Ba 1871. Lúc bị bắt mới gần 18 tuổi. Người tầm thước, khuôn mặt hơi dài. Mắt sắc và nhanh. Tay, chân đều nhỏ nhắn. Tuy trải bốn năm lặn lội ở nơi nước độc, non thiêng nhưng nhà vua vẫn giữ được vẻ điềm đạm và cách cử chỉ có lễ-độ như người quen sinh-trưởng ở nơi đài-các.

Vua Hàm-Nghi sức vóc yếu đuối. Mỗi lần ra ngoài phải có người cõng.

Thiếu-tá Dabat cắt một người cai và hai tên lính Nam hầu-hạ vua với một tiểu-đồng chừng 12, 13 tuổi theo hầu vua Hàm-Nghi đã hơn một năm.

Khi bị bắt, trong lưng nhà vua có một mảnh giấy biên 10 chỗ chôn vàng ở Huế và những vật sau này:

71 đồng tiền vàng lớn.

1 đồng tiền vàng nhỏ.

30 đồng bạc và 3 lạng bạc.

Được tin vua tới Thuận-bài, các quan lại và

viên Đề-đốc Thanh-thủy là Nguyễn-hữu-Viết đến bái mạng. Nhà vua giả như không nhận biết những người ấy và không truyền bảo gì hết. Thầy học cũ của nhà vua là Nguyễn-Thuận tới thăm. Vô tình, vua Hàm-Nghi vái chào. Người Pháp lúc ấy mới không còn ngờ vực gì nữa, tin đích rằng vị nguyên-thủ của nước Nam mà các tỉnh Trung, Bắc-kỳ rội máu để bảo-toàn, nay đã sa vào tay người Pháp.

Trung-úy Bonnefoy chuyển dâng bức thư của Tôn-thất-Đạm cho vua xem. Nhà vua đọc xong, ném lá thư xuống bàn, làm như thư ấy không quan hệ đến mình.

Nhưng đêm đến khi bốn phía cùng vắng vẻ, nhà vua lại cất lấy đọc đi, đọc lại hai ba lần, có vẻ nghĩ ngợi.

Sáng sớm 15 tháng Chạp 1888, vua Hàm-Nghi đi võng từ Thuận-bài sang Bố-trạch, có quan bản hạt đón rước và Trung-úy Bonnefoy chỉ huy đội sen đầm áp dẫn.

Qua mỗi hạt, dân đã biết trước, đều có thiết hương án bái mạng và mang thực phẩm ra cung tiến. Số người đi theo tiễn có tới hàng trăm.

Tới Động-hải trời đã tối, vua Hàm-Nghi không vào thành mà nghỉ ngay ở dưới thuyền.

Thỉnh thoảng nhà vua trao đổi một vài câu với Trung-úy Bonnefoy, nhưng chỉ toàn hỏi về việc chế thép, đúc súng, đạn, lập đường giây thép, hoặc bàn

về việc khai mỏ, canh nông. Những câu hỏi ấy, theo lời Bonnefoy, tất nhiên phải thốt ra ở những khối óc phi thường trong bọn thanh niên 18 tuổi về hồi đó.

Tới Thuận - an, vua Hàm - Nghi nghỉ tại gian phòng của viên Trung-tá, chấn-thủ cửa Thuận.

Tại Huế, Khâm-sứ Pháp Rheinart, Đại-tá chỉ huy đạo quân Huế và các nhân viên viện Cơ-mật đáp tầu Rafale ra bệ kiến vua Hàm - Nghi. Nhưng vua cáo ốm không tiếp. Sau bị Trung - úy Bonnefoy bắt ép phải sang hội kiến với Khâm - sứ Rheinart, vua Hàm-Nghi tỏ ra thái-độ rất lãnh đạm.

Rheinart hỏi: « Thái - hậu đang yếu nặng. Nếu nhà vua có muốn thăm, tôi sẽ cho mang tầu về đón ra đây để nhà vua được hỏi han một đôi lời ? »

Vua Hàm - Nghi sầm nét mặt, đáp: « Tôi thân đã tù, nước đã mất thì còn dám nghĩ gì đến cha mẹ, anh em chị em nữa. »

Nói xong, liền cáo từ mà lánh về phòng nghỉ.

Trong lúc vua Hàm - Nghi nói chuyện với Rheinart, một sĩ - quan Pháp nấp sau cửa, chụp được một bức ảnh. Ảnh ấy Nam - triều gửi đi khắp các tỉnh để loan báo cho dân biết là vua Hàm-Nghi đã bị bắt.

4 giờ sáng 25 tháng Một, trời mưa như rội nước, Trung-úy Bonnefoy đưa vua Hàm-Nghi xuống thuyền đi Lang-cô. Ngồi dưới thuyền, Trung-úy nói cho vua biết rằng Trung-úy được lệnh đưa vua ra pháo-thuyền « La Comète » để giải vào Saigon.

Vua Hàm-Nghi tiếp câu nói ấy một cách rất thản-nhiên. Duy có đứa bé hầu vua thấy nói đường xá xa xôi, liền xin cáo về.

Nhà vua tuy ít ngủ, nhưng mặt không hề biến sắc.

Tới Hải-vân-quan, vua Hàm-Nghi ban cho người lính theo hầu từ Đông-ca một đồng tiền vàng. Dọc đường, Trung-úy Bonnefoy cố dò hỏi về Tôn-thất-Thuyết. Nhưng vua Hàm-Nghi không đáp, hoặc chỉ trả lời bằng những câu vắn-tắt: «Tôi không biết Tôn-thất-Thuyết là ai hết!» hay «Tôi không hiểu ông hỏi để làm gì?» Khi đi khỏi Hải-vân-quan, Trung-úy muốn khích-động lòng phẫn-nộ của vua Hàm-Nghi, chỉ pháo-thuyền «La Comète», nói: «Chỉ vì Tôn-thất-Thuyết mà ngài sắp phải bước xuống chiếc tầu kia để xa lìa tổ-quốc.»

Vua Hàm-Nghi quay lại đáp:

«Tôi xin ông đừng nhắc đến những việc ấy nữa.»

4 giờ rưỡi chiều 25 tháng Một tới Linh-kiệu, pháo-thuyền «La Comète» đậu ở ngoài khơi cách bờ 200 thước. Thấy hiệu, viên thuyền-trưởng liền cho hai chiếc xuồng vào đón vua Hàm-Nghi và Trung-úy Bonnefoy.

Lên tầu, viên thuyền-trưởng xắp đặt chỗ nằm và cắt một thủy-thủ Việt-nam hầu vua.

Khi Trung-úy Bonnefoy đến cáo-biệt nhà vua để trở về Huế, vua Hàm-Nghi nhìn lên bờ, rồi hình như không nén nổi được sự lưu-luyến đất nước và chợt nghĩ đến thân thế mình, òa lên khóc.

15 phút sau, « La Comète » nhổ neo. Tới Sài-gòn, vua Hàm-Nghi chuyển sang tầu « Biên-hòa » mà đi thẳng Ái-nhĩ-nhiệt (Algérie).



1889 — 1935

VUA Hàm - Nghi tới Alger là kinh-thành xứ Algérie vào thượng tuần tháng Giêng 1889.

Từ pháo - thuyền « La Comète » chuyển sang chiến-hạm « Biên-hòa » sự thay đổi cách vận-tải đối với nhà vua chỉ là thay đổi nhà giam. Không cứ lúc đổ bộ hay khi ở dưới tầu, mỗi cử-chỉ của nhà vua bị viên thuyền-trưởng chú-ý, mỗi bước của nhà vua có thủy thủ đi theo. Từ cái ngai chí-tôn của nước Việt-nam, sau cuộc chiến-bại, vua Hàm-Nghi thốt đã trụt xuống cái thân-thế kẻ tù binh của Pháp.

Không quen đi trên mặt biển, nhà vua bị sóng gió vật-vã ; hóa-công như cố ý làm cho khổ nhục về thân-thể một người bấy lâu đã chịu khổ nhục về tinh-thần.

Tuy vậy, nhà vua không hề thốt ra một lời oán trách hay phàn nàn.

Sự đau đớn đối với nhà vua không phải là việc mới. Nó bắt đầu bấu xé vị thanh niên ấy từ đêm 23 tháng Năm, nghĩa là từ khi rời bỏ kinh thành. Từ đó trở đi, ăn ở góc rừng, ẩn trong hang núi, khi chạy súng đạn, khi tránh thú dữ, có khi bị thần sốt rét hành hạ, luôn mấy hôm không còn biết sống là gì. Ba tháng lênh đênh trên mặt bể, bốn năm lẩn lút ở trong rừng, núi, nước và những nỗi đau đớn của kẻ thua trận đã luyện cho đời vua Hàm-Nghi thành một thiên kiệt tác về đau khổ.

*
* *

Một buổi sáng, còi tầu « Biên - hòa » rúc mạnh như xé bầu không khí nhẹ nhàng của ôn đới, rồi từ từ vào vụng. Trên nhãn giới, hiện ra những tòa nhà chi chít, quét vôi trắng xóa, toàn thể coi như một khối bột lớn mà người với xe ngựa lại qua chỉ là những đàn kiến nhỏ bám vào chung quanh khối bột.

Viên thuyền-trưởng vui vẻ vào trong khoang bảo cho vua Hàm-Nghi biết là tầu đã tới Alger.

Nhưng tin ấy chẳng đủ làm cho nhà vua mừng hoặc lo, cho nên nhà vua cứ lãnh đạm, không đáp. Vì nhà vua không bao giờ quên rằng mình là một kẻ bị tù, sự thay đổi chỗ giam chẳng khi nào đáng vui hay đáng ngán.

Tầu áp bến.

Được lệnh của quan Toàn-quyền Algérie, viên thuyền-trưởng liền cùng với một đội thủy binh áp giải vua Hàm-Nghi đến El Biar là một làng nhỏ ở trên giẫy đồi Mustapha Supérieur, cách Alger vài cây số. Nơi này hoang dã, trái hẳn với sự phồn-tạp của thành phố Alger vài cây số. Nhà vua ở một tòa nhà kiểu thường của dân xứ này. Trước cửa có sân rộng, chung quanh là vườn hoa. Lối đi từ trong nhà ra cổng trồng hai giặng thông. Trên cổng treo một cái biển đề mấy chữ Villa des Pins (Tùng-hiên), có nghĩa như nhớ-nhung cố-quốc.

Khi mới tới Phi-châu, vua Hàm-Nghi không chịu học tiếng Pháp, cho rằng học thứ tiếng ấy tức là thừa nhận kẻ chinh-phục mình cả về vật-chất lẫn tinh-thần. Nhưng một năm sau, nhà vua thấy sự không hiểu tiếng Pháp là một điều thiếu-thốn lớn cho kẻ đã không cãi được số mệnh mà phải gửi thân ở quê người.

Từ đó, vua Hàm-Nghi học tiếng Pháp, đọc sách Pháp, thưởng-thức văn-chương, mỹ-thuật Pháp. Và muốn thấu hiểu được môn mỹ-thuật của Tây-phương, nhà vua tập vẽ và sau trở thành một nhà hội-họa.

Tả chỗ làm việc của vua Hàm-Nghi tại « Tùng-hiên », De Varigny, phóng-viên báo « Le Temps » viết :

« Một phòng rộng lát đá hoa... Chỗ này vua Hàm-Nghi ưa hơn cả và là chỗ nhà vua làm việc

xuốt ngày. Trên bàn sách, báo ngổn ngang, những bức vẽ treo đầy cả trên tường. Trên giá còn mấy bức họa vẽ dở. Rồi, nào chỗ đánh đàn, nào máy ảnh. Những vật ấy như lột ra ở một cái chí ham hiểu, biết, sáng-chế... »

Âm-nhạc và mỹ-thuật, hai món tiêu khiển giúp cho vua Hàm-Nghi khuây khỏa những nỗi đau đớn khi xưa, nỗi đau đớn mà không khi nào nhà vua nói ra, nghĩa không thể quên được.

Tuy ở một chỗ chung quanh toàn người lạ, nhưng vua Hàm-Nghi vẫn dùng nguyên lối y-phục của nước mình : vẫn khăn lượt, vẫn áo dài. Đối với người bản-xứ, vua Hàm-Nghi là một khách lạ. Khách ở đâu đến ? Khách lưu đến bao giờ ? Tên khách là gì ? Quê khách ở đâu ? Không ai biết, mà khách cũng không bao giờ nói, nên người trong xứ thấy Chánh-phủ Algérie gọi vua Hàm-Nghi là (Prince d'Annam) « Vua Annam » thì họ cứ truyền khẩu mà gọi là Prince d'Annam. Cái tên ấy chắc nhà vua cho là chẳng thiệt thòi gì cho mình nên cũng cứ nhận.

Sau này, con gái vua Hàm-Nghi là Như-mai Công-chúa tòng học ở Paris cho đến khi đỗ Nông-vụ kỹ sư (Ingénieur Agronome) cũng lấy tên là « Mademoiselle d'Annam » (An-nam tiểu-thư), có lẽ vì muốn theo gương cha.

Cái thân cô-quạnh của ông vua bị đày ải đã thành

một gia-đình nhỏ ở El Biar, được Chánh-phủ Đông-dương trợ-cấp mỗi năm 25.000 quan.

Ngồi trên bao-lơn Địa-trung-hải vua Hàm-Nghi đã nhìn thấy sự thất-bại của Maroc, cuộc chinh-phục Syrie và nhất là cuộc Âu-chiến vừa qua. Những cuộc đảo lộn ấy giúp cho nhà vua hiểu rõ cuộc hưng-vong của các quốc-gia. Bị cầm, nhà vua đứng hẳn ra ngoài cuộc tranh-đấu của loài người. Nhưng dưới vẻ mặt thâm-trầm của ông già ấy, không hẳn đã không ẩn một ý nghĩ : hy-vọng.

Vì chỉ có hy-vọng mới đủ làm sức mạnh cho sự sống.

HẾT

Mục Lục

TRANG

IN XONG NGÀY
24 - 7 - 1952

Giấy phép tái bản số 55 ngày 18 tháng 1 năm 1951
cấp bởi Uỷ Ban Kiểm Duyệt Bắc Việt.